

VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NAM

XXXXI

**TRAI HÙNG DŨNG  
GÁI ĐẢM ĐANG**



[I]



[II]

**CÔNG DÂN VIỆT NHO**

**30 / 04 / 2024**

## TRAI HÙNG / DŨNG GÁI ĐẢM ĐANG VIỆT NAM

### ĐỊNH NGHĨA

### HÙNG / DŨNG

**Hùng: 雄 :Con quạ đực — Loài thú đực — Tài sức hơn người — Mạnh mẽ dũng cảm.**

**Brave:** having or showing mental or moral strength to face danger, fear, or difficulty : having or showing courage. a brave soldier

**HUYẾT KHÍ chi DÙNG bất khả HỮU**

**Cái sức mạnh của sự Nổi giận của sự phẫn nộ, Hận thù là không nên có**

**Courage :** the quality of mind or spirit that enables a person to face difficulty, danger, pain, etc., without fear; bravery.

**Courageous:** adjective.

Possessing or displaying courage; able to face and deal with danger or fear without flinching (Náo núng )

*“a frank courageous heart...triumphed over pain”- William Wordsworth”*

*“set a courageous example by leading them safely into and out of enemy-held territory”*

**Dũng : 勇 :1. (Tính) Mạnh, có đảm lược. ©Nhu: “dũng sĩ” 勇士 người có sức mạnh, người gan dạ, “dũng khí” 勇氣 sức mạnh, can đảm. ◇Luận Ngữ 論語: “Trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cù” 知者不惑, 仁者不憂, 勇者不懼 (Tử Hãn 子罕) Người trí không mê hoặc, người nhân không lo, người dũng không sợ.  
2. (Tính) Mạnh dạn, bạo dạn. ©Nhu: “dũng ư phụ trách” 勇於負責 mạnh dạn đảm đương trách nhiệm, “dũng ư cải quá” 勇於改過 mạnh dạn sửa đổi lỗi lầm.  
3. (Danh) Binh lính (chiêu mộ ngoài doanh, theo quân chế nhà Thanh). ©Nhu: “huơng dũng” 鄉勇 lính làng, lính đồng.**

### NGHĨA KHÍ chi DŨNG bất khả VÔ

**Cái sức mạnh của Nhân nghĩa của Tình Yêu thì không thể Không .**

**TRAI Hùng / Dũng được phong là NGOẠI VƯƠNG**

### ĐẢM ĐANG

**Đảm 擔** : Vác, gánh. Đương lấy, đảm đương, phụ trách Gánh vác, đảm nhiệm, chịu (trách nhiệm).

**Đang:當**: xúng nhau, ngang nhau, tương đương, tương ứng nên, đáng, chống giữ, đảm đương, gánh vác, làm, lo liệu. ngăn cản, cản trở giữ chức, đương chức, chịu trách nhiệm

**Hùng** : **Brave**: having or showing mental or moral strength to face danger, fear, or difficulty : having or showing courage. a brave soldier

**Dũng** : **Courageous**: adjective.

possessing or displaying courage; able to face and deal with danger or fear without flinching

*"a frank courageous heart...triumphed over pain"- William Wordsworth"*

*"set a courageous example by leading them safely into and out of enemy-held territory"*

The differences between **bravery and courage** can be subtle.

**Bravery** is often associated with strength and fearlessness. At the same time,

**Courage usually means facing your fears and standing up for what's right.** Sep 13,

**GÁI ĐẢM / DANG được tôn là NỘI TƯỚNG**

**TRAI HÙNG DŨNG GÁI ĐẢM ĐANG**

**ĐỊNH NGHĨA CON NGƯỜI**

**Con Người là :**

« *Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức*, 人者其天地之德: Con Người là cái Đức, cái Tinh hoa của Trời Đất.

*Âm Dương chi giao*, 陰陽之交: Do Âm / Dương giao hợp mà được sinh ra

*Quỷ Thần chi hội*, 鬼神之會: Nơi hội tụ của Quỷ / Thần, Lành / Dữ kẻ lừng nhau .

*Ngũ hành ( Thủy / hỏa 水 /火, Mộc / kim: 木/金 ) chi tú khí giả* 五行之秀氣也:

Ngũ hành là Tú khí của hai cặp đối cực Thủy / Hỏa, Mộc / Kim;

Ngũ hành là Tạo Hóa lưu là nguồn biến hóa của hai cặp đối cực Thủy / Hỏa, Mộc / Kim: nguồn Sinh Hóa của Vũ trụ.

Trong Bài Hát : **Một Cõi Đi / Về**, Nhạc Sĩ **Trịnh Công Sơn** đã ví von về cuộc sống của con Người :

“ Trên hai vai ta đôi vầng **Nhật Nguyệt!**

“ **Rọi suốt Trăm năm một cõi Đi / Về !** ”

**Hai vai con người luôn mang theo hai vầng Nhật Nguyệt**

**Nhật** là nguồn **Năng lượng Lý trí Sáng lạng** nơi người **CHA**

**Nguyệt** là nguồn **Năng lượng Tình yêu bao la, êm đềm, ngọt ngào** của người **MẸ** ,

nên con người có **Tình / có Lý** hay có **Tình / Nghĩa** .

Khi Mẹ Cha hành xử với nhau theo **Tình / Lý tương tham** hay **Nhân / Nghĩa Lương nhất** thì sống Hòa với nhau, nhờ **Đức Hùng ( Bravery ) / Dũng ( Courage )** mà **Bao dung** nhau.

### **TÌNH NGHĨA, BAO DUNG**

Là **Nhân phẩm** của con Người và cũng là **Tinh thần Bất khuất** chung của **Dân tộc**.

Con người là một trong Tam tài: **THIÊN / ĐỊA = NHÂN**.

Trời là **Thiên Hoàng**, Đất là **Địa Hoàng** thì con Người cũng là **NHÂN HOÀNG**

Là **Nhân Hoàng**, nên con người trở nên to lớn ( **Hùng / Dũng** )

### **SINH HOẠT CỦA CON NGƯỜI**

Sinh hoạt con người suốt đời cũng chỉ **loanh quanh một cõi Đi / Về** trong kỳ hạn **100 năm**

( **Nhân sinh bách tuế vi kỳ** )

**ĐI là Suy tư ( Thinking )** về Thế giới Hiện tượng ( **Phenomenal world** ) hầu phát triển **Lý trí** để khám phá các **Định luật Khoa học**.

**VỀ là Quy tư ( Feeling )** về nguồn **Tâm linh ( Spiritual world )** mà cảm nghiệm được **Nguồn Năng lượng Tình Yêu ( :  $E = mc^2$  )** sáng tạo nên **Vũ trụ**.

## I.- SUY TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN LÝ TRÍ HÀU KHÁM PHÁ KHOA HỌC

Nhờ Suy tư mà Lý trí phát triển giúp khám phá được những định luật vĩ đại nhất thế giới:

1. “Hạt của Chúa”: Hạt Boson Higgs
2. Định luật của Newton về sự chuyển động
3. Phản vật chất
4. Thuyết tương đối rộng
5. Mô hình Bohr
6. Phóng xạ
7. Định luật bảo toàn khối lượng
8. Hạt sơ cấp Quarks
9. Photon
10. Lực hấp dẫn

### Chỉ có một khoa học

Trong buổi họp báo sau báo cáo khoa học, khi một phóng viên trẻ người Nhật hỏi vị chủ tọa, giáo sư Rolf-Dieter Heuer, tổng giám đốc của Tổ chức Nghiên cứu hạt nhân châu Âu (CERN), rằng trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn như hiện thời thì liệu những nghiên cứu cơ bản như thế này có lãng phí? Nên chăng cần tập trung cho nghiên cứu ứng dụng có thể giúp hàng triệu người?

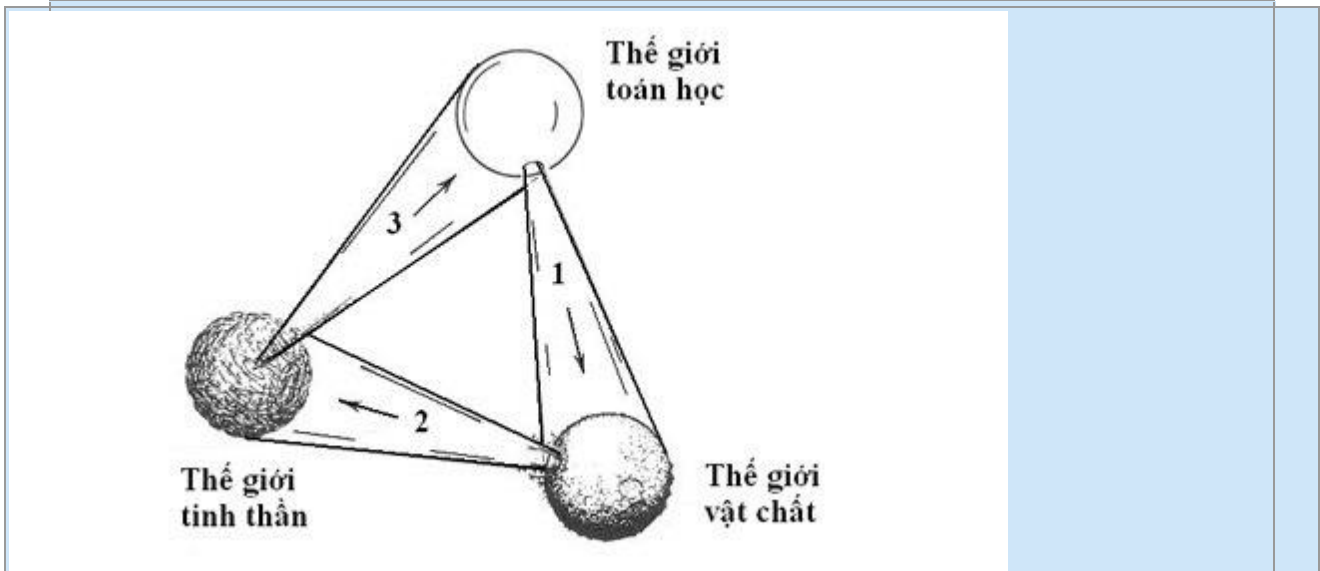
Đây là một câu hỏi khó, không phải vì ở bản thân câu hỏi mà ở việc giải thích cho những người ngoài giới hiểu được vai trò của khoa học cơ bản, do sự khác biệt về quan điểm và tầm nhìn. Giáo sư Heuer đã giải thích rất thông minh, đại ý: chỉ có một khoa học và do đó không nên chia ra thành khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng.

Khoa học cơ bản là gốc rễ của sáng tạo, không nên tính chuyện chỉ tập trung cho khoa học cơ bản hay ứng dụng, mà cần phải tìm ra một cân bằng đúng. Tỉ như anh có một lượng ngũ cốc, anh phải chia ra thành hai phần, một phần để ăn, một phần để gieo trồng.

Anh không thể ăn hết, vì như thế thì không còn gì cho mùa sau nữa. Anh cũng không thể mang đi trồng hết, vì như thế sẽ bị chết đói. Vì thế, điều quan trọng là cần phải tìm được một tỉ lệ đầu tư đúng giữa cơ bản và ứng dụng.

### Ba Thế giới, ba Bí mật

Rõ ràng việc tìm kiếm hạt Higgs được khích lệ bởi niềm tin vào mô hình chuẩn. Nếu không có niềm tin này, không ai có thể dành ngân quỹ thời gian và nguồn lực để tìm kiếm hạt Higgs trong suốt ngàn ấy năm.



### Ba thế giới và ba bí ẩn của nhà toán học Penrose

Nhưng vì đâu mà một lý thuyết, như mô hình chuẩn, lại có thể là nguồn kích lệ lớn đến như vậy trong việc khám phá khoa học? Và vì sao các lý thuyết khoa học, như mô hình chuẩn chẳng hạn, lại mô tả chính xác thực tại đến như vậy là một câu hỏi còn bỏ ngỏ.

Rõ ràng, con người được hình thành từ vật chất. Nhưng bằng cách nào mà khối vật chất đó lại sinh ra đời sống tinh thần, và từ trong đời sống tinh thần đó lại sinh ra các định luật khoa học có khả năng mô tả ngược lại thế giới vật chất xung quanh?

Theo Penrose, nhà toán học Anh, thì đó là những bí mật lớn mà con người cần giải đáp. Mà bước đầu tiên là xác thực rằng có một mối liên hệ giữa thế giới toán học, hay rộng hơn là thế giới các định luật khoa học, với thế giới thực tại. Cụ thể: lý thuyết khoa học có thể mô tả chính xác được thực tại, trong đó mô hình chuẩn là một điển hình.

Chính vì thế, việc kiểm chứng tính đúng đắn của mô hình chuẩn không chỉ có ý nghĩa trong vật lý, mà còn có những hệ quả sâu xa hơn trong khoa học và triết học, đặc biệt là trong nhận thức về vật chất và thế giới, và cả nhận thức về chính bản thân nhận thức nữa.

## II.- QUY TƯ VỀ NGUỒN TÂM LINH

Con người sẽ nhận ra có:

**BA LUẬT LỚN**  
trong Vũ trụ

**1.- Luật BIẾN DỊCH BẤT BIẾN ( Ying Yang Change ) theo Chu kỳ : Ngày /Giờ Đêm / Ngày , Tháng / Năm , Nguyên, Hội, Vận, Thế . ( I )**

**2.- Luật GIÁ SẮC (: Sow and Reap )**

**Gieo gì thì Gặt nấy  
Ai gieo thì Nấy Gặt  
Gieo Một gặt Trăm**

**3.- Luật LOẠI TỰ ( Law of Affinities ); Tuồng nào theo Tập nấy ( Ce qui resemble, s'assemble: Like, like, like ? )**

**Ba luật này được gọi là Lưới Trời, tuy Thừa nhưng mà chẳng có gì lọt qua được ( Thiên Võng khôì khôì, Sơ nhi bất lậu ).**

## **QUY TƯ VỀ NGUỒN TÂM LINH**

### **XÂY DỰNG PHẠM GIÁ CON NGƯỜI THEO THIÊN LÝ ( DỊCH LÝ )**

**Dịch: « Vô tư giả, vô vi giả, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên-hạ chi cố**

**易: 無思也, 無爲也, 寂然不動, 感而遂通天下之故:**

Không nghĩ ( No mind ), không làm, ( No artificial ) im lặng ( quiet ) không động, ( keep still ) đến lúc cảm ( Feel ) thì suốt được **mọi Cớ** ( Ying yang dual unit : Âm Dương Hòa ) trong thiên-hạ. » ( *Dịch: Hệ-từ thượng* ).

Sự cảm ứng tự-nhiên thì bao giờ cũng công-chính phổ-cập vạn sự trong thiên-hạ không thiên tư gì cả. Nếu người ta không hiểu lẽ ấy, mà cứ dùng tư-Tâm tư-Ý để câu lấy sự cảm-ứng riêng của mình, thì không sao suốt được đến cái **Lẽ trong thiên-hạ**.

**Cái Cớ, cái Lẽ trong Thiên hạ là: DỊCH LÝ ÂM / DƯƠNG HÒA**

**SUY TƯ ( LÝ ) / QUY TƯ ( TÌNH ) LƯƠNG NHẤT :**

**TÌNH ( NHÂN ) / LÝ ( NGHĨA ) TƯƠNG THAM**

**Âm / Dương Hòa: Nhân / Nghĩa lương nhất hay Nhập Thần: Hùng / Dũng: Bao dung .**

**NHÂN NGHĨA BAO DUNG :**

**TINH THẦN BẤT KHUẤT CỦA DÂN TỘC**

**TÂM LINH / KHOA HỌC LƯƠNG NHẤT: THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

---

## CÁCH TRAU ĐÔI SỨC KHỎE VẬT CHẤT

### Học người xưa bí quyết chăm sóc sức khỏe đơn giản

Sức khỏe luôn được xem là thứ quý giá nhất của con người. Từ xa xưa, khi kinh tế còn thấp kém, ông cha ta đã học hỏi và đúc rút những phương pháp rèn luyện thân thể để bảo vệ sức khỏe, chống lại bệnh tật hữu hiệu. Sau đây là những bí quyết chăm sóc sức khỏe đơn giản của người xưa bạn có thể học hỏi.

#### Những bài tập luyện

##### Tập luyện vai

Tập luyện vai rất quan trọng, giúp phát triển cơ bắp ở lưng, thân, vai, ngực và tay. Quá trình vận động các đốt xương của cột sống và khớp vai sẽ làm giãn nở lồng ngực, cải thiện hô hấp, điều hòa lưu thông khí huyết, đồng thời làm da dẻ hồng hào, tâm trí minh mẫn, từ đó cơ thể ngày càng khỏe mạnh.

##### Tập luyện chân

Chân phải đứng vững, rồi giơ chân trái lên 7 lần, sau đó đổi chân và cũng tiến hành như vậy. Động tác này sẽ giúp bạn tăng cường sự bền chắc của các cơ bắp chi dưới cũng như các khớp vận động, đồng thời củng cố hệ thống thăng bằng của cơ thể.



##### Tập luyện chân giúp củng cố hệ thống thăng bằng của cơ thể

##### Tập luyện răng

Để hai hàm răng đập vào nhau 36 lần, khi đó răng của chúng ta sẽ vận động theo một nhịp. Điều này giúp hài hòa âm dương, cân bằng khí huyết và lưu thông kinh lạc, bảo vệ hàm răng vững chắc, củng cố cơ hàm, đẩy lui hiện tượng móm, mặt khác còn làm tăng khả năng tiêu hóa thức ăn và khả năng kháng khuẩn.



## **Tập bài tiết nước bọt**

Lấy đầu lưỡi liếm lên hàm ếch cho nước bọt tiết ra đầy miệng rồi nuốt dần, làm như vậy 36 lần, khi liếm phải mím miệng và mím môi. Nước bọt sẽ từ họng đi đến gan, thận và tập trung ở bụng, sau đó chuyển hóa thành tinh khí, có tác dụng tốt cho ngũ tạng.

## **Tập luyện tai**

Lấy hai bàn tay che bịt tai, rồi lấy ngón trỏ đè lên ngón giữa, đập vào xương não hậu (xương chẩm) hai bên 24 lần. Với động tác này, khí huyết sẽ lưu thông tốt, giúp điều hòa thần kinh và kích thích hoạt khí, cân bằng nóng lạnh trong cơ thể.

## **Những bài tập hít thở và xoa bóp**

### **Hít thở điều hòa**

Nắm hai tay lại, mũi hít sâu vào rồi vận xuống dưới rốn, tiếp theo là giơ tay lên trời, làm xong thì hạ tay xuống và để trên đầu gối. Người xưa cho rằng, phía dưới rốn 3 tấc là Đan điền – nơi tập trung khí của con người. Mục đích của bài tập này chính là để rèn luyện hô hấp và làm tăng lượng dưỡng khí. Khí chính là nguồn năng lượng lưu chuyển trong cơ thể, khí có dồi dào thì sức khỏe mới cường tráng.

### **Xoa vùng bụng**

Tay phải đỡ vùng thận sau lưng, tay trái xoa vùng bụng dưới rốn 36 lượt. Xoa bụng sẽ làm tăng tuần hoàn máu, giúp lưu thông khí huyết và nuôi dưỡng thần kinh, kích thích hoạt động của ruột và dạ dày, chống táo bón, đầy hơi, béo phì, đặc biệt rất tốt cho những người cao tuổi bị thận hư thường đau lưng, mỏi gối.



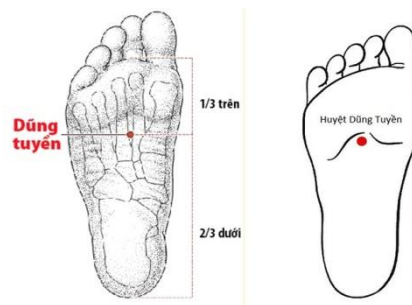
*Massage là một phương pháp chăm sóc sức khỏe tuyệt vời*

### **Xoa Mệnh môn**



Lấy hai tay vạt cho nóng rồi đưa ra sau lưng xoa vào Mệnh môn (xương sống vùng thận), phải trái 36 lượt. Mệnh môn là huyết thứ tư trong Đốc mạch, có tác dụng bồi nguyên, bổ thận và điều hòa khí huyết. Xoa Mệnh môn sẽ giúp bạn phòng tránh các chứng đau đầu, đau lưng, hơn nữa còn thúc đẩy hệ tiêu hóa hoạt động tốt.

### Xoa bàn chân



### Huyết Dũng tuyền

Ngồi xếp bằng, để chân trái lên đùi chân phải, lấy tay trái nắm chặt ống chân trái rồi lấy tay phải xoa lòng bàn chân 36 lượt, sau đó chuyển sang chân phải và cũng tiến hành như vậy. Bàn chân được người xưa ví như “quả tim thứ hai” của con người, bởi tất cả các huyết ở chân đều ảnh hưởng đến các cơ quan khác trên cơ thể. Xoa bàn chân giúp cân bằng âm dương, bài tiết độc tố, tăng thân nhiệt và tăng cường tuần hoàn máu ở các chi dưới, ngoài ra còn có tác dụng lợi gan, tinh mắt, nhuận tràng, thông tiểu, giảm mệt mỏi,...

Cuộc sống hiện đại ngày nay, nhiều người chăm sóc sức khỏe bằng cách tìm đến các trung tâm Spa, chăm sóc sức khỏe toàn diện như Sen 1992. Tại đây mọi người có thể lựa chọn những liệu trình chăm sóc phù hợp với mình hoặc massage cho gia đình theo phương pháp **massage truyền thống Việt Nam, matxa chữa bệnh...**

Để biết thêm thông tin chi tiết về tại dịch vụ tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe Sen 1992, bạn có thể liên hệ:

## TRÒ CHƠI TẬP, THỂ

Trò chơi. Đi Xà ngang, Leo Cột trơn, kéo Dây, đánh Đáo, Xít Đu , Đô vật, Vật Cù , Toán Nữ  
thi đua vừa gánh Nôi vừa thổi lửa nấu cơm, thi Nữ công gia chánh



Đi cầu khi



Leo cột trơn



Trò cây chuối



Trò chơi kéo co

Trò chơi kéo Dây



Trò chơi  **cướp Cù** ( Cù là gốc chuối lớn nặng được gọt tròn )

[ Tương tự như Foot Ball game ]



Nam

Nữ

Đô vật Việt Nam



Gái Trai chơi Xít Đu Tiên

---

## LỄ CÀI TRÂM

### Bộ từ điển: Chú Thích Phật Học - Pháp Thí Hội

● (Kê lễ, 簪禮), Kê ở đây là cách gọi khác của cái Trâm. Người con gái khi mười lăm tuổi trở lên (đôi khi tiến hành sớm hơn nếu sắp được gả đi, có trường hợp cá biệt, đến hai mươi tuổi mới làm lễ cài trâm), bện búi tóc thành búi lên đỉnh đầu, cài trâm để giữ chặt lại. Sau khi đã nhận lễ cài trâm, người nữ không bao giờ ra ngoài mà không búi tóc, cài trâm. Tùy theo giàu nghèo khác biệt mà trâm có thể chỉ là một thanh gỗ nhỏ, tròn, một đầu to và tù, đầu kia nhỏ và nhọn, có thể cắm xuyên qua búi tóc, hay bằng vàng, bạc, ngọc, chạm trổ cầu kỳ, có tua, có hoa văn v.v... (Nói cho đúng, loại trâm như vừa tả được gọi là Kê, loại được trang trí cầu kỳ hơn thì gọi là Trâm, nếu đã cách điệu thành hoa lá, có tua treo, gồm nhiều nhánh, sẽ gọi là Thoa). Có nhiều khi do chạy theo mode thời trang hoặc do khoe của, các cô có thể cắm khá nhiều trâm trên đầu. Điểm khác biệt giữa người đã thành hôn và người chưa thành hôn là sau khi búi tóc, phần đuôi tóc của người chưa thành hôn được bỏ xõa xuống vai, trong khi người đã thành hôn, đuôi tóc phải cuộn lại thành búi sau gáy. **Kê Lễ thường được cử hành vào tháng Ba, giống như trong Quan Lễ**, chủ nhân là Cha Mẹ cô gái, vị chủ trì cuộc lễ gọi là Chánh Tân, người trợ giúp gọi là Tán Giả. Người giữ vai trò Chánh Tân là một phụ nữ hiền thực, đảm đang, được mọi người tôn trọng. Người phụ lễ sắp sẵn ba mâm gồm trâm loại thường để giữ búi tóc, trâm cài tóc trang trí tinh xảo, và mũ phụng, ngoài ra còn gương, lược và các vật trang sức khác như hoa tai, nhẫn, dây chuyền, dây buộc tóc v.v... Nghi thức cũng gần giống như lễ Gia Quan, nhưng sách không ghi cụ thể, nên nghi lễ cài trâm đôi khi rất rườm rà và biến đổi theo từng vùng. Nghi thức cài trâm đời Tống rườm rà nhất.

Về sau, để đơn giản, người chủ lễ chỉ bới tóc cô gái lên và cài một cây trâm ngang búi tóc, dùng một dải lụa thêu buộc quanh búi tóc là xong.

### Phục Đoan



Hình những cái Trâm cài tóc

### **Nữ công gia chánh: Vai trò và thay đổi trong xã hội hiện đại**

Trong mỗi gia đình, nữ giới đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và điều hành các công việc nhà. Vai trò này đã trải qua nhiều thay đổi đáng kể theo phong trào xã hội và vai trò của phụ nữ trong xã hội. Trong quá khứ, **nữ công gia chánh** là thước đo sự đảm đang thường chỉ tập trung vào việc làm mẹ và người vợ, chịu trách nhiệm chủ yếu cho công việc nội chính trong gia đình như làm việc nội trợ, nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc con cái. Tuy nhiên, với sự phát triển của xã hội, vai trò của nữ công gia chánh đã thay đổi đáng kể. Cùng theo dõi bài viết dưới đây để hiểu rõ về nữ công gia chánh nhé!

### **Nữ công gia chánh là gì?**

Nữ công gia chánh là cụm từ chỉ công việc của người phụ nữ trong gia đình. Công việc trong gia đình chủ yếu là: Thêu thùa, may vá, nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa, cách nuôi con, cách quản lý gia đình... Ngoài ra, nữ công gia chánh còn là nét văn hóa ứng xử, tác phong của phụ nữ Huế.

## Sự thay đổi trong vai trò của nữ công gia chánh

### Phụ nữ trong lực lượng lao động

Trước đây, phụ nữ thường không tham gia vào lực lượng lao động và công việc ngoài nhà vì trách nhiệm chăm sóc gia đình, con cái. Nhưng ngày nay, với sự phát triển và gia tăng của xu hướng phái nữ tham gia vào lực lượng lao động, vai trò của nữ công gia chánh đã có sự thay đổi rõ rệt. Phụ nữ ngày nay có xu hướng tham gia vào việc kiếm tiền và có sự đóng góp to lớn vào kinh tế gia đình, xã hội.

### Đa nhiệm và quản lý thời gian

Vai trò của nữ công gia chánh không chỉ giới hạn ở công việc nhà mà còn bao gồm việc làm việc bên ngoài xã hội. Điều này đòi hỏi phụ nữ có khả năng đa nhiệm và quản lý thời gian hiệu quả. Họ phải có khả năng quản lý công việc cùng lúc từ việc chăm sóc gia đình, làm việc bên ngoài và quản lý tài chính gia đình. Đây là một nhiệm vụ không hề dễ dàng, tuy nhiên điều này làm nên sức mạnh và sự xuất sắc của nữ công gia chánh trong xã hội hiện đại.



Mâm cơm vừa Đẹp vừa Ngon / Lành

### Nữ công gia chánh



Nem Công ( Việt Trĩ ) chả Phụng ( Loan / Phượng huê minh )



Bánh chưng Vuông ( Đất ) Bánh Dầy Tròn ( Trời )

Trời / Đất giao hòa = Con Người

Cả hai đĩa Thực phẩm đều mang tinh thần Văn Hóa Thái hòa

## **KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC VỀ NỮ CÔNG GIA CHÁNH**

### **KIẾN THỨC QUẢN LÝ GIA ĐÌNH**

Để trở thành một nữ công gia chánh, phụ nữ cần có kiến thức về quản lý gia đình và kỹ năng quản lý. Họ cần biết cách xác định ưu tiên, phân công công việc và sử dụng tài nguyên hiệu quả để đạt được mục tiêu gia đình.

### **Kx NĂNG QUẢN LÝ TÀI CHÁNH GIA ĐÌNH**

Nữ công gia chánh có trách nhiệm quản lý tài chính gia đình. Điều này đòi hỏi phải có kiến thức về tài chính và khả năng quản lý tài sản, thường hỗ trợ cho người chồng trong các quyết định quan trọng liên quan đến gia đình và có thể tham gia vào lĩnh vực tài chính gia đình.

### **TẠO MÔI TRƯỜNG GIA ĐÌNH KHỎE MẠNH**

Nữ công gia chánh cần biết tạo ra một môi trường gia đình khỏe mạnh và hạnh phúc. Điều này bao gồm việc xây dựng một môi trường tình yêu thương, biết lắng nghe và thông cảm với thành viên trong gia đình. Họ cũng cần biết tạo ra sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân để giữ được sức khỏe tinh thần.

### **VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA NỮ CÔNG GIA CHÁNH**



## **GIÁO DỤC CON CÁI**

Vai trò của nữ công gia chánh cũng được thể hiện qua việc nuôi dạy con cái và đảm bảo họ nhận được giáo dục tốt. Người phụ nữ có trách nhiệm giáo dục và định hình nhân cách cho con cái, đồng thời giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để con cái phát triển và thành công trong cuộc sống.

## **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Một nét đặc trưng khác của nữ công gia chánh là khả năng quản lý thời gian và tài chính. Phụ nữ có trách nhiệm làm nhiều công việc cùng lúc, từ việc chăm sóc gia đình và làm việc ngoài nhà đến quản lý tài chính gia đình. Việc này đòi hỏi họ phải có khả năng quản lý thời gian và tài chính hiệu quả để đảm bảo mọi công việc diễn ra suôn sẻ.

## **NHỮNG THÁCH THỨC**

Mặc dù vai trò của nữ công gia chánh rất quan trọng và cần thiết trong mỗi gia đình, nhưng phụ nữ cũng đối mặt với nhiều thách thức. Áp lực về việc cân bằng cuộc sống giữa công việc ngoài xã hội và trách nhiệm gia đình trở nên khó khăn. Phụ nữ ngày nay cũng có nhiều mục tiêu và mong muốn riêng cho bản thân. Cần có sự thay đổi trong cách định nghĩa và đánh giá nữ công gia chánh để phù hợp với thực tế và tạo ra bình đẳng giới.

## **YẾU TỐ GIÚP TRỞ THÀNH MỘT NCGC**

Để trở thành một nữ công gia chánh hiệu quả, phụ nữ cần có lòng tự tin và sự khéo léo trong việc quản lý gia đình và công việc ngoài nhà. Họ cần rèn kỹ năng quản lý và nắm vững kiến thức về quản lý tài chính gia đình.

## **TẠO MÔI TRƯỜNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC**

Phụ nữ cần biết tạo ra một môi trường gia đình tốt và hạnh phúc. Điều này bao gồm việc thiết lập một môi trường yêu thương, biết lắng nghe và thông cảm với người thân trong gia đình.

## **CÂN BẰNG GIỮA CÔNG VIỆC VÀ ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN**

Phụ nữ cần tạo ra sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân. Điều này đặc biệt quan trọng để duy trì sức khỏe tinh thần và sự hài lòng trong cuộc sống hàng ngày.

## **VAI TRÒ NỮ CÔNG GIA CHÁNH**

Nữ công gia chánh là người phụ nữ chịu trách nhiệm đảm nhận vai trò chính trong việc quản lý và điều hành các công việc nhà trong gia đình.

## **MỘT NỮ CÔNG GIA CHÁNH TỐT**

Một nữ công gia chánh đúng nghĩa là người phụ nữ có kiến thức về quản lý gia đình và kỹ năng quản lý tài chính. Họ biết cách tạo ra một môi trường gia đình tốt và có khả năng cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.

## VAI TRÒ NỮ CÔNG GIA TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Trong xã hội hiện đại, nữ công gia chánh không chỉ tập trung vào việc quản lý công việc nhà mà còn tham gia vào lực lượng lao động và có sự thể hiện nhiều hơn trong công việc bên ngoài. Họ có trách nhiệm trong việc quản lý tài chính gia đình và giúp đỡ người chồng trong các quyết định quan trọng liên quan đến gia đình.

### KẾT LUẬN

Vai trò của **nữ công gia chánh** ảnh hưởng lớn đến cuộc sống và hạnh phúc của mỗi gia đình. Vai trò này đã thay đổi và tiếp tục phát triển theo thời gian và xã hội. Để trở thành một nữ công gia chánh hiệu quả, phụ nữ cần có kiến thức và kỹ năng quản lý gia đình, khả năng tạo ra một môi trường gia đình khỏe mạnh và cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.

---

## LỄ GIA QUAN

### 加冠

#### 1. Nhìn xa về đích điểm

Triết lý là gì nếu không phải là một sự cố gắng liên tục để vượt ra khỏi "tâm trạng người ta (tức người phạm phu tục tử) vượt ra khỏi cái "hữu dây đặc" (être opaque) để vươn tới trạng thái thức tỉnh, tới sự hiện hữu chính tông (existence authentique). Trong đợt "người ta" các động cơ gây ra và điều lý mọi cử chỉ hành vi chỉ là thói tục, dư luận, thiên kiến với một vài tia sáng le lói của lương tri trong cái đêm trường mù mịt. Con người hoạt động ở bình diện này thường không đặt vấn đề tại sao lại như thế nọ mà không thế kia, sao gọi việc này là tốt, cử chỉ kia là xấu. Lý trí còn mờ mờ, ý thức hầu như ngủ say. Đây là đời sống của đại chúng, của con người dưới phố (la foule, la masse, l'homme de la rue) thường chỉ sống với tâm kích xã hội (dimension sociale) nghĩa là chỉ lo lắng "làm như mọi người" (faire comme tout le monde) là đủ rồi. Mạnh Tử định nghĩa đại chúng là những người làm mà không tìm hiểu biết, tập mà không xét, cả đời theo đời người khác mà không biết đến đạo lý.

"Hành chi nhi bất trú yên. Tập hỹ nhi bất sát yên, chung thân do chi, nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng dã,

行之而著焉

習矣而察焉

## 終身由之而知其道者

### 眾也” ( Mạnh Tử VII).

Hầu hết con người tiếp tục sống ở bình diện nhân trần cho đến mãi mãi. Nhưng có một số, chỉ một thiểu số thôi khi đến một giai đoạn nào đó tự nhiên cảm thấy mỗi bản khoản siêu hình và tự đặt câu hỏi: Tại sao tôi phải theo người ta? Tôi có thể làm khác đi chẳng? Người ta là ai? Tôi là ai? Tôi có thể là tôi chẳng? (chacun est l'autre, personne n'est soi).

Khi trong tâm hồn nào đã xuất hiện những tra hỏi đó, không phải vì lý do ngoại khởi giả tạo (học trò phải làm bài thi thí dụ) nhưng vì lý do nội khởi, tự nhiên câu hỏi đặt ra một cách thúc bách, liên miên, thao thức và không muốn để mình bị trắng trối trong chỗ "đồng lưu" (theo với lưu tục), thì đây là bước đầu trong diễn trình biến đổi bỏ đám đông để đi lên đường dẫn đến miền "tận kỳ tính", nghĩa là dám là mình, nhận trọn vẹn trách nhiệm về đời mình. Đó là bước khởi đầu phục hồi lại cái tôi chân thực (moi authentique).

Khi nào những tra vấn trên kia trở nên một rạo rức, một ám ảnh, một thúc bách, mà chưa tìm ra câu trả lời thì thường xuất hiện trong người ấy một tâm trạng khủng hoảng tinh thần nhiều khi rất trầm trọng, nhưng chính nhờ sự xao xuyên lay động đó mà rồi mắt họ sẽ mở ra trên những chân trời mới. Đây là khúc rẽ tâm tình, một sự trở lại tìm về cái tôi chân thực, phục hồi lại cái tâm đã bị phân tán vào muôn vật bên ngoài. Bởi chung trước phút giác ngộ đó, nó đi tìm cầu mọi cái nhỏ bé ngành ngọn bên ngoài mà lãng quên hẳn cái nội Tâm căn bản, mà lẽ ra nó phải luôn luôn trung thành với Hiện trạng "trở lại" kia là điều kiện tiên quyết để mọi người trở nên triết gia. Thiếu nó có học nhiều triết cũng chỉ là một nhà học giả về triết, vì thiếu sự tái sinh vào đời sống Triết lý nên thiếu luôn cái nhu cầu thống nhất ở nội tâm (besoin d'unité intérieure), là cái thúc đẩy học giả đem hết mọi thứ giá trị quy kết, thống nhất lại một điểm trên bình diện siêu việt và làm cho mọi tư tưởng của mình hướng vào một mối. Đó gọi là mối nhất quán. Mối nhất quán mạnh bao nhiêu thì triết gia lớn bấy nhiêu và ta có thể lấy độ nhất quán thấp cao làm thước đo tầm giá trị của một triết gia (xem bài Nhất quán trong Cơ Cấu Việt Nho chương cuối)

Sau cái nhìn bao trùm địa thế như trên, bây giờ ta trở lại hỏi triết Nho đã vượt ra khỏi tầm đại chúng chưa? Đại chúng có đặc tính hay tin tưởng hay hòa theo, chữ Nho gọi là "đồng lưu" hay là "đồng hồ lưu tục" (conformisme social) kiểu đoàn cừu thiếu phán đoán tự chủ. Thường người ta quen cho Nho giáo là cái học thiếu óc phê bình, chỉ tin theo lời người xưa: "thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ". Nhận định như thế có một phần trùng so với triết cổ điển là một nền triết học từ thời Kant đã thiên trọng về phê bình, nên khi sánh lại thì Nho học coi như không có óc phê phán chi hết. Hơn thế nữa, óc phê phán trong Nho giáo mỗi ngày mỗi cùn nhạt và hầu như bị tê liệt dưới cái học từ chương huân hũ, chỉ còn biết nhắm mắt lặp lại Tử viết, Tử viết mà thôi.

Nhưng nếu tra cứu tường tận thì thấy tình trạng bế tắc là lỗi tại người sau đã đi trệch ra ngoài con đường sơ khởi, còn chính ra đó là một cuộc cách mạng nhưng chiến thuật rất êm đềm khiến cho người sau khó nhận ra tính chất cách mạng đó, vì nó vượt lên đọt minh biện là lối nhìn thấu triệt biết đâu là gốc đâu là ngọn, nên cao hơn phê bình thường là tiêu cực. Minh biện là krinein còn phê bình là critique. Critique thấp hơn krinein y như ta đã bàn qua về mặt xã hội và triết lý ở các chương trên. Bây giờ hãy chú tâm vào mặt giáo dục, vào cách đào luyện con người để xét xem cuộc cách mạng đó có được hiện thực chẳng? Chúng ta sẽ thấy Khổng Tử muốn rằng việc cách

mạng ấy mỗi người học triết lý phải cố gắng tự mình hiện thực cho kỳ được ngay nơi bản thân mình, vì đó là một bước cần thiết để vượt ra khỏi trạng thái "đồng lưu" mà tiến vào miền Minh Đức. Có bước được bước đó mới được gọi là "nhập u thất dã" (XI.14) hết bơ vơ ở ngoài cửa. Vì là bước quan trọng nên chúng ta mượn một thể chế đời xưa để cụ thể hóa bước tiến cần thiết đó. Ấy là lễ gia quan.

## 2. Lễ Gia quan là gì?

Là một nghi lễ đã được người xưa thiết lập để trọng thể hóa ngày thành nhân của thanh niên hay thiếu nữ đã đến tuổi khôn lớn, thường được cử hành vào quãng đôi mươi: nam tử nhị thập quán (Lễ gia quan cho con trai và con gái khác nhau ít chi tiết như nhận trâm và đổi búi tóc v.v... (Xem Civ.Chinoise, Granet 407), cũng như mỗi thời đại có sửa đổi. Đó là việc của học giả, đây chỉ có ý nói về nguyên lý). Cái lễ đó chấm dứt thời tuổi trẻ và khai mạc thời "đại trượng phu" trong đó con người như đổi lột cũ, để mặc lớp mới, nên được nhận một mũ và đội lên đầu để ám chỉ một bước vượt qua quan trọng: vượt qua tuổi trẻ thơ

**"Dĩ quan nhi tự chi, thành nhân chi đạo dã,**

以冠而字之成人之道也" (Kinh Lễ IX),

dùng lễ gia quan để đặt tên tự, đó là đường lối đánh dấu tuổi thành nhân. Tên tự cũng là hiệu vì thế do chính mình tự đặt cho mình để làm như bản tóm chương trình sẽ hiện thực logique thấp hơn Logos vậy. Nho giáo đã đạt đọt Minh biện nên có độc hành mà không độc môn, nên có cách mạng nhưng rất êm trong đời (xem bài Lễ vấn danh cô gái Việt trong Việt Lý), vì thế mà tên tự chỉ đặt vào tuổi gia quan để tỏ rằng cậu hay cô phải nhận lãnh trách nhiệm về mọi hành động của mình và từ đây được đối đãi như người lớn nghĩa là bằng lễ

**"Như dũ vi lễ dã,**

如為禮也".

Lúc nhỏ cô cậu mới mang một tên gọi nữ danh và được xử như trẻ con (dễ dành, đe dọa) bắt phải nghe theo mẹ cha, tương tự như sói con trong hướng đạo, "phải nghe sói già". Lễ gia quan chấm dứt thời phải nghe để bước vào thời "phụng sự" hay là "giúp" của tráng sinh: lấy lại quyền định đoạt về cho mình, tự mình phải quyết đáp lấy.

Mạnh Tử có ghi lời người cha nói với con trong buổi lễ đội mũ như sau: "Con hãy ở trong đức nhân là chỗ ở rộng rãi hơn hết trong thiên hạ (nó dung nạp tất cả loài người); hãy đứng theo lễ là chỗ đứng chính đáng hơn hết trong thiên hạ; hãy noi gương theo đức nghĩa là con đường rộng hơn hết trong thiên hạ.

Lúc đắc chí (làm quan làm tướng) thì cùng chung sức với dân mà thi hành đạo nghĩa. Khi không đắc chí thì ẩn dật mà tu thân hành đạo. Có được giàu sang cũng đừng hoang dâm phóng túng. Gặp con nghèo khó, ty tiện thì tiết tháo chớ hề đổi thay. Oai võ thể lực không thể làm công vậy được cái chí khí của mình. Người giữ được như thế tức là một đại trượng phu vậy".

**Trượng phu chi quán dã, phụ mạng chi:**

**Cư thiên hạ chi quảng cư,**

**Lập thiên hạ chi chính vị.**

**Hành thiên hạ chi đại đạo.**

**Đắc chí, dĩ dân do chi.**

**Bất đắc chí, độc hành kỳ đạo.**

**Phú quý bất năng dâm.**

**Bần tiện bất năng di.**

**Oai võ bất năng khuất.**

**Thử chi vị đại trượng phu.**

(Mạnh Tử III.b, 2)

丈夫之冠也, 父命之:

居天下之廣居.

立天下之正位.

行天下之大道.

得志民由之.

得志獨行其道.

富貴不能淫.

貧賤不能移.

威武不能屈.

此之謂大丈夫

Những lời trên đây chính thật là những lời nói với người lớn cả vật chất lẫn tinh thần, tuyên dương chữ nghĩa tức là một đức quan trọng, nó đặt mình trước trách nhiệm mình phải tự quyết định lấy tùy hoàn cảnh. Trong khi học những nguyên tắc chung về đạo học, về chữ nhân, còn có thể nhờ sự chỉ dẫn của thầy, đến như chữ nghĩa thì tự mình phải tùy hoàn cảnh mỗi lúc mỗi khác mà tự định đoạt một cách ý thức và thông dong.

(Để giải nghĩa từng chữ cho rộng, nên đọc thêm Mạnh Tử VII.33, 36. Cư ô tại? nhân thị dã. Lộ ô tại? nghĩa thị dã, và "cư di khí, dưỡng di thể": địa vị thay đổi khí tượng người ta, cách sống thay đổi thể chất con người. Vì thế phải ở chỗ rộng, đi chỗ thênh thang. "Phù nhân, nghĩa, lễ, nhạc, thành nhân chi hành dã" (Khổng Tử tập ngữ. Kim.117). Này nhân, nghĩa, lễ, nhạc, là đường lối của thành nhân vậy.)

Nhân và nghĩa như vậy thật là một nền triết lý lặn lưng vào đời, một triết lý gánh vác:

**"Nhậm trọng Đạo viễn,**

任重道遠",

trách nhiệm thì nặng đường thì xa, thế mà tuyệt nhiên không hứa hẹn chi cả, cũng không một lời đe dọa vì cho rằng bước vào tuổi đại trượng phu, mình phải hiểu, phải nhận thức được tầm quan trọng của đạo làm người: đường hoàng tự chủ, không gì lay chuyển được.

**"Tam quân khả đạt suy dã. Thất phu bất khả đạt chi dã,**

三軍可奪帥也, 匹夫可奪志也, L. IV. 24".

Đó là những lời rất cao thượng vì không hề có đe dọa hay hứa hẹn chi hết, mà chỉ trông vào cái đức tự quyết của người Đại nhơn, quân tử. Mà người quân tử theo thuyết chính danh thì điều lo lắng lớn hơn hết là đến lúc từ già đời, chưa làm được cho xứng hợp với danh hiệu:

**"Quân tử tạt một thể nhi danh bất xứng yên,**

君子疾沒世而稱焉, XV. 19"

(xem cuối quyển Ngũ Điển, đọc Nho theo lối triết...về câu này). Biết rằng cái tên phải nói lên nguyện vọng ý chí (có danh tư nghĩa) nên lễ quan cũng như việc đặt tên tự chỉ cử hành vào lúc con người đã đủ tuổi để suy tư và nhận thức được tầm quan trọng của việc làm. Đó thật là một thể chế đầy ý nghĩa nhưng lâu ngày người ta quên cái thâm ý để chỉ còn giữ lại nguyên có cái hình thức suông, như bao nghi lễ khác. Do đó lễ bước qua đã được cử hành nhưng biết bao người chưa hề có bước qua bình diện đại chúng để tiến vào cõi Minh Đức. Cái đầu được mũ quan che đây lẽ ra phải độc lập tự chủ nhưng thường thường người ta vẫn để cho đầu mình bị thành kiến, tục lệ, tin tưởng điều khiển mãi mãi, không lấy lại được quyền tự chủ. Bởi vậy trong đám học triết lý, số người thật sự đội mũ che được cái đầu của mình, nghĩa là tự mình suy tư giác tỉnh vẫn còn là một việc hy hữu. Vì thực ra thì cái ý nghĩa cao cả của lễ gia quan chỉ xảy ra nơi triết gia mà thôi, nơi thật sự đã có cuộc biến cải tâm hồn tức là một sự giữ bỏ mọi ách cũ để sống chiếu kích tự riêng

của mình. Cuộc biến cải này thường chỉ xảy ra vào quãng 40 tuổi trở đi. Khi có xảy ra hiện tượng đó nơi ai thì nấy mới khởi đầu mổ xẻ hết mọi tri thức đã thụ nhận từ trước, xem xét lại từng cái, như hý họa về Descartes đã xóa sạch hết dĩ vãng và đem cái học cũ ra "nấu lại" trong cái nồi phê phán. Thái độ sống vì thế sẽ thay đổi từ đây tuy bên ngoài có thể còn giữ nhiều thói tục với người trong xã hội để "hòa nhi" nhưng tự trung thì đã "bất đồng" ý kiến với tâm trạng muốn làm lại tất cả trên một nền tảng mới. Và đó là dấu hiệu chỉ thị sự xuất hiện của một triết gia như Gusdorf nhận xét: "dấu biểu lộ triết gia lớn là sự muốn xóa bỏ hết để làm lại từ đầu", "Le grand philosophe se reconnaît à ce qu'il efface tout pour recommencer" (Métaphysique). Còn những tục lệ, những ước định của xã hội, những luật pháp công dân, bề ngoài có giữ đầy nhưng không dùng cùng một tiêu chuẩn nữa vì đã đổi bằng giá trị đi rồi, tức lấy nội tâm làm điểm tựa chứ không còn dựa trên những cái ngoại tại, những thế giá của tha nhân. Và do đó thường bị tố cáo là cách mạng làm hư thanh niên trí thức như Socrate đã bị, vì thực ra triết gia đã tiến sang một tâm trạng mới và đã bỏ đại chúng lại đằng sau rồi.

Bước vượt qua này rất quan trọng để cho một người có thể trở nên triết nhân, nên lẽ ra những nhà đào tạo triết học gia phải chú ý đặc biệt, nhưng phần đông mới biết có đợt cuối cùng tức là dạy cho biết một nền triết học, đôi khi có vài triết gia (Socrate, Platon, Kant như Jaspers nhận định) mới cố đi lên đợt thứ hai là dạy cho biết cách triết lý (tức lý luận biện chứng). Còn nghĩ đến bậc thứ ba dạy cho môn sinh trở thành triết nhân thì họa hiếm nữa. (Nên ghi chú ba đợt tiến đó làm tiêu chuẩn đo lường sự cao thấp của các triết thuyết:

**1) Savoir un philosophie,**

**2) Savoir philosopher,**

**3) Devenir un philosophie.)**

### **3. Các Triết học gia thường làm trái với lẽ Gia quan**

Phần nhiều các triết học gia không chú trọng điều này cho đủ. Thay vì nghĩ đến đào luyện cho môn sinh nên triết gia có óc phê phán và sáng kiến, với một tâm trạng sẵn sàng đón nhận, để tùy thời tùy cảnh, tùy các luồng tư tưởng đương thời mà phát huy ra những giải pháp thích nghi với thời đại nhất định nọ, thì người ta hay đóng kín mít cửa mở ra ngoài, để rồi tìm cách lèn vào đầu óc môn sinh tất cả những ý nghĩ của môn phái mình, được coi là đúng nhất đến độ không gì thay thế được nữa. Thầy coi trò như đứa trẻ chỉ biết có tuân theo và học lại chứ không phải là những người khả dĩ cộng tác vào việc tìm ra chân lý. Bởi vậy chỉ nhằm dạy chân lý này nọ kia khác mà không nghĩ đến dạy cách thế để tìm ra chân lý như lẽ ra phải thế. Nói như giáo sư Creel: "not what truth, but how to look for it" (C.C 131), thế mà chính phương pháp mới đáng quý. Tôi quý người cho tôi phương pháp làm ra tiền hơn người cho tôi tiền. Phần nhiều người ta đem chữ nghĩa mà lèn cho môn sinh. Mặc Tử đã đi theo lối đó khi ông tuyên bố: Lời ta là hướng tốt, ai không nghe theo là như bỏ lúa mà đi mót, toan lấy ý mình mà bài bác lời ta thì như ném trứng vào đá, có thể tìm hết số trứng tìm được trong hoàn vũ mà đã vẫn còn y nguyên lành lặn" (Works of Mei Tzu, p.229). Các thuyết độc tài đều tiến theo lối đồng nhất hóa tư tưởng kiểu đó cả, hết bác nghĩ thì đến đảng nghĩ, ngoài ra chẳng ai còn được quyền nghĩ gì. Đó là lối giáo dục hết sức trái ngược với việc đào tạo triết gia chân chính, mà việc then chốt là phải vun tưới óc độc lập của môn sinh chứ không phải chỉ cố nhét vào những tư tưởng của người khác dẫu hay đến đâu.

Trong Nho giáo Tuân Tử đã phần nào lạc lối chính truyền khi ông tuyên dương kiểu học "độc tín ư thánh nhân", hết lòng tin theo thánh nhân. Ông nói: "Không cho đường lối của thầy dạy là phải mà lấy ý mình làm hơn thì có thể ví với kẻ dùng người mù để phân định màu sắc hay người điếc để phân biệt âm thanh; không có lối thoát khỏi lẫn lộn và lầm lỡ" (Tuân Tử 52). Nhưng may còn có ngã khác do Mạnh Tử chủ trương phản đối việc quá tin vào sách vở. Ông nói:

**"Tận tín ư thư, bất như vô thư,**

盡信於書如無書, VIIb.3"

và ông tuyên dương lối học trở lại với nội tâm là cái học chính truyền sẽ được Tử Tư truyền bá.

**"Thành giả tự Thành dã, nhi Đạo tự Đạo dã,**

誠者自成也, 而道自道也, T. D. 25",

nhân mạnh tính chất tự mình. Mạnh Tử nói:

**Đạo tại nhĩ nhi cầu chư viễn,**

道在爾而求諸遠.

Đạo ở ngay trong lòng sao mà đi tìm đâu xa? Đường lối này vẫn được vun tưới qua những người như Lục Tượng Sơn, Vương Dương Minh...

Học giả Wieger đã biểu lộ mối thất vọng đối với Nho giáo mà ông gọi là một lâu đài ở xa tương vĩ đại, nhưng khi bước vào trong lại không thấy có gì. Nói thế vì ông không thấy có một hệ thống triết học với những câu định nghĩa rõ ràng với những ý niệm được diễn đạt có mạch lạc...

Sự thất vọng của Wieger rất dễ hiểu trong cái bầu khí duy lý đang bao phủ thế kỷ XIX đầu XX. Lúc ấy người ta chỉ gọi là triết học khi có một hệ thống tư tưởng mạch lạc. Người ta định nghĩa triết là "một khoa học hiển nhiên và chắc nịch". Lúc ấy người ta chưa thể ngờ rằng có thể có một lối triết lý không cần chú trọng đến ý muốn cho bằng đào luyện tình ý con người mà cũng vẫn là triết lý, một triết lý lấy thực tế nhân sinh làm quan trọng hơn những ý niệm trừu tượng, một đạo lý hành vi, mà khi đứng ở quan điểm hiện thực nhìn sang các triết học duy niệm, nó có thể xoay ngược câu nói của Wieger mà rằng, những hệ thống triết học đó coi gần tương là đồ sộ nguy nga, nhưng đứng ra xa nhìn toàn khối lại không thấy có gì, nghĩa là không có ảnh hưởng vào nhân sinh, mà chỉ là những lời đẹp để vang dội trong bốn bức tường của trường sở và hàn lâm. Đó là những triết học duy niệm. Những thứ triết học này thường xuất hiện dưới hình thức quá khít khao đến trở thành hồ lô kẹp cổ làm chết ngạt mất óc tương dung cởi mở không biết nhìn nhận một giá trị nào khác ngoài cái triết học duy niệm của họ. Muốn đi ngược lại đường lối của Wieger, của những người duy niệm chỉ muốn dạy hay học một nền triết lý ta cần phải xét phương pháp giáo dục của Khổng Tử có tôn trọng ý nghĩa lễ gia quan chăng?

#### **4. Cách giáo dục của Khổng Tử**



Giáo sư Creel cho triết lý của Khổng Tử là "một hiện tượng có tính cách biến tán huyền ảo" (evanescent phenomenon, C.C 109) nghĩa là không có hệ thống rõ rệt, không có những công thức cứng rắn. Người ta tưởng như gần nắm được, nó lại tan biến đi đâu mất. Nhan Hồi than rằng:

**"Chiêm chi tại tiền, hốt nhiên tại hậu..."**

瞻之在前，忽焉在後” (L.N.IX.10),

Đạo lý của thầy đang thấy đang trước thoát chốc lại ở đằng sau.

Đây chính là nét đặc thù của Nho mà ít ai để ý, và đó cũng chính là điều làm cho việc suy diễn (élaborer) triết Nho trở thành rất khó và làm cho người ta lầm tưởng rằng Nho giáo chẳng qua là mấy câu nói có tính chất triết ngôn, nhưng không vượt quá tầm lương tri (le bons sens ou la sagesse pratique) và nhân đó bị coi thường. Có thực thế chẳng? Hãy tiếp tục phân tích lối giáo dục của Khổng Tử.

Trước hết ông không quan niệm Triết lý là một đối vật hay là một mớ định luật như triết học duy niệm đã làm thế xuyên 20 thế kỷ theo với quan niệm cố định (fixiste) về con người theo vật thể tin rằng con người ở đâu bao giờ cũng y nguyên, nên chỉ cần một luật tắc một ý hệ là chụp lên hết mọi người được.

Khổng Tử đã không quan niệm giáo dục kiểu đó. Với ý niệm biến dịch đã nhận thức được ông sớm có quan niệm theo quan điểm nghĩa là mỗi người ở mỗi cương vị khác nhau thì điểm xuất phát phải khác nhau, nên không bao giờ ông nhằm đem ra một triết học đã làm xong đâu đấy "made in China" chung cho mọi người môn sinh có việc ký tụng cho thực trung tín và thi hành y hệt. Khổng không làm thế nhưng cố giúp môn sinh tìm ra đường lối riêng biệt cho mỗi người mà thầy trò phải cộng tác để tìm ra. Thầy là hướng đạo, còn vai chính là trò. Trò phải khởi sự, phải có óc sáng kiến, phải đặt vấn đề, phải tự tìm chân lý vừa tâm trạng của mình. Do đó không có vấn đề chung cho hết mọi người. Giáo sư Creel nhận xét: "He was not teaching certain subjects, but certain students" (C.C76). Ông không dạy một số mệnh đề trừu tượng gửi cho lý trí phổ quát, nhưng ông chỉ nhằm đào tạo con người toàn diện sống trong những hoàn cảnh đặc biệt. Chính vì thế mà Gusdorf sánh với lối uân cảnh khác với lối giáo dục nặn đồ gốm của Tây phương xưa nhằm sản ra từng loạt người y như nhau (Pourquoi des professeurs p.64). Như thế là hợp với nguyện vọng của Einstein khi ông viết "La connaissance est une chose inanimée l'école est au service des vivants". Tri thức là cái gì chết, mà trường học phải phục vụ những con người sống". Mà sống là sống trong hoàn cảnh riêng biệt.

Vì hai lý do trên ông buộc các môn sinh trước hết phải tự ý tìm đến với thầy để chứng tỏ lòng hâm mộ học

**"Lễ văn lai học, bất văn vãng giáo,**

Theo Lễ thì chỉ nghe có chuyện

禮聞來學，聞往教”.

môn sinh tìm đến cầu học chứ không có nghe chuyện thầy đi tìm trò (kinh Lễ 112, Couvreur) khác với lối ra đường tìm môn sinh kiểu Mặc Dịch hay Socrate. Tử viết:

**"Đạo thịnh nhi đồ thuyết, đức chi khí dã,**

道聽而塗說，德之棄也, L.N.XVII.14",

đạo nghe được rồi đem ra nói ở ngoài đường thì để trụt hết cái đức, cái nội dung chân thực. Khác với Mặc Tử thường dùng lời hứa tìm việc để lôi kéo môn sinh.

Học xong hỏi việc đâu? Thưa không có, nói đây chỉ là một thứ lừa đảo đạo đức pia Fraus để kéo đi học thôi. Quả thật đó là một lối đánh lừa có ý tốt nhưng Khổng không làm, ông không kéo lưới (ép buộc) cũng không bắn chim lúc ngủ (L.N VII.27) tức không nhân lúc vô thức mà làm, nhưng bắt môn sinh phải ý thức, phải tự nghĩ đến "tự hành thúc, tu dĩ thượng, 自行束脩以上, VII.7" (Phan Bội Châu, Khổng Học Đẳng, trg.222), tự ý đến cùng thầy với một tấm lòng muốn khắc kỷ phục lễ để tiến tới, còn lòng thì trong sạch không nhằm tư lợi. Ông nhận xét người đi học mà suốt ba năm không nghĩ đến bổng lộc (lên chức) là người hiếm có.

**"Tam niên học bất chí u cốc, bất dị đắc dã,**

三年學，至於穀，不易得也, VIII.13"

Thứ đến trò phải đặt vấn đề trước, chứ không phải thầy: "nếu người nào không hỏi phải làm gì thì tôi cũng không biết phải làm gì cho hấn".

**"Bất viết như chi hà, như chi hà giả, ngô mạt như chi hà dã dĩ hỹ,**

曰如之何如之何者，吾末如之何也已矣" (L.N.XV.15).

Bất điều kiện đó vì nếu tâm trạng chưa nghĩ tới việc đặt vấn đề là dấu chưa đói: người không đói có nhét thức ăn vào cũng vô bổ. \

**Tâm bất tại yên, thị chi bất kiến,**

心不在焉，視而不見, Đ. H. 7.

Khi tâm hồn không để vào đâu thì có xem cũng không thấy gì, có biết cũng không hiểu, có hiểu cũng không thấu...

Thứ ba hỏi rồi thầy cũng chỉ thưa cho một khía cạnh nào đó ăn hợp với tâm trạng của trò, rồi trò phải nhân đây tìm ra ba góc kia:

**"Cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản, bất phục,**

舉一隅以三隅反,復”.

Đó là theo nguyên tắc

**"khai nhi bất đạt, tắc lự,**

開而達則慮" (Lễ Ký 160, tr.30),

nghĩa là khơi mào nhưng không nói hết cốt để cho trò tư lự. Thật là ăn hợp với nhận định của triết học ngày nay cho rằng ảnh hưởng sâu xa nhất là ảnh hưởng khơi gợi rồi để môn đệ tự tìm thêm: "L'influence la meilleure sera celle qui après avoir éveillé la personne à la conscience de ses plus authentiques valeurs lui laissera la possibilité et le devoir" (Morale, Gusdorf 221). Mạnh Tử đã trung thành với đường lối đó khi viết:

**"Quân tử dẫn nhi bất phát, dục như dã,**

君子引而發躍如也, VII.41",

người quân tử dạy đạo như dạy bắn: giương cung mà không nẩy cò. Coi như nhảy vượt qua vây (vì không nói hết các khía cạnh...). Như thế vấn đề sẽ được giải đáp tùy câu hỏi và sự khám phá của trò nên mỗi lúc mỗi khác. Thí dụ điển hình là chữ Nhân cốt cán trong Nho giáo thế mà không có một định nghĩa chung, nhưng chỉ có với mỗi môn đệ một câu trả lời khác nhau (xem LN. XII, hoặc Phan Bội Châu 209: vấn hiếu, chính, nhân và Kim80) làm thế cốt để sa thải những người "hiện diện vắng mặt" (présents absents), tức có hiện diện nhưng tâm bất tại, nghe mà không chịu suy nghĩ tìm tòi; không tìm tòi thì đâu có nhận ra chân lý. Vì thế với lối bất môn sinh phải cộng tác tối đa ông đã hoàn thành một nền giáo dục tốt nhất. Muốn như thế không cần dạy đầy đủ nhưng cần chọn một số sự kiện, một số ý tưởng để thắp lên lòng hăng say bền bỉ. Đó là lý do "tính cách huyền ảo" của Nho giáo vì muốn dạy môn sinh trở nên hiền triết chứ không dạy cho biết một nền triết học. Kết quả của lối giáo dục này là vắng bóng hần mệnh lệnh truyền phải vâng phục người này người khác hay sách vở nào... Nếu có buộc phải trung thành thì không phải đối với thầy mà là đối với chính mình, với tính bản nhiên của mình "doãn chấp kỳ trung, 允執其中, L.N XX.1", mà hãy tín thuận kiên trung với cái nội ngã của mà. Không theo kiểu Mặc Dịch bắt trò theo mình, nhưng ông nói hãy tiến lên. Tiến lên bao hàm việc phải tự ý thức đường hướng, ngược với "hãy theo" có thể nhắm mắt không cần suy nghĩ; vì mục đích chính là giúp cho trò trở nên người quân tử mà quân tử thì cầu nơi mình: quân tử

**" Cầu chư kỷ, 求諸己 "**

Trái với tiêu nhân "cầu chư nhân, 求諸人" (XV.20).

Bởi thế sách Trung Dung nói muốn học được đạo thì phải trở về với nội ngã của mình mà tự tìm ra

**"Dục học giả ư thử phản cầu chư thân, nhi tự đắc chi,**

欲學者於此反求諸身而自得之, T.D.1",

ngoài mình ra ông thầy chỉ là người giúp đỡ. Khổng không hề cho mình là toàn trí, không dám nhận mình là thánh

**"Nhược thánh dữ nhân tắc ngô khởi cảm,**

若聖與仁, 則吾豈敢, VII.32".

Trái lại,

**"Khâu dã hạnh: cầu hữu quá nhơn tất tri chi,**

丘也幸, 苟有過, 人必知之, VII.30",

Khâu này có phước ở chỗ là khi có điều nào quá đáng, thì người ta nhận ra ngay.

Cũng không thấy có nơi nào nói buộc phải học sách này hay kinh nọ, tuy có nói đến thi, thư, lễ (VII.17) nhưng cũng không phải là sách buộc học, như có lần ông khuyên nên học kinh Thi, thì đủ tỏ không buộc theo sách đó, và nếu có thì cũng là một trong bốn môn được chú ý

**Tử dĩ tứ giáo: văn, hạnh, trung, tín,**

子以四教: 文, 行, 忠, 信 VII.24).

Vậy không có duy thư. Khổng nhằm biến môn đệ thành người quân tử chứ không thành những ông hàn lâm. Học rộng mà không làm được việc thì rộng có ích chi đâu?

**\Tuy đa, diệc hề dĩ vi?**

雖多, 亦奚以為 XIII.5.

Quan sát theo Luận Ngữ ta thấy đường lối giáo dục Khổng Tử rất xa với lối bắt trò chấp thuận thụ động. Trái lại đó là một lối giáo dục không những đề cao óc sáng tạo phê phán, mà còn cho đây là điều kiện tiên quyết. Và ông tìm hết cách để vun tưới phát triển óc sáng kiến. Thật là một cố gắng hiện thực ý nghĩa sâu xa của "lễ gia quan", tức là bảo vệ sự độc lập trí tuệ của mỗi môn sinh, mà ông cố giúp cho phát triển đến tận cùng. Đường lối đó bắt nguồn ở lòng tin tưởng vào khả năng con người, nên ông không đặt cái gì lên trên con người!

Không sách vở như kiểu Tuân, Mặc (Kim 285) là những người cho rằng thánh nhân đã tìm ra đạo rồi, tìm hết rồi, không còn gì đáng phải tìm kiếm và mình cũng không có sức mà khám phá gì thêm, chỉ còn có một việc ký tụng, bắt học trò lệ thuộc hẳn vào sách (Nietz. Gai Savoi p.193 chứng minh khoa ngữ học sẽ đả phá tận nền mọi tin tưởng đặt trên sách vở.)

Không đem luật pháp đặt lên trên con người như kiểu Hàn Phi Tử chủ trương

**"Thượng pháp bất thượng hiền,**

尙法不尙賢",

coi trọng pháp luật hơn người hiền hơn; trái lại Khổng chủ trương "thượng hiền", coi người quan trọng hơn pháp: có người tốt thì rồi có luật hay. Đạo của Văn Võ Vương còn ghi chép đó mà không có người cũng vất đi:

**"Văn võ chi chính, bố tại phương sách, kỳ nhơn tồn, tắc kỳ chính cử, kỳ nhơn vong, tắc kỳ chính tức,**

文武之政，布在方策。其人存，則其政舉；其人亡，則其政息”

(Trung Dung 20).

Đường lối chính trị của vua Văn vua Võ còn ghi lại trong sách vở, nhưng phải có người thấu triệt đường lối đó thì nền chính trị ấy mới tồn tại được, nếu không thì mất. Phải có người thánh như Gandhi mới thực thi nội chính sách bất bạo động của Gandhi.

Cả đạo nữa ông cũng không cho là hơn người được, ông nói:

**"Nhơn năng hoằng đạo phi đạo hoằng nhơn,**

人能弘道，非道弘人，XV.28",

và luôn luôn cho con người có bổn phận cải thiện cho đạo

**"Thủ tử Thiện đạo,**

守死善道" (VIII 24).

Cả hai câu đều đặt quan trọng nơi người; chính người mới làm cho đạo rộng ra, không phải đạo làm chủ.

Chính phải đứng trong viễn tượng thầy trọng nhân cách môn đệ đó mới hiểu được tại sao luật Viễn Đông để cho quan tòa rất nhiều trách nhiệm. Tức là cần dạy cho biết nguyên lý và huấn luyện con người cai trị có óc rộng mở, còn mỗi trường hợp thì để tùy ông quan đối cảnh tự tìm ra giải quyết thích nghi; như thế mới hợp chủ trương nhân bản. Vì nhân bản thì không chịu cái gì ngoại khởi từ ngoài đặt lên trên con người như luật lệ vốn từ ngoài đặt vào mà chỉ chịu nguyên lý là cái khác với luật ở tính chất nội khởi, tự trong phát ra. Vì thế, Khổng đi lối nhơn trị mà không đi lối luật pháp, và đó là một điểm kiện chứng cho tính chất cách mạng của ông.

Về điểm này ta có thể so sánh hai tinh thần trong hai sách điển hình đến mức tối đa là Đại học tiêu biểu nho trị và Les Lois của Platon tiêu biểu Pháp trị. Les Lois gồm 12 quyển lớn trình bày từng khoản luật, đi vào tỷ mỉ từng chi tiết, cả đến những việc phải tin thần mình như thế nào, hát bài gì, chơi làm sao... đều có cả. Chính ở trong tâm trạng pháp trị này, mà người La Mã đã thiết lập hệ thống luật Roma ảnh hưởng vào Châu Âu. Người học luật là lo học luật chứ không có học đạo lý làm gốc nữa. Sách Đại học đi lối đạo học nên thu gọn tất cả vào một số nguyên lý căn bản chừng hơn một ngàn lời (chưa bằng một phần trăm Les Lois)... Tất nhiên mỗi lối có sự bất tiện của nó (thí dụ các quan có thể dễ ăn hối lộ) nhưng về mặt văn hóa thì lối Đại học thật sâu xa. Keyserling cho rằng các quan lại bên Trung Hoa trước cách mạng là tràn trề văn hóa (sursautés de culture) còn Jaspers khi phê bình văn hóa đế quốc Roma đã phải than "Pauvre Romain il n'a pas d'esprit". Thiển cận quá, chẳng có gì sâu xa cả... Lý do có thể tại cơ cấu trí tuệ của người Roma như nhiều học giả nhận xét. Mà có lẽ tại mấy ông thầy (như Platon) đã làm quá nhiều không để lại gì cho trò nên biến triết lý (sagesse) thành tri thức (savoir). Âu Châu nay đã có người khởi đầu nhận ra rằng triết lý phải tự mình tìm ra, học của người chỉ thu thái được có tri thức: "si le savoir peut habiter les cerveaux qui se nourrissent des pensées des autres, la sagesse ne s'obtient qu'en examinant celles qui naissent en nous".

## 5. "Chuồn Việt có cánh thì bay,

### **kéo thẳng vong bản bắt mày đem chôn!"**

Nhờ "Vạn thế sư biểu" đã thực hiện nổi ý nghĩa lễ gia quan, nên các dân Viễn Đông nói chung đã được hưởng chế độ tự do về suy tư hơn bất cứ nơi nào và đã từ lâu nhất. Ta có thể coi như hậu quả việc hưởng tự do suy tư đó hai hiện tượng đặc thù trong lịch sử văn hóa nhân loại sau đây:

Trước hết Nho giáo là một học thuyết không có một phái riêng nắm độc quyền truyền bá để rồi làm ngãng trở tự do suy tư của người khác. Ai muốn và có lực cứ việc gia nhập và một khi đã gia nhập rồi cũng chỉ là chung một lòng thờ đạo lý. Về điểm này nhiều học giả cho đó là lý tưởng. Trong giá trị học ông Ruyer có viết: "càng có ít những người chuyên môn mang các giá trị được gọi là cao cả, càng ít các trí thức gia chuyên biệt thì càng hay". Le moins y-a-t-il de porteurs spécialisés des valeurs dites "supérieures"... intellectuel de "profession" le mieux cela vaudra. (Le monde des valeurs p.127). Tập đoàn của vua quan chuyên chế bắt giải nghĩa kinh truyện theo ý của họ vẫn không bao giờ được Nho giáo công nhận và thường bị học giả minh mẫn coi như vườn ươm hương nguyệt.

Điều thứ hai là có một sự phát triển vừa liên tục vừa có cơ thể (développement continu et organique). Môn đệ cũng dùng một thứ gạch đá đã được đẽ gọt tự mấy ngàn xưa để xây tổng hợp mới (Zenker 471). Xem như Kinh Dịch, khởi từ hai gạch âm dương xuất hiện mãi từ đời tiền sử mà biến hóa ra Hà Đồ, Lạc Thư, đến Thái Cực đồ thuyết của Trình Di và thuyết Lý Khí của Chu Hy đời Tống. Thật là một cây nôi tiếp mọc lên mãi nhờ tài khéo của ông thầy kín đáo, có mặt mà như không; nên suy diễn triết Nho khó nhưng lại được bù đắp bằng sự độc lập suy tư và trình bày tư tưởng của mình.

Khi nào có một môn sinh thoát ra khỏi vòng "đồng lưu" tử viết, tử viết liền nhận ra trước mắt mình là cả một con đường thênh thang. Tuyệt nhiên ông thầy không đặt cái gì ngang đường để cản bước tiến của mình: không sách vở, không luật lệ, không đạo lý, không cả đề tài nữa. Không gì khác

hơn là một lời hướng dẫn để mình tự trung tín với mình, với cái nguồn sống tâm linh đại đồng linh diệu vô cùng đang ngằm chảy trong mình cũng như trong muôn vật. Nhận ra sự thênh thang bát ngát đó rồi thì có việc chi mà phải đánh đố ông thầy như các triết gia duy niệm đã làm. Họ có một nền triết học để mà tin để mà học nên họ có cái để mà đánh đố; còn mình có một đường hướng tâm linh mệnh mông như thiên địa tức là đã được giải phóng trước giờ tự giác của mình rồi thì còn chi mà đánh đố. Cho nên những người hạ bệ Khổng như Hồ Thích thì chẳng qua là học chưa tới đâu nên thấy người Tây phương hạ bệ Platon, Socrate cũng bắt chước đi về hạ bệ Khổng Tử. Làm thế chẳng qua là vì không ý thức nổi động tác của mình. Nếu thực cái học đã đạt thì liền nhận ra con đường tự do mệnh mông mà ông thầy đã khai quang sẵn cho rồi kia chỉ còn việc tiến lên mà xây đắp mới sao cho thích nghi thời đại của mình. Sở dĩ triết Đông có được sự nối tiếp liên tục là vì được hưởng một sự tự do ít tìm thấy ở nơi khác. Hội nghị triết học quốc tế năm 1949 cũng phải công nhận "có quyền uy trong các phạm vi thể chế, lệ luật nhưng trong việc tri thức thì không" (But authority is found in others quarters not in Knowledge. Synthèse E. W. 174). Quyền tự do đó có thể nói không tìm đâu thấy được rộng rãi thênh thang hơn. Bởi vậy ngày nay khi Nho học thất thế, các triết học ngoại lai tràn vào Viễn Đông thì quyền tự do suy tư của chúng ta bị hiếp đáp nặng nề. Nhiều người thật sự đã bị lột mũ quan, tức bị tước đoạt quyền tự do suy tư, bị tẩy não, bị bóp chết cho kỳ tận gốc mầm mống độc lập, và gây ra một trào lưu bất tương dung đang muốn đem cả một ý hệ ngoại lai tròng lên đầu cổ đồng bào, không còn để ai được quyền suy tư cách độc lập. Vì thế thiết tưởng cần phải nhắc lại đức tính của một hiền triết mà cha ông đã coi là bậc thầy, và xin kết bằng mấy lời suy luận của giáo sư Creel về bí thuật thành công của Khổng Tử như sau:

"Khi ông qua đời năm 479 trước dương lịch có lẽ rất ít người không nghĩ rằng ông già có phần cảm cảnh này vừa mới già từ cuộc đời thất bại. Chính ông chắc cũng không nghĩ khác, thế nhưng ít người đã gây ảnh hưởng sâu xa vào lịch sử như Khổng Tử: sức lôi cuốn của tư tưởng ông lướt thắng thời gian. Bên Trung Hoa các thế hệ kế tiếp xin nhận ông làm thầy. Ngày nay có cả một số Cộng Sản cũng đưa thế giá của ông ra để bình vực lập trường cách mạng của họ. Bên Tây phương ảnh hưởng của ông đã lớn lao hơn người ta thường tưởng. Điều này nó thực cách riêng trong hai thế kỷ 17,18 và Richwein đã có lý lẽ quả quyết rằng "Khổng Tử đã trở nên thánh quan thầy soi sáng thế kỷ XVIII".

"Nếu ta tìm bí quyết của sức lôi cuốn đó có lẽ nó nằm trong việc ông đưa những giá trị con người lên đỉnh tuyệt cao. Minh triết theo ông là hệ tại biết người và yêu người (L.N 12-21, tri nhơn... ái nhơn).

"Nhưng điều có lẽ quan trọng hơn bởi vì họa hiếm hơn chính là quan niệm của ông mà ta có thể gọi là "nền dân chủ lý trí" (démocratie intellectuelle). Đã có nhiều người nguyện chực cho dân có khả năng tự cai trị lấy mình, nhưng tương đối ít triết gia đã chịu dành cho người ta công việc tự động suy tư lấy, mà không đưa ra những chỉ thị khiến người ta phải khuôn tư tưởng theo đó. Khổng Tử không những ước ao mà còn yêu sách môn sinh phải tự suy tư lấy. Nguyện vọng ông chỉ là giúp học suy tư và chỉ cho họ thấy đường suy tư thế nào, còn những câu hỏi họ phải từ tìm kiếm lấy. Chính ông đã truy nhận ngay thẳng là ông không biết chân lý, nhưng chỉ biết phương tiện để đạt chân lý.

"Ông nghĩ rằng nhân loại chỉ được nếm hạnh phúc là khi nào họ sẽ làm việc trong tự do để mưu công ích. Nhưng người ta không thể tự do nếu luôn luôn phải theo con đường người khác đã vạch sẵn ra cho. Và Khổng Tử tin là mình sẽ phản bội lòng tín nhiệm của họ, nếu mình nhân danh chân

lý tuyệt đối mà đề nghị cho họ những huấn điều là những cái thật ra chỉ là những kết luận bất toàn của một cá nhân. Điều đó ông khôn hề có làm. Ông nói nếu một người không luôn luôn hỏi: "phải làm thế nào cho hợp, thì quả thật tôi cũng không biết làm gì cho hẳn".

(La Pensée Chinoise de Confucius à Mao-Tseu-Tong, Payot, 1955 p.56)

[ Cửa Không. Kim Định ]

---

## LỄ GIA QUAN

(Tiếp)

Gia quan 加冠: Lễ Đội Mũ

Khi người con trai đã 20 tuổi: tuổi trưởng thành, người Cha làm Lễ Gia quan , đội mũ cho con, để cho con sống Tự lập, ra khỏi ảnh hưởng của Cha Mẹ.



Cái Mũ ( Mũ )

Trong Lễ Gia quan người cha đã khuyên người con những lời Tâm huyết sau:

Cư Thiên hạ chi quảng cư 居天下之廣居: Con hãy sống nơi rộng lớn của Thiên hạ . tức là trong Tam Tài : Thiên Địa Nhân, chứ không khép mình vào chốn nhỏ hẹp như phe nhóm đảng phái. ...

Hành Thiên hạ chi đại Đạo 行天下之大道' Con hãy thực hiện Đại Đạo Âm Dương Hòa, mà sống hòa với Tam Tài:



Với THIÊN thì Quy tư để Tu dưỡng nguồn Tâm linh hầu đạt Đạo Nhân ( Lòng Yêu thương )

Với ĐỊA thì phải Suy tư để phát triển Lý trí giúp khám phá các Định luật Khoa học để thấu đạt Đức Nghĩa ( Lễ Công bằng )

Với NHÂN thì lấy “ Nhân Nghĩa Bao dung ” mà hành xử hòa với mọi người

Phú quý bất năng dâm 富貴不能淫: Có được Giàu sang thì không nên sống phóng túng dâm dật.

Bần tiện bất năng di 貧賤不能移: Khi gặp cảnh nghèo hèn cũng không thay đổi nếp sống Nhân Nghĩa.

Uy vũ bất năng khuất 威武不能屈: Khi phải sống trong cảnh bị Bạo lực áp bức hành hạ cũng không chịu khuất phục mà noi theo, mà làm điều bất Nghĩa ( Bất công ).

## MỘT SỐ GƯƠNG MẪU TIÊU BIỂU

### TRAI HÙNG DŨNG GÁI ĐẢM ĐANG CỦA VIỆT NAM

#### HAI BÀ TRỪNG

Chống quân nhà Hán : HÁN VŨ ĐẾ 漢武帝



Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng được nhân dân khắp nơi ủng hộ, tạo thành sức mạnh như vũ bão, đánh đuổi Tô Định phải bỏ chạy về nước. Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, nhiều cuộc khởi nghĩa địa phương được thống nhất thành một phong trào rộng lớn từ miền xuôi đến miền núi, bao gồm cả người Việt và các dân tộc khác trong nước Âu Lạc cũ.

Chỉ trong một thời gian ngắn, Hai Bà Trưng đã đánh chiếm được 65 huyện thành, nghĩa là toàn bộ lãnh thổ nước Việt hồi đó. Cuộc khởi nghĩa thành công, đất nước được hoàn toàn độc lập. Hai bà lên làm vua, được suy tôn là Trưng Vương, đóng đô ở Mê Linh.

Hiểu rõ sự thống khổ của nhân dân, nên khi lên ngôi vua, dù chỉ trong thời gian ngắn nhưng Trưng nữ Vương đã có những quyết sách quan trọng như: ra lệnh miễn thuế khoá cho dân hai năm.

Khi Tô Định bị hai Bà đánh đuổi chạy về nước, Hán Vũ Đế sai lão tướng ng Mã Viện đem bộ binh và thủy quân qua đánh.

Bộ binh am “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh” trong những năm 40 sau công nguyên.

Khi Tô Định bị hai Bà đánh đuổi chạy về nước của Mã Viện và thủy binh của Đoàn Chí gặp nhau ở Hợp Phố. Ở đây Đoàn Chí mắc bệnh rồi chết, Mã Viện thống suất cả thủy binh của Đoàn Chí. Mã Viện cùng quân đội men theo bờ biển tiến vào Âu Lạc. Đầu tiên quân Hán vào miền đất là tỉnh Hồng Quảng. Từ Hồng Quảng, quân Hán ngược sông Bạch Đằng tiến đến Lục đầu, sau đó tiến vào Lãng Bạc - Tiên Du - Bắc Ninh.

Được tin quân xâm lược nhà Hán do Mã Viện chỉ huy tiến vào Lãng Bạc, Trưng Vương cùng em là Trưng Nhị đem quân từ Mê Linh đánh Mã Viện. Tại đây đã diễn ra một cuộc chiến đấu ác liệt giữa quân ta và bè lũ xâm lược. Quân của Trưng Vương chiến đấu rất dũng cảm, song do thế yếu nên bị thua, phải lui về Cẩm Khê (Yên Lạc - Vĩnh Phúc). Mã Viện đem quân đuổi theo. Sau gần 1 năm anh dũng chống địch, cuối cùng vì sức yếu, quân ta tan vỡ. Hai Bà Trưng về Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Nội) rồi gieo mình xuống dòng Hát giang tự tận. Đến đây cuộc kháng chiến do Hai Bà Trưng lãnh đạo về căn bản đã thất bại, nhưng ở nhiều nơi nhân dân và nghĩa quân vẫn tiếp tục chống giặc. Ở quận Cửu Chân, một bộ phận của nghĩa quân do Đô Đương chỉ huy vẫn tiếp tục chiến đấu chống quân xâm lược nhà Đông Hán.

Anh hùng dân tộc Trưng nữ Vương đã lập nên và giữ vững nền độc lập, quyền tự chủ dân tộc trong gần 3 năm. Hai Bà Trưng là biểu tượng của ý chí hiên ngang và khí phách quật cường của dân tộc ta; thể hiện truyền thống yêu nước nồng nàn của phụ nữ Việt Nam.

Hai Bà là Nữ kiệt đầu tiên trên thế giới chống Lũ Tham tàn và Hung bạo Trung Hoa.

Ngân Giang nữ sĩ làm bài thơ cảm khái về cuộc đời Bà Trưng

Trung nữ vương 徵女王

( Trích)

Lạc tướng quên đâu lời tuyết hận  
Non hồng quét sạch bụi trần ai  
Cờ tang điểm tướng nghiêm hàng trận  
Gót ngọc gieo hoa ngát mấy trời...  
Ải Bắc quân thù kinh vó ngựa  
Giáp vàng khăn trở lạnh đầu voi  
Chàng ơi, điện Ngọc bơ vơ quá,  
Trăng chéch ngôi Trời bóng lẻ soi !

(Ngân Giang. 1939)

## BÀ TRIỆU: NHỤY KIỀU TƯỚNG QUÂN

蕊嬌將軍



Triệu Trinh Nương 趙貞娘 khởi Nghĩa chống quân nhà Ngô

Dựa vào địa hình hiểm yếu ở Bồ Điền, Bà Triệu đã cùng anh em họ Lý là Lý Hoàng Công, Lý Mỹ Công và Lý Thành Công chỉ huy nghĩa quân xây dựng một hệ thống đồn lũy vững chắc. Thanh thế nghĩa quân ngày càng lớn, khắp hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ nhân dân một lòng hưởng ứng công cuộc cứu nước của Bà Triệu. Các thành ấp của giặc Ngô ở Cửu Chân lần lượt bị hạ. Từ Cửu Chân, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan ra Giao Chỉ và vào tận Cửu Đức, Nhật Nam. Thứ sử Châu Giao bị giết, bọn quan lại đô hộ ở Châu Giao hết sức hoảng sợ trước thanh thế và sức mạnh của nghĩa quân Bà Triệu. Sử nhà Ngô thú nhận: Năm 248 “toàn thể Châu Giao đều chấn động”.

Triệu Quốc Trinh chỉ huy chiến đấu vô cùng gan dạ. Mỗi khi ra trận, bà thường cưỡi voi, đi guốc ngà, mặc áo giáp vàng, chít khăn vàng. Câu ca dao

Quân Ngô hơn hẳn quân khởi nghĩa về mặt tổ chức cũng như về mặt vũ khí. Quân khởi nghĩa suy yếu dần và tan vỡ, lực lượng nghĩa quân còn non trẻ, không đủ sức chống lại đạo binh lớn hơn mình gấp bội.

Sau một cuộc bao vây ráo riết của quân giặc, Bà Triệu phải rút về núi Tùng Sơn. Bà qui xuống vái trời đất: "Sinh vi tướng, tử vi thần" (Sống làm tướng, chết làm thần) rồi rút gươm tự vẫn, đó là vào ngày 22 tháng 2 năm Mậu Thìn – 248

## NGÔ QUYÊN 吳拳 ( 倦 ) ĐÁNH BẠI QUÂN NAM HÁN TRÊN SÔNG BẠCH ĐÀNG 白藤江





Ngô Quyền cho đóng Cọc trên Sông , dùng nước Thủy triều lên như Quân Địch tới, khi đánh nhau thì nước rút, thuyền giặc bị cọc đâm thủng nên quân Nam Hán bị quân Ngô tiêu diệt,

Chiến thuật quân sự của Ngô Quyền rất độc đáo và đúng như nhận định của [Lê Văn Hưu](#): "*Mưu giỏi mà đánh cũng giỏi*" hoặc "*mưu tài đánh giỏi*" như trong Đại Việt Sử ký Toàn thư<sup>[1]</sup>. Tuy nhiên, theo các nhà quân sự, việc áp dụng chiến thuật lấy cọc nhọn đâm thuyền địch muốn thành công cần có sự kết hợp chặt chẽ với một số mưu mẹo khác.

Thứ nhất, phải dự địch đến đúng bãi cọc đã đóng giăng bấy khi thủy triều còn cao, bãi cọc chưa bị phát lộ.

Thứ hai, phải nắm rả tvững quy luật thủy triều theo từng giờ và tính toán thời điểm để khi thuyền quân địch tới bãi cọc rồi, thủy triều mới rút, có như vậy thuyền địch mới bị mắc cạn và bị đánh bại

## BÀI HÁT

Trên sông Bạch Đằng. Quân Nam âm reo  
Sóng nước vang đưa Bao con thuyền mảnh trôi theo  
Cờ bay gươm tuốt ra, quân vùng lên Làm cho đuổi tan hết quân Nguyên  
Đến bây giờ mỗi khi đi trên sông Bạch Đằng Thì anh em ta vui ca rằng :  
Con sông Bạch Đằng,nước trôi triền mien Có biết đâu bao năm qua là mộ quân  
Nguyên  
Ai nhớ thương cho quân Việt hết Đến bây giờ mỗi khi đi trên sông Bạch Đằng  
Thì anh em ta vui chiến thắng.

Lưu Hữu Phước

# CHIẾN LƯỢC CHIẾN THUẬT CỦA NHÀ LÝ

Lý Thường Kiệt 李常傑



## CHIẾN TRANH TÂM LÝ

南國山河

南國山河南帝居  
截然定分在天書  
如何逆虜來侵犯  
汝等行看取敗虛

Nam quốc sơn hà Nam đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Bản dịch của [Trần Trọng Kim](#)

Sông núi nước Nam vua Nam ở  
Rành rành định phận ở sách trời  
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm  
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

## CHIẾN THUẬT ĐÁNH PHỦ ĐẦU

( Preemptive war )

Tướng Lý Thường Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống ở hai Châu Ung và Châu Khiêm để phá tan trước lực lượng xâm lược .

## CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT CỦA NHÀ LÊ



黎利 為王: Lê Lợi vi Vương 阮廌 為神 Nguyễn Trãi vi Thần

Vua Lê cho viết hai câu trên vào lá cây trên cây cạnh bờ sông rồi tẩm mỡ vào các chữ và cuống lá, kiến sẽ ăn mỡ làm cho lá và cuống lá bị lỗ chỗ làm hiện ra các chữ trên, khi cuống lá bị ăn mòn, lá sẽ rơi xuống sông rồi trôi dọc bờ sông, dân chèo lưới được lá có hai câu trên tin là đo thần linh hay điềm trời, nên ủng hộ Lê Lợi! Đây là **Tâm lý chiến**

**Vua LÊ THÁI TỔ Chiến lược gia NGUYỄN TRÃI**

**CHIẾN LƯỢC 戰略**

以大義而勝兇殘  
以至仁而易疆暴

**“ Lấy Đại Nghĩa để thắng Hung tàn**

**Đem Chí Nhân mà thay Cường bạo”**

**BNĐC . Nguyễn Trãi**

## CHIẾN THUẬT 戰術

“Dĩ Nhu thắng Cường 以柔勝剛

Dĩ Nhược thắng Cường 以弱勝強

Với Du kích chiến và Trường kỳ kháng chiến 長期抗戰

(Nhu đạo 柔道)

VƯƠNG PHI Ỷ LAN

[ II ]



---

### I.- CHIẾN LƯỢC & CHIẾN THUẬT GIỮ NƯỚC CỦA NHÀ TRẦN

ĐỨC TRẦN HÙNG ĐẠO 陳興道

CHIẾN LƯỢC

Tiêu Thổ kháng chiến 消土抗戰

Vườn không Nhà trống

Du kích chiến 遊击戰



## CHIẾN THUẬT

“ Dĩ Nhu thắng Cường

Dĩ Nhược thắng Cường”

Du kích chiến 遊擊戰 ( 遊击戰 ) và Trường kỳ kháng chiến 長期抗戰

( Nhu đạo 柔道 )



Tượng Đức TRẦN HƯNG ĐẠO

陳興道

“ Ngài là : Thái sư, Thượng Phụ, Thượng Quốc công, Bình Bắc đại Nguyên soái, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn/

Hưng Đạo đại vương là danh tướng đệ nhất nước Nam. Khi ngài lâm bệnh, vua Anh Tôn đến thăm, thấy ngài bệnh nặng, mới hỏi rằng:

“ Thượng Phụ một mai khuất núi, phỏng có quân Bắc kéo sang thì làm thế nào ?

Hưng Đạo vương tâu rằng:

“ Nước ta thuở xưa, Triệu Võ vương dựng nghiệp, Hán đế đem quân đến đánh. Võ vương sai dân đốt sạch đồng áng, không để lương thảo cho giặc chiếm được ( 1 ), rồi đem quân sang Châu Khâm, Liêm đánh quận Trường Sa, dùng đoản binh mà đánh được ( 2 ).

Đến đời Đinh Lê nhiều người hiền tướng giúp đỡ, bấy giờ nước Nam đang cường, vua tôi đồng lòng, bụng dân phấn chấn, mà bên Tàu đang lúc suy nhược, cho nên ta đập thành Bình Lộ ( thuộc Thái Nguyên ) phá được quân nhà Tống, đó là một thời ( 3 ) .

Đến đời nhà Lý, quân Tống sang xâm lấn, Lý đế sai Lý Thường Kiệt đánh mặt Khâm Liêm, dồn đến Mai Lĩnh, quân hùng, tướng dũng, đó là có thể đánh được ( 4 ) .

Kể đến bản triều, giặc Nguyên kéo đến vây bọc 4 bề, may được vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước đầu sức mà đánh, mới bắt được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế ( 5 ) .

Đại đế kẻ kia cậy có tròng trận, mà ta thì cậy có đoản binh, lấy Đoản chống với Trường, phép dùng binh thường phải thế, còn như khi giặc kéo đến ầm ầm như gió như lửa, thế ấy lại dễ chống ( 6 ) .

Nếu nó dùng cách dần dà như tầm ăn lá dâu, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị, thì ta nên dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, tùy cơ ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà , thì mới có thể đánh được, cách ấy phải trị lúc bình, thì khoan sức với dân, để làm kế sâu rễ bén gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả. ( 7 ) .

Vua Anh Tôn chịu lời ấy là phải.

#### Chú thích.

- 1: Chiến thuật Tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống, chiến lược Trì cửu chiến
- 2.-Theo tinh thần Triết lý Tả nhậm: Dĩ nhu thắng cương, dĩ nhược thắng cường.
- 3.- Quân dân một lòng, tùy cơ ứng biến.
- 4.-Tùy cơ ứng chiến mà đánh như trận phủ đầu, preemptive war.
- 5.- Hội Nghi Diên Hồng, yếu tố dẫn đến thành công.
- 6.- Đây là chiến thuật ” Dĩ cường lăng nhược “ ,với chiến thuật “ tốc chiến tốc thắng “, thì ta phải lấy chiến lược “ Dĩ nhu thắng cương, dĩ nhược thắng cường “ và chiến thuật “ trường kỳ kháng chiến “.
- 7.-Nếu địch dùng kế tà thực, thì ta phải dùng chiến lược:  
“ Lấy đại nghĩa mà thắng tham tàn, đem chí Nhân mà thay cường bạo”  
nghĩa là phải có thực lực thật sự, phải biết chuẩn bị thực lực trong thời bình.

## LỜI THỀ SÔNG HÓA

Đầu tháng 4-1288, Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo chỉ huy một đạo quân từ Đại bản doanh A Sào, vượt sông Hóa đi đánh trận Bạch Đằng. Đứng trên bờ đê sông Hóa, Trần Hưng Đạo còn đang chăm chú nghe các bô lão trong vùng kéo đến chúc mừng đại quân lên đường ra trận và hiến kế vượt sông thì người quản tượng thân tín đã chạy từ bãi sông về cấp báo: Đạo tiền quân chưa qua hết sông thì voi đã bị sa lầy! Lập tức, Trần Hưng Đạo cùng đoàn tùy tùng, có cả các bô lão làng A Sào, chạy bộ một mạch ra bến sông. Lúc này, voi đã lún sâu xuống vũng sa bùn, chỉ còn lại cái đầu nhô lên mặt nước. Voi nhìn người quản tượng, nhìn mọi người, nước mắt giàn giụa. Trần Hưng Đạo cũng róm lệ. Người tuốt thanh kiếm sáng loáng chỉ xuống dòng sông Hóa thét lớn:

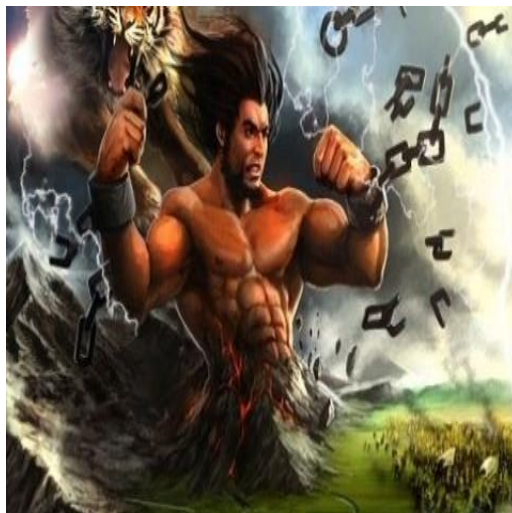
"Ra đi lần này, nếu không thắng giặc sẽ không bao giờ trở về bến sông này nữa".



**Tượng Voi được thờ tại đền A Sào - Bến Tượng.**

**TRẦN BÌNH TRỌNG “**

**陳平重**



Ông là danh tướng lừng lẫy trong sử Việt, trước những lời dụ dỗ của giặc Mông - Nguyên, ông đã khẳng khái trả lời:  
“ Ta thà làm Quỷ nước Nam, chứ không thềm làm Vương đất Bắc”.

Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng là danh tướng kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai dưới thời Trần. Trong cuộc chiến ở bãi Thiên Mạc, để bảo vệ cho vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông thoát khỏi sự truy đuổi của kẻ thù, ông bị địch bắt. Quân Mông – Nguyên ra sức dụ dỗ ông không được, chúng hỏi “có muốn làm vương đất Bắc không”? Ông thét lên “ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thềm làm vương đất Bắc”. Trần Bình Trọng sau đó bị kẻ địch sát hại, nhưng câu nói đầy dũng khí của ông đã đi vào sử sách, mãi là biểu tượng anh hùng củ

---

## NGUYỄN BIỂU

阮 俵

**Sứ thần ăn cỗ đầu người?**

2015/07/04 bởi [levinhuy](#)



Miếu thờ Nguyễn Biểu ở Hưng Nguyên (Nghệ An)

### **Tóm lược sự tích Nguyễn Biểu:**

Nguyễn Biểu (1350 – 1413) là tướng nhà Hậu Trần, quê ở làng Bình Hồ, huyện La Sơn, trấn Nghệ An (nay thuộc xã Yên Hồ, Đức Thọ, Hà Tĩnh).

Ông đỗ Thái học sinh cuối đời Trần, làm quan đến Điện tiền Thái sử (tức Ngự sử). Khi quân Minh xâm lược Đại Ngu, ông phò Trần Trùng Quang đế (1409-1413) tổ chức kháng chiến.

1413, quân Minh đánh vào Nghệ An, Trùng Quang đế chạy vào Hóa Châu, sai ông đi sứ giảng hòa, gặp Trương Phụ xin cầu phong cốt để hoãn binh, hầu xây dựng binh lực. Tướng Minh là Trương Phụ tiếp sứ thần rất khinh bạc, ngạo mạn, sai quân dọn ra một mâm cỗ chỉ có cái đầu người luộc chín, ép Nguyễn Biểu ăn, cốt để thị oai.

Nguyễn Biểu ung dung ngồi vào mâm, nói rằng: “Mấy thuở người Nam được ăn đầu người Bắc!”, nói đoạn, lấy đũa khoét mắt, chấm muối ăn. Vừa ăn, ông vừa ngâm bài thơ “Cổ đầu người” khiến Trương Phụ cũng phải kính phục, toan tha cho ông về.

Hàng tướng là Phan Liêu lúc ấy ton hót với Phụ rằng Nguyễn Biểu nói: “Năng sảm nhân đầu, năng sảm Phụ” (Có khả năng nuốt được đầu người, tất cũng nuốt được Trương Phụ). Trương Phụ giận lắm, lấy câu ấy làm vé đối bất ông phải đối lại. Nguyễn Biểu ung dung đối rằng: “Hựu tồn ngô thiệt, hựu tồn Trần” (Còn ba tác lưỡi của ta, nhà Trần vẫn còn). Trương Phụ giận lắm, đối ý không tha nữa, lại sai cắt lưỡi của ông:

– Thử xem cắt lưỡi nó đi, nhà Trần có còn được nữa hay không?

Phụ sai trói ông vào chân cầu, để nước thủy triều dâng lên cao chìm cho chết. Tương truyền ở dưới chân cầu ông dùng móng tay vạch vào thân cầu tám chữ: “Thất nguyệt, thập nhất nhật, Nguyễn Biểu tử” (Ngày 11 tháng 7, Nguyễn Biểu chết).

Nhân dân miền Nghệ An – Hà Tĩnh lập miếu thờ, suy tôn ông là Nghĩa vương. Các triều đại sau cũng đều truy phong ông làm phúc thần. Hiện nay tại xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ có đền thờ Nguyễn Biểu được xây dựng vào thời nhà Lê để tưởng nhớ công lao của ông. Ở quận 5 Sài Gòn, cũng có một con đường ngắn được mang tên ông.

Để củng cố cho kỳ tích ăn đầu người của Nguyễn Biểu, người ta thường viện dẫn ra bài thơ của Hoàng Xuân Hãn đã sưu tầm và công bố trong tập san Khai Trí Tiến Đức, số 2 và 3 (Hà Nội 1941) làm minh chứng. Bài thơ ấy như sau:

### **Cổ đầu người**

**Ngọc thiện trân tu(1) đã đủ mùi  
Gia hào(2) thêm có cổ đầu người  
Nem công(3) chả phượng còn thua béo  
Thịt gụ(4) gan lân cũng kém tươi  
Ca lối Lộc Minh(5) so cũng một  
Độ bề vàng sắt bội hơn mười  
Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn  
Tráng sĩ như Phàn(6) tiếng để đời**

#### **Chú thích:**

(1) Ngọc thiện trân tu: thành ngữ chỉ món ăn sang quý.

(2) Gia hào: thức ăn ngon dùng nhấm rượu.

(3) Nem công: tức nem công (“công” là thổ ngữ Nghệ Tĩnh)

(4) Gụ: con gấu (thổ ngữ vùng Nghệ Tĩnh)

(5) Ca lối Lộc Minh: Lộc Minh là bài thơ đầu tiên ở phần Tiểu Nhã trong Kinh Thi; Tiểu Nhã là nhạc dùng ở yến tiệc. Ở nước ta, ngày yết bảng thi Hương, những người thi đỗ cử nhân trở lên được ban mũ áo và đai yến, thường gọi là yến

yến “Lộc minh”, là yến vua ban cho.

(6) Phàn: tức Phàn Khoái. Lúc trẻ ông bán thịt ở chợ, sau theo phò Lưu Bang, lập nhiều công lớn. Khi Lưu Bang hội âm Hạng Vũ ở Hồng Môn, quân sư của Vũ là Phạm Tăng xúi Vũ nên giết Lưu Bang để tránh hậu họa. Khoái cầm kiếm đi vào nơi hội âm, trừng mắt nhìn Hạng Vũ, làm

cho Vũ có ý sợ và kính phục. Hạng Vũ khen Phàn Khoái là tráng sĩ, sai đem tặng cho một đấu rượu và một vai lợn sống.

Lạ lùng thay, một người thi đỗ Thái học sinh – tương đương Tiến sĩ – đời Lê, lại rung đùi làm thơ Nôm cho... tướng Tàu nghe chơi! Đã vậy, lời thơ dùng cả thô ngữ Nghệ Tĩnh, khiến người Việt mình đọc nếu không có chú thích cũng bó tay không hiểu nổi. Và bài thơ ứng khẩu, mà ai đó nghe qua một lần đã thuộc và chép lại lưu truyền cho đời sau, quả là hy hữu!

Sự tích kinh dị ăn đầu người là có thật hay không, đó là điều tôi he he không dám khẳng định, chỉ dám thưa rằng trong chính sử không hề có biên tình tiết gan dạ ly kỳ lâm ly đời cô Lự như vậy, “Đại Việt sử ký toàn thư” chỉ ghi về Nguyễn Biểu như sau:

Vua (Trần Quý Khoáng) chạy về châu Hóa, sai đài quan là Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang sản vật địa phương tới Nghệ An. Trương Phụ giữ lại. Biểu tức giận mắng Phụ rằng: “Trong bụng thì mưu đánh lấy nước, bên ngoài giả làm quân nhân nghĩa; đã hứa lập con cháu nhà Trần, lại đặt quận huyện, không những chỉ cướp lấy vàng bạc châu báu, lại còn giết hại nhân dân, thực là giặc tàn ngược”. Phụ giận lắm đem giết (Toàn thư, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, 1967, tr. 246).

Vậy thì chuyện ăn đầu người phương Bắc và bài thơ “Cổ đầu người” kia ở đâu ra? Xin thưa, chuyện ăn đầu là trong “Nghĩa sĩ truyện” của Hoàng Trùng, một danh sĩ đời Lê; và bài thơ đã nêu là chép trong gia phả (lại gia phả, kekeke!) nhà họ Hoàng (xem ảnh):

[http://chimviet.free.fr/.../hoangxuanh.../HXH\\_NguyenBieu\\_056.htm](http://chimviet.free.fr/.../hoangxuanh.../HXH_NguyenBieu_056.htm)

Tưởng cũng phải nói thêm, Nguyễn Biểu không phải sứ giả duy nhất của Trùng Quang để đi gặp Trương Phụ. Trong vòng hai năm, Trùng Quang đã ba lần sai sứ:

– Mùa hè năm Tân Mão (1411), Hành khiển Nguyễn Nhật Tư được cử làm Chánh sứ và Thâm hình Lê Ngân làm Phó sứ. Hai ông này cùng đoàn tùy tùng lặn lội sang tận Yên Kinh, để xin cầu phong cho Trần Quý Khoáng. Minh Thành tổ bắt giam và giết hại cả hai.

– Tháng 9 năm Tân Mão (1411), Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm Chánh sứ và Thâm hình Bùi Nột Ngôn làm Phó sứ. Ngoài biểu văn cầu phong, phái bộ này còn mang theo nhiều phẩm vật quý giá dâng tiến. Họ không hoàn thành nhiệm vụ, nên khi trở về bị Trần Quý Khoáng bắt giam rồi giết chết.

– Tháng 4 năm Quý Tỵ (1413), Chánh sứ Nguyễn Biểu vừa khi đến khu vực đặt đại bản doanh của Trương Phụ tại Nghệ An đã bị Trương Phụ giết chết.

Ta không thể nói tấm gương hiên tiền bị Trùng Quang để xử tử trong chuyến đi sứ trước đó của Hồ Ngạn Thần không ít nhiều có tác động đến trung can của Nguyễn Biểu.

Trở lại với tài liệu do Hoàng Xuân Hãn cung cấp, đó là từ gia phả họ Hoàng của ông, Hoàng Xuân Hãn vốn là con cháu danh sĩ Hoàng Trùng, và Hoàng Trùng – người viết quyển “Nghĩa sĩ truyện” kia – chính là cháu ngoại Nguyễn Biểu!

Chuyện trong gia phả người ta, tôi chẳng dám lạm bàn, chỉ xin các bậc thức giả máu nóng chứa chan cứ thích dân tộc ta toàn bậc gan dạ anh hùng nên tập bớt lại, chớ nên nhập nhằng những giai thoại truyền kỳ rồi nguy tạo thành chính sử cho con cháu thi đua học tập nữa, vậy đi!

---

## NGUYỄN CÔNG TRÚ

阮公著



( 1778 – 1858 )

**Nguyễn Công Trứ là đỉnh cao của Văn hoá, có tầm nhìn vượt thời gian. Ông khấn hoang huyện Tiền Hải. Ông là con người hành động và hưởng lạc, ông là một nhà thơ nông, cuộc đời tài hoa của ông cũng lên Voi xuống Chó, khi thì làm Tướng, lúc lại làm Lính quèn. Ông là một nhà Thơ nông nhưng đa tài và đa Tình.**

Trong một câu đối làm khoảng cuối đời, Nguyễn Công Trứ tổng kết cuộc đời mình:



“Cũng may thay công đấng hoá có là bao, theo đòi nhờ phận lại nhờ duyên, quan trọng năm bảy thứ, quan ngoài tám chín phen, nào cờ nào quạt, nào mào nào đai, nào hèo hoa gươm bạc, nào võng tía dù xanh, mặt tài tình trong hội kiếm cung, khắp trời Nam bể Bắc cũng tung hoành, mùi thể trái qua ngàn ấy đũa; Thôi quyết hẳn cuộc phong trần chi nữa tá, ngát ngưỡng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vài cô, hầu trai năm bảy cậu, này cờ này kiệu, này rượu này thơ, này đàn ngọt hát hay, này chèo chuyên chén mầu, tay thao lược ngoài vòng cương toả, lấy gió mát trắng trong làm tri thức, tuổi trời ít nữa ấy là hơn”.

## CHÍ NAM NHI

**Thông minh nhất nam tử,  
Yếu vi thiên hạ kỳ.  
Trót sinh ra thời phải có chi chi,  
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.  
Đố kị sá chi con Tạo,  
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.  
Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung,  
Làm cho rõ tu mi nam tử.  
Trong vũ trụ đã đành phận sự,  
Phải có danh mà đối với núi sông.  
Đi không chẳng lẽ về không?**

## BÀI CA NGÁT NGƯỠNG

**Vũ trụ nội mạc phi phận sự,  
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.  
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,  
Gồm thao lược đã nên tay ngát ngưỡng.  
Lúc bình Tây, cờ đại tướng,  
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.  
Đô môn giải tổ chi niên,  
Đạc ngựa bò vàng đeo ngát ngưỡng.  
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,  
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.  
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi di,  
Bụt cũng nực cười ông ngát ngưỡng.  
Được mất dương dương người tái thượng,  
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.  
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,  
Không Phật, không Tiên, không vương Tục.  
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú,  
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung**

Trong Triều ai ngát ngưỡng như Ông.

### CÀM KỲ THI TỬU I

Trời đất cho ta một cái tài  
Giắt lưng dành để tháng ngày chơi  
Dở duyên với rượu khôn từ chén  
Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời  
Cờ sẵn bàn son xe ngựa đó  
Đàn còn phím trúc tính tình đây  
Ai say, ai tỉnh, ai thua được  
Ta mặc ta mà ai mặc ai!

### CÀM KỲ THI TỬU II

Cầm, kỳ, thi, tửu,  
Đường ăn chơi mỗi vẻ mỗi hay...  
Đàn năm cung réo rất tính tình đây,  
Cờ đôi nước rập rình xe ngựa đó.  
Thơ một túi **phẩm đề** câu **nguyệt lộ**,  
Rượu ba chung **tiêu sái** cuộc **yên hà**.  
Thú xuất trần, tiên vẫn là ta,  
Sánh **Hoàng Thạch**, **Xích Tùng**, ờ cũng đáng!  
Thơ rằng:  
**Cầm tứ tiêu nhiên, kỳ tứ sáng,**  
**Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nồng.**  
Một chữ nhàn giá lại đáng muôn chung,  
Người ở thế, dẫu trăm năm là mấy?  
Sách có chữ "**nhân sinh thích chí**",  
Dem ngàn vàng chác lấy chuyện cười.  
Chơi cho lịch mới là chơi  
Chơi cho dài các, cho người biết tay!  
Tài tình, dễ mấy xưa nay!

### CÀM KỲ THI TỬU III

**Thi tửu cầm kỳ khách,**  
**Phong vân tuyết nguyệt thiên.**  
**Nợ tang bồng** hẹn khách thiếu niên,  
**Cuộc hành lạc** vầy vùng cho phỉ chí.  
Thơ một túi gieo vần **Đỗ, Lý**,  
Rượu lưng bầu rót chén **Lưu Linh**.  
Đàn **Bá Nha** gảy khúc tính tang tình,  
Cờ **Đế Thích** đi về xe pháo mã.

Lúc vị ngô Vị Tân, Sần Dã,  
Lấy bút nghiên mà hện với non sông.  
Xe Thang, Văn nhất đán tao phùng,  
Bao nhiêu nợ tang bồng đem giả hết.  
Tri mệnh thức thời duy tuấn kiệt,  
Hữu duyên hà xứ bất phong lưu?  
Ngô nhân hà cụ hà ưu?

## VỊNH CHỮ TÌNH

*Mưỡu:*

Cái tình là cái chi chi?  
Dấu chi chi cũng chi chi với tình.

*Nói:*

Đa tình là dở,  
Đã mắc vào đó gỡ cho ra.  
Khéo quấy người một cái tình ma,  
Trói buộc kẻ hào hoa biết mấy.  
Đã gọi người nằm thiên cổ dậy,  
Lại đưa hồn lúc ngũ canh đi.  
Nực cười thay lúc phân kỳ,  
Trông chẳng nói, biết bao nhiêu **biệt lệ**.  
Tình huống ấy dấu bút thần khôn vẽ,  
Càng tài tình càng ngốc, càng si.  
Cái tình là cái chi chi.

[

---

## CHIẾN THUẬT TỐC CHIẾN TỐC THẮNG

戰術 速戰速勝

CỦA VUA QUANG TRUNG 光中



**Bắc Bình Vương NGUYỄN HUỆ**

北平王 阮慧



**HỊCH  
XUẤT  
QUÂN  
出軍**

檄

của Vua Quang Trung được khắc ghi nơi Bức Tường ở Gò Đống Đa, Hà Nội

[ Hịch nâng cao tinh thần Văn Hóa Quân Dân ],

*“ Đánh cho để dài Tóc*

*“ Đánh cho để đen Răng*

*“ Đánh cho nó chích Luân bát phẩn*

*“Đánh cho nó phiến Giáp bắt hoàn*

*“Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu Chủ ”.*

### TỐC CHIẾN TỐC THẮNG 速戰速勝

Vua Quang Trung Dẹp quân Thanh đông hơn 2 , 3 lần trong trận chiến 5 ngày ở Đống Đa .

Vua lấy Hiệu là Quang Trung ngược lại tước hiệu Trung Quang của Sĩ Vưu - Lãnh tụ Nông nghiệp - đánh nhau với lãnh tụ Du mục Hoàng Đế. Sĩ Vưu thua trận nên Hoàng đế thu tóm đất đai của Chửng Việt , Quang Trung quyết lật ngược thế cờ, tìm cch đánh chiếm lại Lương Quảng, đất của ổ Tiên xưa, nhưng không may, Ngải mất sớm khiến giấc mộng không thành!

### AI TU VẤN

#### Văn tế vua Quang Trung

[ Công Chu Chúa Ngọc Hân ]

Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo,  
Trước thềm lan hoa héo ron ron!  
Cầu Tiên khói toả đỉnh non,  
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu!  
Nỗi lai lịch để hầu than thở,  
Trách nhân duyên mờ lẽ có sao?  
Sầu sầu, thăm thẳm xiết bao,  
Sầu đầy giạt bể, thăm cao ngất trời!  
Từ cờ thắm trở vùi cõi Bắc,  
Nghĩa tôn phò vàng vạc bóng dương,  
Rút dây vằng mệnh phụ hoàng,  
Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu qui.  
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,  
Chữ nghi gia mừng được phải duyên,  
Sang yêu muôn đội ơn trên,  
Rõ ràng vẻ thụy, nổi chen tiếng cầm.  
Lượng che chở, vụng làm nào kể,  
Phận đình ninh cận kẻ mọi lời,  
Dầu rằng non nước biển đời,  
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.  
Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,  
Khấp tôn thân cũng đội ơn sang,  
Miếu đường còn dấu chùng thường,  
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.  
Nhờ hồng phúc, đôi cành hoè quế,

Đượm hơi dương, dây rễ cùng tươi.  
Non Nam lần chúc tuổi trời,  
Dâng câu thiên bảo, bày lời Hoa phong.  
Những ao ước trập trùng tuổi hạc,  
Nguyên trăm năm ngô được vầy vui,  
Nào hay sông cạn, bể vùi,  
Lòng trời tráo trở, vận người biệt ly!  
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,  
Xót mình rông mỗi một chẳng yên!  
Xiết bao kinh sợ lo phiền,  
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.  
Khấp mọi chốn đầu đầu tìm rước.  
Phương pháp nào đổi được cùng chăng?  
Ngán thay, máy Tạo bất bằng!  
Bóng mây thoát đã ngắt chùng xe loan!  
Cuộc tụ, tán, bi, hoàn kíp bấy!  
Kê sum vầy đã mấy năm nay?  
Lên đên chút phận bèo mây,  
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu!  
Trần trọc luống đêm thâu, ngày tối,  
Biết cậy ai đập nỗi bi thương?  
Trong mong luống những mơ màng,  
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.  
Khi trận gió, hoa bay thấp thoáng,  
Ngõ hương trời bằng lãng còn đâu:  
Vội vàng sửa áo lên châu,  
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện chăng!  
Khi bóng trăng, lá in lấp lánh,  
Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi:  
Vội vàng dạo bước tới nơi,  
Thương ôi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa!  
Tưởng phong thể xót xa **đòi đoạn**,  
Mặt rông sao cách dán lâu nay!  
Có ai chốn ấy về đây,  
Nguồn cơn xin ngõ cho hay được lành?  
Nẻo u minh khéo chia đôi ngã,  
Nghĩ đòi phen, nông nã đòi phen!  
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,  
Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương.  
Nghe trước có đấng vương Thang, Võ,  
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao;  
Mà nay áo vải, cờ đào,  
Giúp dân, dựng nước biết bao công trình!  
Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuấn,  
Công đức dày, ngự vận càng lâu;  
Mà này lượng cả, ơn sâu,

**Móc mưa rưới khắp chín châu đượm nhuần.  
 Công đường ấy mà nhân đường ấy,  
 Cõi thọ sao hẹp bấy hoá công?  
 Rộng cho chuộc được tuổi rồng,  
 Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người.  
 Buồn thay nhẽ! sương rơi, gió lọt,  
 Cảnh đìu hiu, thánh thót châu sa!  
 Tưởng lời di chúc thiết tha,  
 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê!  
 Buồn thay nhẽ! xuân về, hoa ở,  
 Mối sầu riêng ai gỡ cho xong!  
 Quyết liều mong vẹn chữ tông,  
 Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e.  
 Còn trứng nước thương vì đôi chút,  
 Chữ tình thâm chưa thoát được đi!  
 Vậy nên nấn ná đòi khi,  
 Hình tuy còn ở, phách thì đã theo;  
 Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo,  
 Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân,  
 Theo xa thôi lại theo gần,  
 Theo phen điện quế, theo làn nguồn hoa.  
 Đương theo, bỗng tiếng gà sực tỉnh,  
 Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm bao!  
 Mơ màng thêm nỗi khát khao,  
 Ngọc kinh chôn ấy ngày nào tới nơi!  
 Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,  
 Nguyện đồng sinh sao đã kíp phai.  
 Xưa sao sớm hỏi, khuya bày,  
 Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.  
 Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ!  
 Tình cô đơn, ai kẻ xét đâu?  
 Xưa sao gang tấc gần chầu,  
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca,  
 Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi,  
 Tin hàn huyên khôn hỏi thăm nhanh!  
 Nửa cung gãy phím cảm lạnh,  
 Nỗi con cô cút, nỗi mình bơ vơ!  
 Nghĩ nông nổi, ngẩn ngơ đòi lúc,  
 Tiếng tử qui thêm giục lòng thương!  
 Nào người thay cảnh tiên hương!  
 Dạ thường quanh quất mắt thường ngóng trông.  
 Trông mái đông: lá buồm xuôi ngược,  
 Thấy mệnh mông những nước cùng mây!  
 Đông rồi thì lại trông tây:  
 Thấy non ngân ngắt, thấy cây rườm rà!  
 Trông nam: thấy nhọn sa lác đác!**

Trông bắc: thấy ngàn bạc màu sương!  
Nọ trông trời đất bốn phương,  
Cõi tiên khơi thăm biết đường nào đi!  
Cậy ai có phép gì tới đó,  
Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung:  
Này gương là cửa Hán cung,  
On trên xưa đã soi chung đời ngày.  
Duyên hảo hợp xót rày nên lẽ!  
Bụng ai hoài vội ghê vì đâu?  
Xin đưa gương ấy về châu,  
Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông on.  
Trưởng linh sáng nhọn nhọn còn dẫu,  
Nổi sinh cơ có thấu cho không?  
Cung xanh đang tuổi ấu sung,  
Di mưu sao nữ quên lòng đoái thương?  
Gót lân chỉ mấy hàng lẫm chẫm,  
Đầu mũ mao, mình tấm ái gai!  
U ơ ra trước hương đài,  
Trường quang cảnh ấy chua cay đường nào!  
Trong sáu viện ố đào, ủ liễu,  
Xác ve gầy, lỏng lẻo xiêm nghê!  
Long đong xa cách hương quê,  
Mong theo: lằm lỏi; mong về: tủi duyên!  
Dưới bệ ngọc, hàng uyên vò võ,  
Cát chân tay thương khó xiết chi!  
Hang sâu nghe tiếng thương bi,  
Kẻ sơ còn thế, hướng gì người thân?  
Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,  
Mạch sầu tuôn, ai tát cho vơi!  
Càng trông càng một xa vời,  
Tắc lòng thăm thiết, chín trời biết chẳng?  
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi:  
Gương Hằng Nga đã bụi màu trong!  
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,  
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà.  
Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn:  
Cánh hải đường đã quện giọt sương!  
Trông chim càng dễ đoạn trường:  
Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.  
Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy.  
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!  
Phút giây bãi biển nương dâu,  
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?  
Chữ Tình Nghĩa trời cao, đất rộng,  
Nổi đoạn trường còn sống, còn đau!



Mấy lời tâm sự trước sau,  
Đôi vàng Nhật Nguyệt trên đầu chứng cho.”

Năm 1792, vua Quang Trung mất, bà còn trẻ đã trở thành một goá phụ.  
Đây là bài *Ai tư vãn*, thi phẩm của Ngọc Hân công chúa. (Hoàng hậu )

Ai 哀: Buồn thương cảm, Tưởng nhớ

Tư 思: Nhớ mong

Vãn 挽: Phúng viếng

Ai tư vãn : Điệu vãn

### Hình Đô Đốc BÙI THỊ XUÂN & Thái Phó TRẦN QUANG DIỆU

裴氏春 陳光曜 (耀)

Hai vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân đều là những hào kiệt hiếm có của Tây Sơn. .  
Tâm lòng nhân hậu, sự quả cảm và trung trinh của họ vẫn được người dân đời đời nhắc đến.



Qua cuộc chiến đấu anh dũng lúc sinh thời cũng như khí phách hùng anh của Bà qua vụ Vua Gia Long dùng cách Voi dày xé Xác Mẹ Con Bà , Bà là một Nữ lưu độc nhất vô nhị của Việt Nam.

Tổ Như NGUYỄN DU

阮攸

( 1766 – 1820 )



## VỚI TIẾNG ĐÀN MANG ÂM HƯỞNG TAM GIÁO

### I.- TIẾNG ĐÀN KÌU GỖY CHO KIM TRỌNG

#### LÚC MỚI GẶP NHAU

Mang âm hưởng Nho giáo với Dịch Lý “ Âm / Dương bất Hòa “

( Các cặp Đối cực cứ va chạm nhau san sát )

**Kiều gảy đàn cho Kim Trọng**

So lần Dây Vũ / dây Văn  
Bốn dây To / Nho so vẫn Cung / Thương  
Khúc đầu Hán / Sở Chiến trường  
Nghe ra Tiếng Sắt / Tiếng Vàng chen nhau  
Khúc đầu Tư Mã Phụng cầu  
Nghe ra như Oán / như Sầu phải chăng  
Kê khang này khúc Quảng lãng  
Một rằng Lưu thủy / hai rằng Hành vân  
Quá quan này khúc Chiêu Quân  
Nửa luyện Chúa / nửa phần Tư gia

Trong như tiếng hạc bay qua /

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài /

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.  
Ngọn đèn khi Tổ / khi Mờ  
Khiến người ngồi đó cũng ngỡ ngẩn sầu.  
Khi tựa gối / khi cúi đầu /  
Khi vò chín khúc / khi chau đôi mày.  
Rằng hay thì thật là hay /  
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào  
Lựa chi những khúc Tiêu tao  
Đột lòng mình mà / cũng nao nao lòng người “

## II.- KHÚC ĐÀN OÁN NGHIỆP

[ Hoạ Thư bắt Nàng Kiều gảy đàn cho Chàng Thúc Sinh

[ Mang Tinh thần Nghiệp báo của Phật giáo ]

“ Bốn dây như khóc như than  
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng  
Cùng trong một tiếng tơ đồng  
Người ngoài cười nụ / người trong khóc thầm  
Giọt châu lã chã khôn cầm  
Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt Tương “

## III.- KIỀU GẢY ĐÀN CHO NGƯỜI GIẾT KIM TRỌNG

[ Hồ Tôn Hiến: Kẻ không giữ lời hứa với nàng Kiều ]

“ Một cung gió thấm mưa sầu  
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay  
Ve ngâm vượn hót nào tà  
Lọt tay Hồ cũng nhả mảy rơi châu “

### **V.- TIẾNG ĐÀN KIM KIỀU TÁI HỢP**

[ Mang âm hưởng “ Huyền đồng “ của Lão hay “ Âm Dương Hòa “ của Nho ]

Phím đàn diu dặt tay tiên  
Khói trầm cao / thấp tiếng huyền gần / xa  
Khúc đầu đầm ấm dương hòa  
Ấy là Hồ điệp hay là / Trang Sinh  
Khúc đầu êm ái xuân tình  
Ấy Hồn Thục Đế hay / Minh đố quyên  
Trong sao Châu đỏ duềnh quyên /  
Ấm sao hạt Ngọc Lam Điền mới đông  
Lọt tai nghe suốt năm cung  
Tiếng nào là chẳng nảo nùng xôn xao “

### **VŨ HOÀNG CHƯƠNG**

務黃璋



( 1915 – 1976 )

Hai Tập : MÂY , SAY

Với KỊCH THƠ: TRƯƠNG CHI, VÂN MUỘI , HỒNG ĐIỆP

### ĐỜI TÀN NGÕ HẸP

“ Gối vải mộng phong hầu,  
Vàng Sơn mờ gác xép,  
Bừng tỉnh mưa còn mau,  
Chiều tàn trong ngõ hẹp.

Mưa lùa gian gác xép,  
Ngày trắng theo nhau qua,  
Lá rơi đầy ngõ hẹp;  
Đời hiu hiu xế tà.

Ôi! ta đã làm chi đời ta?  
Ai đã làm chi lòng ta?  
Cho đời tàn tạ lòng băng giá  
Sương mong manh quạnh chớm thu già.

Mãi mê theo sự nghiệp,  
Quá trớn, lỡ giàu sang;  
Mưa rơi, chiều, ngõ hẹp,  
Lá vàng bay ngổn ngang...  
Đi vương nhau mười chiếc lá khô vàng,  
Xuân đời chưa hưởng kịp,  
Mây mùa Thu đã sang.

Giác hồ nghe pháp phối  
Cờ biên nhịp mơ màng.

Đường hoa son phấn đời,  
Áo gấm về xanh xang...

Chập chờn kim ốc giai nhân...  
Gió lạnh đưa vèo,  
Khoa danh trên gôi rụng tàn theo!  
Nao nao đàn sáo phai dần...  
Hạnh phúc tàn theo,  
Nửa gôi thê nhi lá rụng vèo!  
Song hồ lơ lửng khép,  
Giường chiếu ấm hơi mưa;  
Chiêm bao mờ thoáng hương thừa,  
Tan rồi mộng đẹp,  
Òi thời xưa!

Ta đã làm chi đời ta xưa?  
Ta đã dùng chi đời ta chưa?

Thiên thu? ngờ sự nghiệp!  
Chiều mưa rồi đêm mưa;  
Gió lùa gian gác xếp,  
Đời tàn trong ngõ hẹp. “

### TÚY HẬU CUÔNG NGÂM

醉後狂吟

*Thời bất lợi hề truy bất thệ*

時不利兮？追不瀝

(Tây Sở Bá Vương)

Tây Sở Bá Vương trong cảnh “ Giặc đuổi gấp sau Lung, mà trước mặt là con Sông )

Òi lòng ta sao buồn không nguôi?  
Niềm u uất dâng cao về tháng ngày trôi xuôi.  
Há vì cơm áo chẳng no lành?  
Há vì đời không ai mắt xanh?

Nhớ thuở xưa chưa có ta hề đường đi thênh thênh  
Kịp tới khi có ta hề chông gai mộng mênh.  
Cuông vọng cả mà thôi, bốn phương hề vương mắc,  
Ba mươi năm trên vai hề trống không bình sinh.

Lều nát hề trơ trơ, ngõ mưa lấm lội,  
Trăng lạnh, đèn mờ, bồn đôn hề le lói;

Độc truyện cổ nhân hề lòng ta quằn quại đau,  
Gió bụi xôn xao hề thương vay người sau.  
Càng xót thân mình vô dụng  
Thiên hạ chê bai hề lạc nẻo sang giàu,  
Ta chỉ tiếc cho thân hề vô duyên bấy lâu.  
Bá Nhạc đời không ai hề ngăn ngõ vó câu.  
Gươm sắc uổng cho gươm hề Phong Hồ có đâu!

Ai đó mách giùm ta với!  
Quần gót thể nhân hề như đàn quạ kia chẳng?  
Hay như mây cao đơn chiếc hề cánh chim bằng?  
Áp úng cân đai hề trời giam tài năng?  
Vỡ ruộng buông câu hề kho trời gió giăng?

Ôi đường gai góc là bao hề sóng còn mặt bể!  
Thương cho tay lái non hề con thuyền lao đao,  
Tiếc cho cơ hội muộn hề chặt gai đực sao!  
Lá úa cành khô, thu đông hề nổi gót,  
Chuẩn choáng giang san hề còn say hát ngao.  
Mây hồng tím phương tây hề tà huy thoi thóp,  
Đời sắp tàn chẳng hề bắc lu dầu bao?  
Ngõ hẹp giường tre, giấc mơ hề chói với,  
Thôi hết mùa thu tươi,  
Hết thôi chờ đợi!  
Rượu hề rượu hề! Giùm quên nhé người!

Sao lòng ta đêm nay buồn không thể nguôi?  
Niềm u uất dâng cao hề tháng ngày trôi xuôi.

### SAY ĐI EM

Khúc nhạc hồng êm ái  
Điệu kèn biếc quay cuồng.  
Một trời phấn hương  
Đôi người gió sương.  
Đầu xanh lặn đặng, cùng xót thương, càng nhớ thương.  
Hoa xưa tươi, Trăng xưa ngọt, Gối xưa kê, Tình nay sao héo!  
Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẻo,  
Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du dương.  
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương  
Bước chân còn nhịp Nghê thường lắng lơ.

Ánh đèn tha thướt  
Lưng mềm, não nuột dáng tơ  
Hàng chân lả lướt

**Đê mê, hồn gửi cánh tay hò.**

**Âm ba gờn gợn nhỏ,  
Ánh sáng phai phai dần...  
Bốn tường nghiêng diên đảo bóng giai nhân,  
Lui đôi vai, tiến đôi chân;  
Riết đôi tay, ngã đôi thân,  
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió.  
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ,  
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta!  
Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa,  
Tay mềm mại, bước còn chưa chũnh choáng.  
Chưa cuôi xứ Mê ly, chưa cùng trời Phóng đăng  
Còn chưa say, hồn khát vẫn thềm men.**

**Say đi em! Say đi em!  
Say cho lơ lửng ánh đèn,  
Cho cung bực ngã nghiêng, cho diên rồ xác thịt  
Rượu, rượu nữa! và quên quên hết!**

**Ta quá say rồi  
Sắc ngã màu trời...  
Gian phòng không đứng vững,  
Có ai ghì hư ảnh sát kê môi?  
Chân rã rời  
Quay cuồng chi được nữa,  
Gối mỗi gằn rơi!  
Trong men cháy, giác quan vừa bén lửa,  
Say không còn biết chi đời.  
Nhưng em ơi,  
Đất trời nghiêng ngửa  
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.  
Đất trời nghiêng ngửa,  
Thành Sầu không sụp đổ, em ơi! “**

## **HƠI TÀN ĐÔNG Á**

**( Tặng Lưu Trọng Lư )**

**Phơi phới linh hồn lỏng khoá then  
Say nghe giọt nhựa khóc trên đèn  
Mê ly... Cả một trời Đông Á  
Sự tĩnh trong lòng nắm mộ đen**

**Đáy cốc bao la vụn vụn sầu  
Ngai vàng Mông Cổ ngự đêm nâu**



Hãy nghe bão táp trong cô tịch  
Vó ngựa dân Hồi dẫm đất Âu

Thuyền chiến nằm mơ cuộc viễn chinh  
Buồm neo rời rạc bến U Minh  
Đâu đây quần quai trong làn khói  
Lớp lớp uy nghi Vạn Lý Thành

Thuốc cháy âm thầm hãy lắng tai  
Phương Đông là một tiếng than dài  
Bao nhiêu năm đã từng oanh liệt  
Bốn bể quy hàng nép dưới ngai

Nhựa chín dần trên ngọn lửa đào  
Ngược dòng năm tháng khói lên cao  
Hương thiêng rẽ lối đôi bờ mộng  
Cung các vàng son một thuở nào

Gối nệm lênh đênh xác thịt hờ  
Thuyền say một cánh lướt dòng thơ  
Trăng hiu hắt ngủ đêm khuya rợn  
Sương khói phù dung ngập bến bờ

Thế kỷ huy hoàng của Á Châu  
Hiện về trên gối một đêm nâu  
Mây xanh cánh rộng ai mơ đó  
Hồn có tiêu tan vạn cổ sầu! “

**DO NẠN “ LẠC HỒN ĐÂN TỘC “**

**QUÊN MẮT “ TÌNH NGHĨA ĐỒNG BÀO “**

情義同胞

**NÊN DÂN TỘC RƠI VÀO**

**THẢM CẢNH 慘景**

**“ CÓT NHỤC TƯƠNG TÀN 骨肉相殘 “**

[ NỖI DA NẤU THỊT ]

**HỆ QUẢ THƯƠNG ĐAU**



**1. Cảnh Thương Tọa THÍCH QUẢNG ĐỨC tự thiêu.**



**Thi hài T.T. Ngô Đình Diệm và Thi hài Cố vấn Ngô Đình Nhu**

**2.- Tổng thống NGÔ ĐÌNH DIỆM và Cố vấn NGÔ ĐÌNH NHU**

**BỊ PHE ĐẢO CHÁNH SÁT HẠI**

**Cố gắng tìm cách hòa giải với Anh Em đồng bào không xong**

**Nên mới để bị Tuấn tiết làm Gương, hơn là nhờ giúp chạy trốn hèn nhất !**

**NGŨ HỔ TÈ PHI : 五虎齊飛**



## Năm Danh Tướng

五名將

TRẦN VĂN HAI, LÊ NGUYÊN VỸ,

陳文胡 黎原(元)曄

NGUYỄN KHOA NAM. LÊ VĂN HƯNG, PHẠM VĂN PHÚ

阮科男 黎文興 范文富

Không “ bảo vệ được Chánh Nghĩa Quốc gia “

保衛正義國家

Thì đem Thân này “ nát với Cỏ Cây “!

[ : Tuẫn tiết 殉節: Chết vì Lòng Ngay thẳng : Chánh Nghĩa ]

## KẾT LUẬN

Sở dĩ chúng tôi vẫn luôn bám sát vào tinh thần “ Nhân Nghĩa Bao dung “ cũng như Tinh thần các Anh hùng Liệt sĩ của Dân tộc để tỏ Lòng biết ơn và cũng để nhắc nhở nhau tìm cách tiếp nối Tinh thần Bất khuất nhưng Hiếu Hòa của Dân tộc.

Đây là mẫu số chung hiếm có của Dân tộc, của toàn dân, đó là “ Việc không phân biệt Tôn giáo, Đảng phái, Phe nhóm, Sắc tộc. . . “, mọi người cần nhận rõ Đức Bao dung là nền tảng của Đoàn kết toàn dân, nên vô cùng quan trọng cho việc Dựng Nước và Giữ Nước, Lịch sử 4902 năm đã chứng tỏ điều đó.

Cha ông chúng ta đã bảo : “ Ăn theo Chợ, Ở theo Thời “ nên chúng ta không thể ôm mãi tinh thần ngàn xưa của Tổ Tiên mà khur khur giữ lấy y nguyên, mà chúng ta cũng phải giữ lấy Gốc rễ từ nền tảng đó “ toàn dân không bị phân hóa để cùng nhau một Lòng “ tìm cách sửa đổi, thêm bớt để vươn lên sao cho hợp Tình hợp Nghĩa từng giai đoạn Lịch sử, chứ “ hai bên không khur khur bảo vệ lấy cái Riêng của mình, mặc cho cái Chung bị đổ nát!.”

Rõ ràng là khi “ Theo Mới nói cũ “ theo Tây phương một cách thiếu chọn lọc, nên một số đã bỏ Gốc Dân tộc gây ra cảnh ‘ Nồi Da Nấu Thịt ‘ suốt 20 năm, khiến Đàn con của Bọc Mẹ Âu Cơ tan Dàn xẻ Nghé rất đau thương, đến nay vẫn chưa hàn gắn được, nhất là nền Văn Hóa Nhân tộc của Tổ Tiên đã bị phá sập Tận nền, đã được thay vào nền “ Văn Hóa Vật bản trực vật Mác Mao Hồ “ chỉ lo dành miếng ăn, quên sứ mạng làm Người , khiến Anh Em đồng bào đối xử với nhau bằng Ghen ghét, Hận thù Giai cấp, phải có nét mặt khi nào cũng dằng dằng sát khí mới là đảng viên gương mẫu trung kiên ! !

Trong thời đại Văn minh này tuy Chế độ vẫn có danh xưng là “ Dân chủ, Văn minh, Tiến bộ, Công bằng “ nhưng cũng chỉ toàn là những danh xưng mỹ duyet, thực tế là cuộc sống Nhân dân chúng ta vẫn thiếu Tự do và Nhân quyền, nhân dân không còn man rợ nữa, nên đau cần phải độc trị, nhưng vì thiếu văn hóa Nhân bản khiến cho cảnh Tham tàn Cường bạo lên ngôi , Vô Thần là môi trường sống thuận lợi cho Tham, Sân, Si phát triển , nên cảnh Tham nhũng trắng tráo ngày càng lan tràn như thác lũ , dầu cho có đốt lò bao nhiêu thì cũng chỉ tốn củi, chứ không thể đốt hết nổi đàn can nhân, vì việc làm không đúng chỗ, số là những kẻ Vô Văn Hóa thì tất nhiên họ vẫn cứ sống theo Bản năng như thời mông muội man di, đâu có cần đến Lòng Nhân ái và Lễ Công bằng làm gì để cho một Thân xác mỗi Tinh thần!

Thử hỏi nguyên nhân Tham nhũng là ở đâu, đảng nắm quyền kinh tế, những đảng viên cao cấp và người thân thuộc của họ mới có cơ hội nắm các công ty quan trọng, chính thành phần quan trọng của đảng mới có cơ hội ăn cấp hàng tỷ, hàng chục, hàng trăm tỷ - mồ hôi nước mắt của nhân dân - chứ người không đảng CS thì không thể có cơ hội để liên quan tới , rõ ràng là chính đảng CS là nguồn gốc của tham nhũng, vì lạm quyền quá, nạn tham nhũng lại công khai rất trắng trợn. Để làm mờ mắt người dân, đảng trưởng phải đốt lò để cứu đảng, mặt khác việc đốt lò của đảng trưởng cũng chỉ là cuộc tranh dành miếng ăn giữa trâu cày và trâu cột mà thôi.

Nên muốn diệt tham nhũng một cách tương đối dễ dàng thì cứ giải tán đảng CS đi để trao quyền cho một chế độ có nền tảng “ Văn hóa Nhân tộc “ thực tâm xây dựng nền Dân chủ và Nhân quyền chân chính thì mới mong !

Nên cần phải chấn hưng tinh thần “ Nhân Nghĩa Bao dung của Dân tộc “ để quật khởi Tinh thần “ Hùng Dũng “ mà cùng nhau canh tân cuộc sống để toàn dân cùng chung Lòng chung Trí mà xây Tổ Ấm Gia đình và Quốc gia Dân tộc sao cho đời sống Vật chất nhất là Tinh thần của mọi người Dân được ấm no an bình- nhu cầu bức thiết của một con Người - !

Ngày nay là giai đoạn Toàn cầu hóa, việc giao thương giữa các nước Đông cũng như Tây được dễ dàng, việc trao đổi làm ăn cũng thuận tiện.

May thay, trong Đại Họa năm 1975 có ẩn chứa Đại Phúc, rằng là ngày nay dân tỵ nạn Việt Nam hầu như đã có mặt khắp các nước Văn minh trên thế giới, những người Tỵ nạn VN này đã trở thành những chuyên viên tài giỏi khắp mọi ngành, họ có thể đóng góp hữu hiệu cho việc xây dựng đất nước, chỉ cần có một chế độ Dân chủ thực sự, biết tuyển Hiền ( người có Tư cách ) đữ Năng (kể có Khả năng) thì chẳng bao lâu đất nước sẽ được xây dựng cho phồn vinh .

Cầu xin Ông Trên sáng soi cho Dân tộc Việt Nam, để cả hai phe Quốc Cộng đừng đánh mất Cơ hội 5 ngàn năm 1 thuở này!

Hy vọng thay!

**Công dân Việt Nho**

---

## THAM KHẢO

### 11]. VUA QUANG TRUNG

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 tại vùng Tây Sơn, phủ Quy Nhơn (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Ông người gốc họ Hồ, thủa nhỏ tên là Thơm, sau đổi tên thành Nguyễn Huệ, sinh ra trong gia đình có 03 anh em. Nguyễn Huệ được miêu tả: Tóc xoăn, da sẫm, mắt như chớp sáng, tiếng nói sang sảng như tiếng chuông, nhanh nhẹn, khỏe mạnh và can đảm.

Năm 1771, khi mới 18 tuổi, chứng kiến cảnh lầm than cực khổ của người dân quê nhà và không chịu nổi sự chuyên quyền của Quốc phó Trương Phúc Loan, Nguyễn Huệ đã bàn bạc với anh là Nguyễn Nhạc, em là Nguyễn Lữ lên vùng Tây Sơn thượng đạo xây dựng căn cứ, dựng cờ khởi nghĩa. Tại đây, nhờ có sách lược khôn khéo mà phong trào của 3 anh em họ Nguyễn nhanh chóng thu hút được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân trong vùng. Thế và lực của nghĩa quân Tây Sơn phát triển nhanh chóng.

Mùa thu năm 1773, Nguyễn Huệ chỉ huy một đạo quân đánh chiếm thành Quy Nhơn rồi sau đó lần lượt tiến đánh Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận... Chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự chỉ huy mưu lược của Nguyễn Huệ, nghĩa quân Tây Sơn đã làm chủ một vùng rộng lớn từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận...

Năm 1777, nghĩa quân Tây Sơn tiếp tục đánh chiếm thành Quy Nhơn làm căn cứ, rồi nhiều lần tấn công và giải phóng Gia Định, tiêu diệt thế lực của Chúa Nguyễn và giải phóng Đàng Trong. Các tướng cũ của chúa Nguyễn tiếp tục lập Nguyễn Ánh làm chúa và chiếm lại Gia Định.

Năm 1783, Nguyễn Nhạc lại cử Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ mang quân Nam tiến, truy kích tiêu diệt Nguyễn Ánh, buộc Nguyễn Ánh phải bỏ chạy ra đảo [Phú Quốc](#), rồi [đảo Thổ Chu](#). Đầu năm 1784, Nguyễn Ánh sang Xiêm (Thái Lan) cầu viện. Vua Xiêm sai hai tướng là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 5 vạn quân thủy, bộ cùng 300 chiếc thuyền sang xâm lược nước ta. Được tin báo quân Xiêm xâm lược, Nguyễn Huệ đem đại binh vào Gia Định. Trong mấy trận đầu, quân Tây Sơn giả thua rút lui để như giặc vào trận địa mai phục. Đêm 19 rạng 20 tháng 01 năm 1785, khi quân Xiêm kéo vào Rạch Gầm và Xoài Mút (phía Tây Mỹ Tho) bị phục binh Tây Sơn từ các mặt tiến công bất ngờ, quyết liệt. 05 vạn quân thủy bộ cùng 300 chiến thuyền bị đánh tan tác, chỉ còn vài nghìn tên sống sót chạy trốn về nước.

Sau khi lật đổ thế lực của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, năm 1786 Nguyễn Huệ đem quân ra đánh Bắc và nhanh chóng lật đổ tập đoàn phong kiến họ Trịnh thống trị đã hơn 250 năm, chấm dứt cuộc [nội chiến Trịnh – Nguyễn phân tranh](#), khôi phục lại [nhà Hậu Lê](#), chấm dứt tình trạng phân biệt [Đàng Trong – Đàng Ngoài](#) kéo dài suốt 2 thế kỷ.

Tuy nhiên, vì hèn kém, nhu nhược và để bảo vệ ngai vàng, năm 1788, Lê Chiêu Thống “cống rắn cắn gà nhà” cầu viện quân Thanh. Vua Càn Long nhà Thanh lợi dụng cơ hội để xâm lược nước ta, cử Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân Thanh sang xâm chiếm nước ta. Được tin, Nguyễn Huệ làm lễ đăng quang tại Phú Xuân, lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung; rồi lập tức thống lĩnh đại quân (khoảng 5 vạn người) tiến ra Bắc. Khi nghỉ quân Tây Sơn đến Tam Điệp (Ninh Bình), sau khi xây dựng lực lượng và nắm tình hình, vua Quang Trung mở tiệc khao quân, tuyên bố cho quân sĩ “*ăn Tết Nguyên đán trước, đợi đến sang xuân, ngày 07 vào thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi nhớ lời ta xem có đúng thế không?*”. Đứng trước ba quân, vua Quang Trung đồng dạ tuyên bố: “*Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*” (Đánh cho lịch sử muôn đời biết nước Nam anh hùng là có chủ).

Đêm 25/01/1789 (đêm 30 Tết), đạo quân chủ lực áp sát, bao vây đồn Hà Hồi (Thường Tín, Hà Tây), quân Thanh hoảng sợ phải đầu hàng. Mờ sáng ngày 30/01/1789, quân Tây Sơn tiến đánh đồn Ngọc Hồi, đạo quân thứ hai bất ngờ tiến công mãnh liệt vào đồn **Đổng Đa**. Quân Thanh bị tiêu diệt hàng vạn tên, tướng chỉ huy Sầm Nghi Đống phải treo cổ tự tử. Quân Tây Sơn tiến vào thành Thăng Long đánh bại hoàn toàn quân xâm lược.

Sau khi bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Từ năm 1789 đến năm 1792, với tư tưởng tiến bộ ông đã liên tiếp đề ra nhiều kế hoạch cải cách về [kinh tế](#), [văn hóa](#), [giáo dục](#), [quân sự](#),... nhằm xây dựng đất nước và tiếp thu [khoa học kỹ thuật](#) hiện đại từ phương Tây.

Ngày 15/9/1792, Hoàng đế Quang Trung đột ngột qua đời. Đây là một tổn thất lớn cho dân tộc Việt Nam cuối thế kỉ XVIII\

---

## [ II ].- VƯƠNG PHI Ý LAN

### LÊ KHIẾT NƯƠNG

**Ỡ Lan** (chữ Hán: 倚蘭, 7 tháng 3, năm Giáp Thân (1044) – 25 tháng 7, năm Đinh Dậu (1117) hay còn gọi là **Linh Nhân Hoàng thái hậu** (靈仁皇太后), là **phi tần** của Hoàng đế **Lý Thánh Tông**, mẹ ruột của **hoàng đế Lý Nhân Tông** trong **lich sử Việt Nam**.

Bà đã hai lần đăng đàn **nhiep chính**, giúp đất nước dưới triều **triều Lý** được hưng thịnh, những đóng góp cho hoàng triều nhà Lý nhất là về **Phật giáo** và tài năng trị nước của bà đều được sử gia khen ngợi và tán dương. Tuy vậy, để có thể có quyền hành nhiep chính đất nước, bà đã mưu kế dựa vào **Lý Thường Kiệt**, phé truất và sát hại Thái hậu nhiep chính tiền nhiệm là **Thương Dương Hoàng thái hậu** và 72 cung tần phi nữ. Việc làm này đã gây nên nhiều tranh cãi xung quanh bà, xây nhiều chùa chiền nhưng lại đi giết hại vô số mạng người, không xứng đáng để được ví với Quan Thế Âm Bồ Tát.

## CUỘC ĐỜI

### Tên gọi và xuất thân

Xuất thân của bà, các sách như *Đại Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* đều không ghi chép rõ ràng. Chỉ biết bà **họ Lê**, người hương Thổ Lỗi, sau là Siêu Loại, còn **Ỡ Lan** là tên do **Lý Thánh Tông** ban cho sau khi vào cung.

Theo truyện **thơ** nói về Ỡ Lan có tên là "*Lý triều đệ tam Hoàng thái hậu cô lục thân tích quốc ngữ diễn ca văn*" của **Trương Thi Trong** thời **Chúa Trịnh**, thì bà có tên là **Lê Khiết Nương**

(黎潔娘).<sup>[1]</sup> Tuy nhiên, cứ theo việc mẹ bà được gọi là **Tĩnh Nương** (靜娘), ở một thời kỳ xưa từng rất phổ biến dùng từ đệm *nương* sau tên thật của người phụ nữ, thì có lẽ tên thực của bà (theo truyện thơ) là **Khiết**. Cũng có nguồn cho rằng, bà có tên là **Lê Yên** (黎孃).<sup>[2]</sup> Một học giả người Tống là **Thẩm Hoat** trong sách "*Mộng Khê bút đàm*" (quyển thứ 2) ghi tên bà là **Lê Thị Yên Loan**, nhưng học giả **Hoàng Xuân Hãn** cho biết đó chỉ là cách phiên âm từ tên Ỡ Lan mà thôi.

Theo **truyền thuyết** về bà, Ỡ Lan sinh ngày 7 tháng 3 năm **Giáp Thân (7 tháng 4 năm 1044)** tại hương Thổ Lỗi sau đổi thành Siêu Loại, phủ Thiên Đức, lộ Bắc Giang Hạ nay thuộc khoảng khu vực giáp ranh giữa hai huyện **Gia Lâm**, thành phố Hà Nội và huyện **Văn Lâm**, tỉnh **Hưng Yên**. Tuy nhiên, trong truyện thơ trên không nói rõ bà sinh năm nào, chỉ cho biết cha bà họ Lê, có nguồn ghi tên là **Lê Công Thiết**, làm chức quan nhỏ ở Kinh thành **Thăng Long**. Và mẹ bà, theo truyện thơ chỉ ghi hiệu là *Tĩnh Nương*, có nguồn ghi tên là **Vũ Thị Tĩnh**, là một người làm ruộng tại hương Thổ Lỗi.

Đến năm Ỡ Lan 12 tuổi thì mẹ ốm mất, cha lấy mẹ kế họ Đông, nhưng ít lâu sau ông cũng qua đời. Kể từ đó, bà sống với người mẹ kế, hai người rất hòa thuận.<sup>[3]</sup>

### Nhập cung

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ toàn thư, quyển 3) chép:

... "*Tục truyền rằng vua (Lý Thánh Tông) cúng khấn cầu tự chưa thấy hiệu nghiệm, mới đi chơi khắp chùa quán. Xa giá đi đến đâu, con trai con gái đổ xô đến xem không ngớt, duy có một người con gái hái dâu cứ đứng tựa trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy, gọi đưa vào cung, được vua yêu phong làm Ỡ Lan Phu nhân*"...<sup>[4]</sup>

Theo truyện thơ trên, thì đó là năm **Giáp Thìn (1064)**, khi vua Lý Thánh Tông đến chùa Thổ Lỗi cầu tự và mở hội tuyển cung nữ. Song có nguồn cho rằng đó là vào **mùa xuân** năm **1063**, khi vua đi cầu tự ở **chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh)**, qua hương Thổ Lỗi (nằm ngay cạnh

con đường thiên lý để đi vào chùa Dâu), Ngài vén rèm nhìn ra, thấy từ xa có người con gái tựa vào cây lan và cất tiếng hát trong trẻo. Sau đó thì đưa người con gái ấy vào cung.<sup>[2]</sup>

Lê thị vào cung, phong làm **Ỗ Lan Phu nhân** (倚 蘭 夫人), nơi ở là **Du Thiên các** (遊 蟾 閣). Tên hiệu **Ỗ Lan** nghĩa là tựa vào gốc lan, Thánh Tông ban phong hiệu này để lấy làm kỷ niệm của việc gặp gỡ giữa hai người. Thánh Tông sang tuổi 40 mà chưa có con trai nối dõi, sai Chi hội hậu nhân Nguyễn Bông làm lễ cầu tự ở chùa Thánh Chúa.<sup>[5]</sup> Nhà sư dạy cho Bông thuật đầu thai thác hóa, Bông nghe theo. Việc phát giác, đem chém Bông ở trước cửa chùa. Người sau gọi chỗ ấy là Đòng Bông. Chùa ở xã Dịch Vọng, huyện **Từ Liêm**. Đòng Bông ở phía tây trước cửa chùa, nay hãy còn. Lễ thức "Bông Sòng", hiện còn được biểu diễn hàng năm vào dịp Lễ hội ở Làng Sủi quê hương Bà (3/3 Âm lịch) là hoạt động duy nhất trong cả nước Việt Nam hiện nay mô tả, nhắc nhớ lại việc giải oan cho ông Nguyễn Bông. Hiện nay, có đền thờ **Đức Lý Thái Hậu** (bà Ỗ Lan) ngay cạnh Đình làng Sủi, trên có đắp nổi chữ "Mẫu nghi thiên hạ", trong mật thất có ngai thờ vương miện của vua và mũ của bà.

Mùa xuân, **tháng Giêng**, năm **1066**, Linh Nhân Hoàng hậu sinh ra Hoàng tử **Lý Càn Đức** (李 乾 德). Ngày hôm sau, lập làm **Hoàng thái tử**, đổi niên hiệu, đại xá, và phong mẹ là Ỗ Lan Phu nhân làm **Thần phi** (宸 妃).

Năm **Mậu Thân (1068)** bà lại sinh ra **Minh Nhân vương** (明 仁 王), có thuyết sau đó là **Sùng Hiền hậu**. Thánh Tông cho đổi hương Thổ Lỗi làm hương Siêu Loại,<sup>[6]</sup> và phong Thần phi làm **Nguyên phi** (元 妃), đứng đầu các phi tần trong cung.

Địa vị bây giờ của Ỗ Lan chỉ sau **Dương Hoàng hậu**.

### Làm Nhiếp chính lần thứ nhất

**Tháng 2** năm **Kỷ Dậu (1069)**, **Lý Thánh Tông** thân chinh đi đánh **Chiêm Thành**. Tin cậy, trước khi đi nhà vua trao quyền điều khiển chính sự ở triều đình cho Nguyên phi, giúp sức có **Lý Đạo Thành** (李 道 成) là **Thái sư** đầu triều đương thời.

Ra trận, Thánh Tông đánh mãi không được, bèn lui binh. Khi đem quân về đến châu Cư Liên (**Tiên Lữ**, **Hung Yên**) thì nghe tin Nguyên phi làm rất tốt việc nội trị, lòng dân cảm hóa hòa hợp, trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là bà **Quan Âm**.

**Thánh Tông nói: ... "Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng được việc gì hay sao!"** Bèn quay lại đánh nữa, bắt được vua nước ấy là **Chế Củ** và **5 vạn người**.

Năm sau (**1070**), **Chế Củ** xin đem đất ba châu: **Địa Lý**, **Ma Linh**, **Bố Chính** (tức vùng **Quảng Bình** và **Quảng Trị** ngày nay) để chuộc tội. Giang sơn Đại Việt bước đầu mở rộng xuống phía Nam.

---

### Mưu đoạt quyền bính

**Tháng Giêng**, năm **1072**, Thánh Tông Hoàng đế lâm bệnh nặng rồi băng hà, thọ 50 tuổi, trị vì được 18 năm. Hoàng thái tử Lý Càn Đức kế nghiệp, sử gọi là **Lý Nhân Tông**. Nhân Tông kế nghiệp khi mới 7 tuổi, nên tôn đích mẫu là Dương Hoàng hậu làm **Thượng Dương Hoàng thái hậu** (上 楊 皇 太 后) và để cho Thái hậu cùng dự việc triều chính,<sup>[7]</sup> có Thái sư **Lý Đạo Thành** giúp đỡ công việc<sup>[4]</sup>.



Ỗ Lan Nguyên phi được tôn làm [Hoàng thái phi](#) ( 皇太妃 ), không có quyền xen vào việc triều chính. Nhưng rồi, dưới lợi thế là mẹ đẻ của Hoàng đế, cùng sự liên kết với Thái úy [Lý Thường Kiệt](#), bà đã khiến Nhân Tông ra chiếu chỉ **phế truất Thượng Dương Thái hậu**. Sau đó, Ỗ Lan đã ra lệnh giam Dương Thái hậu cùng 72 cung nhân khác vào lãnh cung. Đến khi phát tang chôn cất Thánh Tông Hoàng đế, Thái hậu cùng các cung nhân bị buộc phải chôn theo. Khu vực trước cánh đồng làng Sủi (làng [Phú Thi](#)) hiện nay, có địa danh là Mả Nàng, theo các cụ cao tuổi ở làng, !!!!

---

Sách [Đại Việt sử ký toàn thư](#) (Bản kỷ toàn thư, quyển 3) chép sơ lược việc này như sau:

*"[Quý Sứ](#) (1073)... Giam Hoàng thái hậu họ Dương,... (bởi) Linh Nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự, mới kêu với vua rằng: "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý người khác hưởng, thế thì sẽ để mẹ già vào đâu?" Vua bèn sai đem giam Dương Thái hậu và 72 người thị nữ vào cung Thượng Dương, rồi bức phải chết chôn theo lăng Thánh Tông... (còn) Thái sư [Lý Đạo Thành](#) lấy chức Tả gián nghị đại phu ra coi châu [Nghê An](#)".<sup>[8]</sup> Từ khi đó, vai trò của Lý Thường Kiệt ngày càng lên.*

### Làm Nhiếp chính lần thứ hai

Sau khi sát hại Thượng Dương Hoàng thái hậu, Ỗ Lan được tôn làm [Hoàng thái hậu nhiếp chính](#). [Lý Đạo Thành](#) vốn là người phụ chính Thượng Dương Thái hậu, Ỗ Lan cho là không nên dùng và biếm ông ra trấn thủ [Nghê An](#). Nhưng không lâu sau lại cho gọi về, ban chức *Thái phó bình chương quân quốc trọng sự* để cùng với Thái úy phụ chính là [Lý Thường Kiệt](#) điều hành đất nước.

Năm [1075](#), Thái úy Lý Thường Kiệt, sau khi cử gián điệp thu thập tin tức của Nhà Tống, đã tiến hành mang quân sang vây đánh **Khâm Châu và Liêm Châu** (thuộc tỉnh [Quảng Đông, Trung Quốc](#)). Phá tan kho lương thực và khí giới của Nhà Tống ở Ung Châu, giết hơn vạn dân và lui binh. Nhà Tống chấn động, tuy nhiên vẫn không từ bỏ ý định xâm lược Đại Việt.

Năm [1076](#), tướng [Quách Quỳ](#), một viên tướng dày dạn trận mạc cùng [Triệu Tiết](#) đem đại binh sang xâm lược Đại Việt. Mặc dù quân Tống rất mạnh song không thể vượt qua được phòng tuyến sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt. Ông đã cử [Lý Kế Nguyên](#) đánh bại đội quân thủy của quân Tống sang kết hợp với quân đánh bộ của Quách Quỳ. Quách Quỳ thiếu lương thực, chỉ mong đánh lớn một trận cho bỏ. Nhưng Lý Thường Kiệt án binh bất động không ra, vì ông đợi cho quân Quách Quỳ hết lương, dịch bệnh đeo bám.

Tháng 2 năm 1077, thủy quân Đại Việt tràn lên bờ, đánh chiếm núi Nham Biền rồi đổ bộ xuống quân Tống. Một cuộc giao tranh ác liệt diễn ra, Quách Quỳ, Triệu Tiết đem quân sang chống đỡ. Hai bên tiêu hao nặng. Nhưng Quách Quỳ, Triệu Tiết không hề biết rằng đó chỉ là nghi binh.

**Đêm ấy, lợi dụng quân Triệu Tiết mệt mỏi và không đề phòng, Lý Thường Kiệt vượt sông Như Nguyệt, đánh một trận khùng khiếp trong đêm. 5 vạn quân viễn chinh của Tống bị diệt trong đêm đó.**

Quách Quỳ từ 10 vạn còn lại hơn 3 vạn thoi thóp như cá nằm trên thớt. Sau đó, khi nhận được thư giảng hòa của Thái úy, Nhà Tống mừng như bắt được vàng và nhanh chóng rút quân.<sup>[9]</sup>

Sử sách không ghi rõ thời gian bà thôi [nhiếp chính](#) và trao lại quyền hành cho Nhân Tông. Phỏng theo sự kiện [Tuyên Từ Hoàng thái hậu Nhà Hậu Lê](#) khoảng 400 năm về sau, có lẽ thời gian nhiếp chính của bà cũng chỉ khoảng 10 năm, tức là đến khoảng năm [1085](#), hoặc có thể trễ hơn vài năm hoặc sớm hơn vài năm. Tuy nhiên, Ý Lan dù thế nào vẫn tiếp tục có ảnh hưởng lớn trong triều đình, ví dụ như vào năm [1103](#), Hoàng thái hậu đã phát tiền ở kho nội phủ để chuộc con gái do nhà nghèo bị bán ở đợ, đem họ mà gả cho những người đàn ông góa vợ. Bà còn đề xuất lệnh cấm trộm trâu và giết trâu bừa bãi.<sup>[4]</sup>

Vốn là người sùng [đạo Phật](#), và là "người tu tại gia",<sup>[10]</sup> về già, Hoàng thái hậu Ý Lan càng để tâm làm việc thiện, xây chùa và nghiên cứu về [đạo Phật](#). Tính đến năm ([1115](#)), bà đã cho xây cất 150 chùa, đền, trong đó có chùa Đại Dương Sùng Phúc Tự ở quê hương (Phú Thọ, [Gia Lâm](#)).<sup>[2]</sup>

### Vụ án Hồ Dâm Đàm

[Lê Văn Thịnh](#) là người đỗ đầu trong khoa thi đầu tiên của Nho học được triều đình tổ chức năm [1075](#), được bổ làm quan, dần trải đến chức [Thái sư](#). Năm [1084](#) ông thành công trong việc bàn nghị về việc cương giới với quan Nhà Tống, khiến nước này phải trả lại 6 huyện 3 động thuộc châu [Quảng Nguyên](#) cho Đại Việt. Trong vụ án "Hồ Dâm Đàm", ông bị phế truất chức vụ và bị đày đi Thao Giang (nay thuộc huyện Tam Nông, Phú Thọ). Khi được triều đình đại xá, ông trở về quê và mất năm [1096](#).

Vụ án trên, lâu nay người ta đã bàn nhiều. Có người nói vì ông bị nghi kỵ nên bị hạ bệ.<sup>[11]</sup> Có người nói ông là nạn nhân bởi *sự xung đột ý thức hệ giữa Phật giáo với Nho giáo*. [Phật giáo](#) được đề cao, được bảo trợ bởi Thái hậu Ý Lan. Còn [Nho giáo](#) được du nhập khá mới, sớm nhất vào đời Thánh Tông Hoàng đế nên bị hạn chế, mà Lê Văn Thịnh là người đứng đầu phái này.

### Qua đời

Năm [1117](#), Thái hậu qua đời, thọ 73 tuổi, [thụy hiệu](#) là **Linh Nhân Phù Thánh Hoàng thái hậu** (靈仁扶聖黃皇太后). Sau đó, triều đình làm lễ hỏa táng, chôn theo ba người hầu gái.<sup>[12]</sup>

[Mùa thu, tháng 8](#), cùng năm ấy, chôn Linh Nhân Hoàng thái hậu ở [Tho lăng](#), thuộc phủ [Thiên Đức](#) (nay là phường Đình Bảng, Từ Sơn, [Bắc Ninh](#)).<sup>[4]</sup>

Câu nói nổi tiếng[sửa | [sửa mã nguồn](#)]

Một lần vua [Lý Thánh Tông](#) hỏi Ý Lan về kế trị nước, Ý Lan tâu:

“  
*Muốn nước giàu dân mạnh, điều quan trọng là phải biết nghe lời can gián của đấng trung thần. Lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm. Thuốc đắng khó uống nhưng chữa được bệnh... Phải xem quyền hành là một thứ đáng sợ. Quyền lực và danh vọng thường làm thay đổi con người. Tự mình tu đức để giáo hóa dân thì sâu hơn mệnh lệnh. Dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật. Muốn nước mạnh hoàng đế phải nhân từ với muôn dân. Phàm xoay cái thế thiên hạ ở nhân chứ không phải ở bạo. Hội đủ những điều ấy, nước [Đại Việt](#) sẽ vô địch.*<sup>[13]</sup>  
”

— Ý Lan

Nghe xong Lý Thánh Tông rất phục.

---

## HỌC-THUYẾT CỦA KHỔNG-TỬ [ NGUYỄN NHỎ ]

[ Nguồn internet ]

### A. - HÌNH-NHI THƯỢNG- HỌC

Khổng-tử khảo-cứu những chế-độ và phong-tục thời cổ, ngẫm nghĩ những tư-tưởng của các bậc thánh hiền đời trước và suy-xét cái lẽ biến-hóa của trời đất, rồi đem những điều của Ngài đã tâm-đắc, lập thành một cái học-thuyết có tôn-chỉ rất cao, quán-triệt cả cái căn-nguyên của vạn vật và các lẽ sinh-hóa ở trong vũ-trụ, cả tâm tính và sự hành-động của người ta. Cái học-thuyết ấy thành ra một môn *nhân-sinh triết-học* rất cao, rất rộng, có thể thi-hành ra đời nào và ở xứ nào cũng được. Ngài đem cái học-thuyết ấy truyền-thụ cho học-trò. Học-trò Ngài ai học được điều gì, hay ghi nhớ được những lời Ngài đã giảng-dụ, đem làm ra các sách để truyền cho hậu-thế.

Nay ta xem kỹ các Kinh Truyện, có thể biết rõ các manh-mối cái học-thuyết ấy là thế nào và có thể chia ra làm hai phần: một phần là *hình-nhi-thượng-học* tức là cái học thuộc về những lẽ vô hình, rất uyên-áo cao-viễn; một phần là *hình-nhi-hạ-học* tức là cái học thuộc về những điều quan-hệ đến nhân-sinh nhật dụng của người đời.

Phần hình-nhi-thượng-học của Khổng-tử có nhiều điều nói rõ ở trong kinh Dịch, là sách để làm căn-bản cho sự lý-học của Nho-giáo và trong sách Trung-dụng là sách triết-học bàn về thiên đạo và nhân đạo rất sâu xa.

Nay ta chia phần ấy ra những mục như sau này:

#### I. — Quan-niệm về Trời và người: Thái-cực và sự biến-hóa của Thiên lý

Người và sự tri-giác — Trung — Sinh — Nhân — Thiên mệnh — Qui-thần — Kính và thành — Sinh tử.

#### II. — Đạo của Khổng-tử — Cái vui trong sự sinh-hoạt.

### I. — QUAN-NIỆM VỀ TRỜI VÀ NGƯỜI

**Thái-cực và sự biến-hóa của thiên lý** — Phạm đã là triết-học cao xa, thì tất phải có cái quan-niệm về các nguyên-lý và các nguyên-nhân của sự sinh-hóa trong vũ-trụ. Khổng-tử là một bậc thượng-trí, Ngài nghĩ-ngợi mà suy xét mọi việc rồi phát-minh ra cái học-thuyết, chủ lấy sự theo thiên lý làm căn-bản. Ngài cho là trời đất và vạn vật đều có cái lý ấy cả, tất là cùng đồng một thể, cho nên Ngài mới lấy cái chủ-nghĩa *thiên địa vạn vật nhất thể* làm thống-hệ cho cái học-thuyết của mình. Cái lý nhất-thể ấy lưu-hành khắp trong vũ-trụ, theo cái lẽ tương đối, tương điều-hòa mà sinh sinh hóa hóa. Vậy cái lý ấy là cái nguyên-nhân của sự sinh-hóa trong vũ-trụ.

Thoạt đầu tiên vũ-trụ ra thế nào? Cứ như những ý-tưởng của người đời xưa, thì lúc đầu vũ-trụ chỉ là một khối mờ-mịt hỗn-độn, tức là đời *hộn-mang*. Trong cuộc hỗn-mang ấy có cái lý vô-

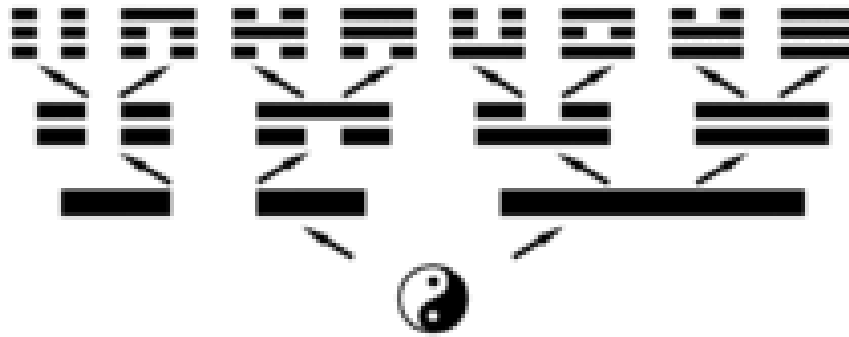
hình, rất linh-diệu, rất cường-kiên, gọi là *Thái-cực*. Song Thái-cực huyền-bí vô cùng, không thể biết được cái bản-thể của lý ấy là thể nào. Ta tuy không thể biết được rõ cái chân tính và cái chân tướng của lý ấy, song ta có thể xem sự biến-hóa của vạn vật mà biết được cái động-thể của lý ấy. Cái động-thể của lý ấy phát hiện ra bởi hai cái thể khác nhau là động và tĩnh. Động là *dwang*, tĩnh là *âm*. Dương lên đến cực độ lại biến ra âm, âm lên đến cực độ lại biến ra dương, hai thể ấy cứ theo liền nhau, rồi tương đối, tương điều-hòa với nhau để biến hóa mà sinh ra trời đất và vạn vật.

Vậy cái khởi-điểm của tạo-hóa là do hai cái tương-đối *âm* và *dwang*, mà đạo trời đất cũng khởi đầu bởi sự biến hóa của hai cái tương-đối ấy. Trước hai cái tương-đối ấy, thì đâu có gì cũng như không, vì không sao mà biết được. Khi hai cái tương-đối ấy đã phát-hiện ra, thì cái gì cũng hiển-nhiên, không thể nói là không có được.

Đó là cái lý-tượng cốt-yếu ở trong kinh Dịch, cho nên mới nói rằng:

« **Dịch hữu Thái-cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái**

易有太極，是生兩儀，兩儀生四象，四象生八卦：



**Thái cực = Thái Âm / Thiếu Âm . Thái Dương / Thiếu Dương**  
**Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài**

Đạo Dịch có **Thái-cực**, Thái-cực sinh ra **hai Nghi**, ( **Lưỡng nghi** ) hai nghi sinh ra **bốn Tượng (Tứ tượng)**, bốn Tượng sinh ra **Tám quái**. ( **Bát quái** ) » (*Dịch: Hệ-từ thượng*). Không-tử tin có lý Thái-cực độc-nhất, tuyệt-đối, nhưng vì lý ấy cao diệu quá, không thể biết được, cho nên cái học-thuyết của Ngài để cái bản-thể của lý Thái-cực ra ngoài cái phạm-vi tri-thức của người ta mà chủ lấy cái động-thể của lý ấy làm tôn-chỉ. Vậy xét cái động-thể của lý Thái-cực để biết sự biến-hóa của trời đất và vạn vật, tức là cái tôn-chỉ Dịch-học.

Dịch là gì? Dịch là biến-đổi. Trong trời đất không có cái gì là không biến-đổi luôn. Đó là cái quan-niệm rất trọng-yếu của Không-giáo. Một hôm Phu-tử đứng trên bờ sông, ngắm dòng nước chảy mà than rằng:

« **Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ**

逝者如斯夫，不舍晝夜：

Đêm ngày cứ chảy luôn-luôn như thế mãi! » (*Luận-ngữ: Tử-hãn, IX*).

Ý Phu-tử nói cái đạo của Trời Đất cứ lưu-hành như nước chảy, không lúc nào nghỉ: cái vừa mới có, đã thành ra cái quá-khứ rồi, liên-tiếp nhau mãi mãi, chứ không có cái gì đã thành ra mà lại không biến đổi đi. Cái ý-nghĩa ấy chính là cái ý-nghĩa chữ **Dịch** vậy.

Phàm đã nói biến-đổi, thì cái đơn-nhất, cái tuyệt-đôi không biến đổi được, tất phải có hai cái tương-đối, tương điều-hòa, thì mới sinh sinh hóa hóa được. Hai cái tương-đối ấy là hai cái khác nhau, như **sự Động, sự Tĩnh, cái Cứng, cái Mềm**, tức là **Âm với Dương**.

Hai cái ấy đùn đẩy nhau, điều-hòa với nhau mà biến hóa ra thiên hình vạn trạng, cho nên mới nói rằng: «

### ***Cương / Nhu tương thôi nhi sinh biến hóa***

**剛柔相推而生變化:**

Cứng mềm đùn đẩy nhau mà sinh ra biến hóa. » (*Dịch: Hệ-từ thượng*).

Theo cái lý-tưởng ấy thì đạo trời đất khởi đầu rất giản-dị. Do cái giản-dị mà thành ra những cái phức-tạp. Tức như là trong kinh Dịch chỉ cốt có hai cái vạch: cái vạch liền - và cái vạch đứt

-- là hai cái phù-hiệu Dương và Âm.

Lấy hai vạch ấy thay đổi nhau thành ra tám Quẻ, tám Quẻ ( Đơn ) lại thành ra 64 Quẻ ( kép ), v. v.

Càng biến, lại càng thêm phức-tạp ra mãi, khác nào như âm dương sinh ra vạn vật, vạn vật lại sinh sinh hóa hóa ra vô cùng vô tận.

Song vạn vật dầu nhiều thế nào mặc lòng, cái căn-nguyên cũng chỉ có Âm và Dương mà thôi. Hiểu được lẽ âm và dương ấy, tất là hiểu được cả vạn vật; biết được cái lẽ giản-dị ấy, thì biết được cái lý của thiên-hạ:

### **« Dị / Giản nhi thiên-hạ chi Lý đắc hĩ**

**易簡而天下之理得矣. »**

**(*Dịch: Hệ từ thượng*).**

Âm dương thuộc về phần hình-nhi-thượng, tức là không phải vật có hình, chẳng qua là cái phù-hiệu hai cái tương-đối mà thôi. Đạo trời đất phải có tương-đối, thì mới biến hóa vô cùng, không bao giờ nghỉ, cho nên vạn vật trong vũ-trụ chỉ có biến chứ không có định. Vậy cái học-thuyết của Khổng-tử cốt ở đạo Dịch, mà đạo Dịch là đạo biến hóa của trời đất:

***Dịch chi vi thư giả, bất khả viễn, vi đạo giả lữ thiên, biến động bất cư, chu lưu lục hư, thượng hạ vô thường, cương nhu tương dịch, bất khả vi diễn yếu, duy biến sở thích***

**易之爲書也, 不可遠, *Dịch chi vi thư giả bất khả viễn***

**爲道也屢遷, 變動不居 *Vi đạo giả lữ thiên. biến động bất cư***

**周流六虛, 上下無常, *Chu lưu lục hư, thượng hạ vô thường,***

**剛柔相易, 不可爲典要 *Cương nhu tương dịch, bất khả vi diễn yếu,***

**惟變所適: *duy biến sở thích***

Dịch là sách không xa sự thực, mà đạo Dịch là biến đổi luôn-luôn, không ở nhất-định chỗ nào, lưu-chuyển khắp cả sáu cõi, trên dưới không có thường, cương nhu thay đổi nhau, không nên lấy làm điển-yếu, chỉ thích-hợp với sự biến đổi mà thôi. » (Dịch: Hệ-từ hạ)

**Biến-hóa là cái Tượng của sự tiến thoái: « *Biến-hóa giả, tiến thoái chi tượng giả***

**變化者進退之象也. »**

**(Dịch: Hệ-từ thượng).**

Phàm sự vật phải có biến thì mới tiến, không biến tức là đình, mà đình là thoái. Đạo Trời là không có đình, vì cứ hết cái qua, thì có cái lại, qua qua lại lại không cùng. Đó là sự hành-động của thần. Vậy nên Khổng-tử nói rằng:

**« *Tri biến-hóa chi đạo giả, kỳ tri Thần chi sở vi hồ***

**知變化之道者, 其知神之所爲乎:**

Ai biết đạo biến hóa thì có lẽ biết sự làm của Thần. » (Dịch: Hệ-từ thượng)

Sự biến-hóa của Trời như sự mở sự đóng, mà đạo Trời là cứ qua lại mãi:

**« *Nhất Hạp nhất Tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi Đạo***

**一闔一闢謂之變, 往來不窮謂之道:**

**Một mở một đóng gọi là biến, qua lại không cùng gọi là đạo. »**

(Dịch: Hệ-từ thượng).

Đạo Trời chỉ có thể mà thôi, ngoài sự biến-hóa vãng lai ra thì không sao biết được nữa.

Cho nên mới nói rằng:

**« *Quá thử dĩ vãng, vị chi hoặc tri giả; cùng thần tri hóa, đức chi thịnh giả***

**過此以往, 未之或知也: 窮神知化德之盛也**

:

Qua ngoài điều ấy thì chưa dễ ai biết được; hiểu đến cùng cái thần, biết rõ lẽ biến-hóa, là cái đức thịnh vậy. » (Hệ-từ hạ).

Xét cho đến cái Thần. hiểu rõ lẽ biến-hóa của Trời Đất, ấy là việc của thánh-nhân dạy người ta vậy.

**Người và sự tri-giác.**

Cái lẽ sinh-hóa của trời đất và vạn vật là thể. Song người ta có cái địa-vị rất lớn trong vạn vật, cho nên ta phải biết người là thể nào và tại làm sao người lại có cái địa-vị ấy. Cứ theo cái học của Nho-giáo thì:

**« *Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đức, Âm / Dương chi giao, Quỷ / Thần chi hội, Ngũ hành chi tú khí giả***

人者其天地之德，陰陽之交，鬼神之會，五行之秀氣也：

Người là cái Đức của Trời Đất, sự giao-hợp của Âm Dương, sự tụ-hội của Quỷ Thần, cái khí tinh-tú của Ngũ-hành. » (*Lễ-ký: Lễ-vận, IX*).

Trời Đất sinh ra người lại phú cho cái Tính rất quý, tức là người chịu **cái Đức của Trời Đất**. Người lại **bẩm-thụ được hoàn-toàn cả cái tinh-thần Linh-diệu và cái khí-chất Tinh-tú**, cho nên mới nói là **Linh hơn cả vạn vật**.

**Nhờ có cái Tinh-thần và cái khí-chất ấy người ta mới có cái sáng-suốt để hiểu hết các sự vật.**

Cái sáng-suốt ấy là cái tính rất quý của người ta. Nhờ có nó người ta mới hiểu được điều phải điều trái, việc hay việc dở, nhờ có nó người ta mới có cái giá-trị rất cao và cùng với trời đất mà chiếm được cái địa-vị tôn quý trong vũ-trụ.

Bởi vậy hậu Nho gọi Người và Trời Đất là *Tam tài* 三才.

Nếu không có cái sáng-suốt ấy, thì ta cũng giống như các vật khác, cứ sinh sinh hóa hóa mà vẫn cứ mờ mờ mịt mịt, không biết có nghĩa lý gì nữa cả.

Cái sáng-suốt tự-nhiên có sẵn trong người ta là *minh-đức* 明德 hay là *ương-tri* 良知, có thể gọi là *trực-giác* 直覺, tức là **cái khiêu tri-giác rất mãn-tiếp**, xem xét cái gì có thể đạt ngay đến cái tinh-thần và cái chân-lý của các sự-vật. Cái khiêu tri-giác ấy do ở trong Tâm người ta. **Chữ Tâm của Nho-giáo phải hiểu nghĩa rộng là cái Thần minh làm chủ-tể cả sự tư-tưởng cùng sự hành-vi của người ta.**

Hễ ta giữ được cái **Tâm hư-tĩnh**, không để cho cái vật-dục che tối mất cái sáng-suốt tự-nhiên, thì khi có vật gì cảm đến là ứng ngay được, và biết rõ ngay các lẽ.

**Tâm người ta mà tĩnh bao nhiêu, thì cái trực-giác lại càng mãn-nhuệ bấy nhiêu.**

Bởi thế mới nói rằng:

« *Vô tư giả, vô vi giả, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên-hạ chi cố*

無思也，無爲也，寂然不動，感而遂通天下之故：

Không nghĩ, không làm, im lặng không động, đến lúc cảm thì suốt được mọi cố trong thiên-hạ. » (*Dịch: Hệ-từ thượng*).

Sự cảm ứng tự-nhiên thì bao giờ cũng công-chính phổ-cập vạn sự trong thiên-hạ không thiên tư gì cả. Nếu người ta không hiểu lẽ ấy, mà cứ dùng tư-tâm tư-ý để cầu lấy sự cảm-ứng riêng của mình, thì không sao suốt được đến cái lẽ trong thiên-hạ.

Bởi vậy kinh *Dịch* nói rằng:

« *Đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư* 憧憧往來朋從爾思：

Chăm chăm để ý có Đi có Lại, thì chỉ có một bọn theo cái nghĩ của người mà cảm ứng thôi. » (*Dịch: Hạ-kinh, Hàm*).

Khi mình chăm chăm để ý nghĩ riêng về cái gì, thì chỉ cảm được cái ấy và chỉ có cái ấy ứng lại mà thôi, còn những cái khác không cảm ứng gì cả.

**Thành thử sự cảm-ứng không khuếch-nhiên thái-công, không khắp cả vạn sự trong thế-gian.**

**Phàm khi đã lấy tư-Tâm tư-Ý chú về việc lợi hại, hơn thiệt riêng, thì cái Trục-giác mờ tối đi, khiến mình không trông thấy rõ cái Thiên lý lưu-hành ở trong thiên-hạ nữa.**

Thiên lý tuy biến hóa chia ra trăm đường nghìn lối, nhưng rút lại cũng chỉ thuộc về một mối mà thôi. Hễ người ta biết rõ như thế, thì còn phải lo nghĩ gì nữa. Cho nên Khổng-tử nói rằng:

« *Thiên-hạ hà tư hà lự?* 天下何思何慮?

*Thiên-hạ đồng qui nhi thù đồ,* 天下同歸而殊塗

*Nhất trí nhi bách lự.* 一致而百慮

*Thiên-hạ hà tư hà lự?* 天下何思何慮: Thiên-hạ có lo gì nghĩ gì?

Thiên-hạ tuy có nhiều đường khác nhau, nhưng cũng về một chỗ, trăm lo nhưng cùng về một mối. Thiên-hạ có lo gì nghĩ gì? » (*Dịch: Hệ-từ hạ*),

Ý Khổng-tử không phải là nói người ta không nên lo nghĩ, nhưng chỉ cốt dạy người ta không nên chăm chăm chỉ lo nghĩ về một góc, một việc, để làm cho sự cảm-ứng thành ra riêng-tây, hẹp-hòi, không khuếch-nhiên thông cả được mọi việc.

Trời sinh ra người và lại phú cho cái tính sáng-suốt thì Đạo người là phải cố gắng theo Đạo Trời mà tiến-hóa cho đến chí-Thiện, chí-Mỹ.

Trong sự cố gắng như thế tất là phải lo nghĩ luôn, nhưng cái lo nghĩ theo lẽ tự-nhiên rất công, rất chính, chứ không « *đồng đồng vãng lai* » để làm hẹp mắt sự cảm-ứng của người ta.

Cái học của Khổng-tử là cốt khiến người ta gắng hết sức, đem cái sáng-suốt tự-nhiên mà hiểu cho rõ cái nghĩa tinh-vi, vào cho đến cái thần-diệu của các sự vật, thì sự biết mới thật là xác-thực và việc làm mới thật là hay. Bởi vậy, kinh *Dịch* nói rằng:

« *Tinh nghĩa nhập thần dĩ trí dụng giả*

精義入神 以致用也:

Hiểu rõ nghĩa tinh-vi, vào đến chỗ thần-diệu, để sự thi-dụng cho được đến cùng vậy. » (*Hệ-từ hạ*).

**Xem như thế, dùng Trục-giác là việc rất khó, phải khiến cái Tinh-thần của mình vào đến cái Tinh-thần của sự vật, phải do ở Trong mà ra Ngoài, phải dụng Lực rất nhiều và phải cố gắng hết sức, thì mới có công-hiệu.**

Khi sự biết của người ta vào được sâu xa như thế, thì ta hiểu rằng ở trong thế-gian tuy có trăm giòng nghìn mối, nhưng thiên lý chỉ có một mà thôi, cho nên dầu vạn vật phồn-tạp thế nào mặc lòng, manh-mối vẫn phân-minh, không rối loạn chút nào.

Bởi vậy kinh *Dịch* nói rằng:

« *Ngôn thiên-hạ chi chí trách nhi bất khả ố giả, ngôn thiên-hạ chi chí động nhi bất khả loạn giả*

言天下之至蹟而不可惡也, 言天下之至動而不可亂也:



Nói cái cuộc rất phồn-tạp của Thiên-hạ mà không ghét, nói cái cuộc Chí-động của Thiên-hạ mà không loạn. » (*Hệ-từ thượng*).

**Trung.** — Đạo trời đất là cứ biến-hóa luôn luôn, mà trong sự biến-hóa lúc nào cũng có điều-hòa, có bình-hành, tức là có cái *trung* 中 vậy.

**Trung bao giờ cũng hàm cái ý hòa 和, vì có Hòa mới Trung được, mà đã Trung là tất có Hòa.** Trung là cái thể rất hoàn-toàn của sự bình-hành. Trời đất và vạn vật có cái trung mới đứng được và có cái hòa mới hóa-dục được. Cho nên nói rằng:

« *Trung giả giả, thiên-hạ chi đại bản giả;*

*Hòa giả giả, thiên-hạ chi đạt đạo giả.*

*Trí trung hòa, Thiên-Địa vị yên, vạn-vật dục yên*

中也者, 天下之大本也;

和也者, 天下之達道也.

致中和, 天地位焉, 萬物育焉:

Trung là cái gốc lớn của thiên-hạ, hòa là cái đạt-đạo của thiên-hạ. Cùng-cực cả trung và hòa, thì trời đất định vị, vạn vật hóa dục. » (*Trung-dụng*).

Trung đã là cái gốc của Trời Đất, thì người ta sinh ra tất là ai cũng bám-thụ cái trung để làm tính thường. Thiên *Thang-cáo* trong kinh *Thư* nói rằng:

« *Duy Hoàng Thượng-đế, giáng trung vu hạ dân, nhược hữu hằng tính*

惟皇上帝, 降衷于下民, 若有恆性:

Hoàng Thượng-đế giáng cái Trung xuống cho hạ dân, dân có cái Trung ấy như có Tính thường. »

Trung có **thể** 體 và có **dụng** 用.

**Thể** là một cái **thái-độ ngay chính**, lúc nào cũng không nghiêng không lệch, mà lại có cái sáng-suốt biết rõ sự thực.

**Dụng** là thi-hành ra thì **làm việc gì cũng không thái-quá, không bất-cập.**

Theo được đạo Trung thật là rất khó, học-giả phải giữ cái Tâm của mình cho tinh-thuần và chuyên-nhất, thì mới có thể theo đúng được. Bởi vậy cái học của Thánh-nhân đời cổ thụ thụ cho nhau, chỉ cốt ở mấy điều là:

« *Nhân Tâm duy nguy, đạo âm duy vi; duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung*

人心惟危, 道心惟微; 惟精, 惟一, 允執厥中:

Cái tâm của người thì nguy, cái tâm của đạo thì vi; phải giữ cái tâm của mình cho tinh-thuần và chuyên-nhất, thì mới giữ được cái trung. » (*Thư: Đại-Vũ mô*).

**Nhân Tâm** nghĩa là cái phần sáng-suốt riêng của người ta, tuy là một phần thiên lý, tức là một phần **Đạo Tâm**, nhưng thường hay bị vật dục làm tê-tắc, hơi sai một ly là chéch lệch ngay, cho nên mới nói là *nguy*.

Đạo tâm nghĩa là phần sáng-suốt trong vũ-trụ, thuận-nhiên là thiên lý, song nó vô thanh vô khứu, ta giữ được hay không là ở ta mà thôi, chứ không thể làm cho tỏ rõ ra được, cho nên mới nói là *vi*.

**Ta biết cái Tâm của ta là nguy, hễ sai một hào một ly là mất cái Trung rồi, cho nên ta phải lo sợ, phải cố hết sức mà giữ cho nó không chéch-lệch.**

**Ta lại biết cái Đạo Tâm là vi, cho nên ta phải duy Tinh, duy Nhất, để biết cho rõ cái Đạo Tâm, thì rồi mới giữ được cái Trung.**

Giữ Đạo Trung khó như thế, vậy nên kẻ học-giả phải cố gắng hết sức, **lúc nào cũng giữ cái Tâm mình cho công chính, đừng để cái tư-dục làm tê-tắc**, thì mới biết cái thuận-túy của Thiên lý. Biết cái **Thiên lý thuận-túy** ấy rồi tin mà theo, thì mới chấp được Trung.

Khi đã theo cái Thiên lý thuận-túy, tất là lấy Đạo Tâm làm Chủ, bắt nhân Tâm phải phục-tòng mệnh lệnh, thì Nguy hóa ra Yên, Vi hóa ra Hiển, tự-khắc làm điều gì cũng đắc kỳ Trung, không thái-quá, không bất-cập.

**Trung là cái yếu-điểm của Khổng-giáo.** Hễ người ta giữ được cái Trung, thì sự hành-vi động-tác của mình mới điều-hòa và mới trúng Tiết. Nhưng phải biết rằng cái **Trung của Nho-giáo không bao giờ có cái định-vị tuyệt-đối, cứ phải tùy cái địa-vị, cái cảnh-ngộ mà tìm cái Trung.**

Xem như quẻ Kiền trong kinh Dịch có sáu hào Dương cả, mỗi hào ở vào địa-vị nào, thì lại có một cái Trung riêng, như hào Sơ cửu là hào ở dưới cùng, thì nói rằng:

« *Tiềm long vật dụng* 潛龍勿用:

Rồng còn đang chìm ở dưới nước, thì không nên làm việc gì. » Vậy ở hào này thì lấy chữ *vật dụng* 勿用 làm Trung.

Hào trên là hào cửu nhị thì nói:

« *Hiện long tại điền, lợi kiến đại-nhân* 見龍在田，利見大人:

Rồng đã hiện lên trên mặt đất, thì nên ra mà thi-hành mọi việc. »

Vậy ở hào này thì lấy chữ *Kiến* 見 làm Trung.

Lên trên nữa, đến hào Cửu tam, Cửu tứ, ừ ngũ, Thượng cửu, mỗi hào tùy cái địa-vị ở trong quẻ mà có một cái Trung riêng.

Vậy theo cái trung là theo Thiên lý mà lưu-hành, mà biến-hóa cho được điều-hòa. Bởi thế Khổng-tử nói rằng:

« *Quân-tử thời Trung* 君子時中心

nghĩa là người quân-tử xử-kỷ tiếp-vật lúc nào cũng phải tùy thời mà giữ cho vừa phải và chính đáng.

**Sinh.** — Đạo trời đất theo cái Trung mà biến-hóa luôn, làm cho mỗi ngày một mới hơn, một tốt hơn, đó là cái thịnh-đức của trời đất:

« *Nhật tân chi vị thịnh đức* 日新之謂盛德 » (Dịch: *Hệ-từ thượng*).

Sự biến-hóa ấy do một Âm một Dương sinh sinh hóa hóa ra mãi, theo Đạo ấy mà đi là **Thiện**, thành được đạo ấy là **Tính**. Chỉ có kẻ **nhân-giả** trông thấy cái đạo ấy, cho nên gọi là **Nhân**, kẻ **trí-giả** trông thấy cái đạo ấy, cho nên gọi là **Trí**, còn trăm họ thì tuy ngày ngày vẫn theo đạo ấy mà vẫn mờ-mịt không biết, vì vậy cho nên cái đạo của người quân-tử ít có vậy:

« *Nhất âm nhất dương chi vị Đạo*, 一陰一陽之謂道

*kế chi giả Thiện giả, Thành chi giả Tính giả, 繼之者善也, 成之者性也*

*Nhân giả kiến chi vị chi Nhân*, 仁者見之謂之仁

*Trí giả kiến chi vị chi Trí*, 知者見之謂之知

*Bách tính nhật dụng nhi bất Tri*, 百姓日用而不知

*cổ Quân-tử chi Đạo tiến kỹ* 故君子之道鮮矣 »

(Dịch: *Hệ-từ thượng*).

Một Âm một Dương biến-hóa mà sinh ra vạn vật, mà Dịch là để biểu-thị cái Đạo ấy, cho nên mới nói rằng: « *Sinh sinh chi vị Dịch*.

*生生之謂易: Sinh sinh ra mãi gọi là Dịch* » (Hệ-từ thượng).

Sự sinh-hóa của Trời Đất khởi đầu do Âm / Dương, Cơ / Ngẫu. Phàm cái gì Lẻ một là không sinh được. Phải có cái **Chẵn đôi** để tương đối, tương điều-hòa với nhau, thì mới có sự sinh sinh. Vạn vật sinh sinh đều do ở cái gốc tương-đối ấy. **Cơ** 奇 là **Lẻ**, **ngẫu** 偶 là **Chẵn**.

**Một cái cơ lại phải tìm một cái cơ khác để thành ra ngẫu, thì mới sinh được.** Trong số ba có một ngẫu và một cơ, vậy cơ là thừa. **Cái cơ ấy đi gặp cái cơ khác thành ra ngẫu, lại điều-hòa mà sinh sinh.** Thánh-nhân muốn bày tỏ cái ý ấy ra, cho nên mới nói ở hào lục tam quẻ Tốn rằng:

« *Tam nhân hành, tắc tổn nhất nhân, nhất nhân hành, tắc đắc kỳ hữu*

三人行, 則損一人, 一人行, 則得其友:

Ba người đi, thì bỏ một người, một người đi thì gặp được bạn. » Sự sinh hóa của Trời Đất chỉ có một cái lẽ Cơ / Ngẫu ấy mà thôi. Văn đời cổ thường ít có những trừu-tượng danh-từ cho nên hay dùng những cụ-thể danh-từ để nói những điều cao siêu. Như câu này nói số người đi, để tỏ cái lẽ Cơ Ngẫu tương phân tương hợp tự-nhiên trong sự sinh hóa. Cái lý-thuyết ấy chắc là do sự thực-nghiệm mà suy ra, nên chi Không-Tử thích nghĩa hào Lục Tam ấy, nói rõ trong thiên *Hệ-từ hạ* rằng:

« *Thiên địa Nhân huân, vạn vật hóa thuần*, 天地網緼, 萬物化醇

*Nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh* 男女構精, 萬物化生:

Khí trời đất nghi-ngút, trên dưới giao hợp, vạn vật bởi cái khí tinh-thuần ấy mà hóa ra, rồi giống đực giống cái giao-cấu với nhau mà sinh mãi. »

Nghĩa chữ *thuần* là nói giống nào đã sinh ra là cứ tự-nhiên theo giống ấy mà sinh mãi mãi. Vậy vạn vật sở dĩ có, là nhờ có sự sinh của trời đất. Cho nên nói rằng:

« *Thiên Địa chi đại Đức viết Sinh*

天地之大德曰生:

**Đức lớn của Trời Đất là sự Sinh.** » (*Hệ-từ hạ*).

Xem đó thì biết là cái Đạo của Không-tử cốt lấy sự sinh làm trọng hơn cả. Ngài cho sự sinh của vạn vật là theo lẽ tự-nhiên. Ta có thể ngắm cảnh tạo-hóa trong vũ-trụ, chỗ nào cũng thấy đầy những sinh-ý và xuân-khí thì biết cái đức của Trời lớn rộng là dường nào!

Không-tử lấy bốn cái Đức của Trời:

*Nguyên 元, Hanh 亨, Lợi 利, Trinh 貞,*

ở quẻ Kiền mà nói rõ sự sinh thành của vạn vật. Ngài nói rằng:

« **NGUYÊN** *giả thiện chi trưởng giả*, 元者善之長也 Nguyên là **Đầu** các điều **Thiện**

**HANH** *giả gia chi hội giả*, 亨者嘉之會也, Hanh là **Hội hợp** các cái **Tốt đẹp**,

**LỢI** *giả nghĩa chi hòa giả*, 利者義之和也 lợi là sự **Hòa hợp** với điều **Nghĩa**

**TRINH** *giả sự chi cán giả* 貞者事之幹也: Trinh là cái **Gốc của mọi sự**.

(*Dịch: Văn-ngôn-truyện*).

Cái Đức **Nguyên** là cái **khởi đầu** sự sinh vạn vật,

Cái đức **Hanh** là **sự thông-đạt** của sự sinh vạn vật,

Cái đức **Lợi** là **sự thỏa-thích** của sự sinh vạn vật,

Cái đức **Trinh** là **sự thành-tựu** của sự sinh vạn vật.

**Vậy đạo Trời Đất là Chủ sự sinh vạn vật, mà sự sinh ấy là đầu cả các điều Thiện.**

**Đó là cái quan-niệm rất trọng-yếu của Không-giáo.**

Mà Không-giáo sở dĩ không giống các tôn-giáo khác cũng chỉ có cái quan-niệm ấy mà thôi. Thường thì tôn-giáo nào cũng cho sự sống là một cảnh khổ, cho nên cứ phải tìm cách giải-thoát, như

**Phật-giáo** thì cầu lấy sự « **bất sinh** »,

**Lão-giáo** thì cầu lấy sự « **Vô vi tịch-mịch** » không thích gì đến sự **Dời**.

**Duy chỉ có Không-giáo** là lấy lẽ **Sinh-hoạt** ở đời làm vui thú, **hợp** với lẽ **Trời Đất**.

Không-giáo cho sự **sinh-hoạt** tự nó là cái **mục-đích** của **Tạo-hóa**, không cần phải hỏi **rằng:**

**Sinh ra để làm gì,**

**Hay là chết thì đi đâu.**

**Lẽ Trời Đất chỉ có Âm Dương biến-hóa mà thôi, tinh-khí tụ lại là Sinh, tan ra là Tử, cứ tự-nhiên lưu-hành như thế mãi, vạn vật đều theo cả cái lệ ấy, không lẽ nào người ta lại ra ngoài cái lệ ấy được.**

**Người là một phần trong vạn vật, cho nên phải theo lẽ Trời mà biến-hóa, nhưng chỉ có phần Vật-chất là phải biến-hóa mà thôi, còn phần Tinh-thần là của Trời phú cho, thì bao giờ cũng có cái Tư-cách độc-lập và cái Năng-lực Tự-do để cố gắng mà tiến lên cho đến chí-Thiện, chí-Mỹ.**

Nếu ta biết dụng công-phu mà sáng-tạo ra những sự-vật có tinh-thần mạnh-mẽ, có khí-lực linh-hoạt, tức là ta theo đạo trời đất mà sinh sinh. Thí-dụ: Nhà triết-học phát huy ra cái tư-tưởng cao-xa, nhà văn-chương làm ra quyển sách kiệt-tác, nhà mỹ-thuật chế ra pho tượng rất đẹp, hay là nhà khoa-học tìm ra cái cơ-khí rất diệu, đều là hợp với cái đức sinh của trời đất cả.

Vậy hợp với cái đức sinh là thiện, trái với cái đức sinh là ác. Cái quan-niệm về sự thiện sự ác của Không-giáo gốc ở sự sinh.

Sự sinh là phần rất linh-hoạt trong Không-giáo. Bởi có phần ấy cho nên những điều nhân nghĩa lễ trí mới có tinh-thần, vì những điều ấy chủ ở sự gây thành cái sinh thú của nhân-loại. Nếu người ta sống ở đời mà chỉ tùy-tùng cái vật-dục, để nó sai khiến, rồi chỉ cầu lấy tư-tâm tư-trí mà sinh sự ra để làm nhiều-loạn nhân tâm, thì thật là làm hại cái sinh cơ của tạo-hóa. Vậy nên cái tôn-chỉ của Không-giáo là theo thiên lý mà bồi bổ cho sự sinh của trời đất. Sự bồi bổ đó gốc ở đạo nhân là cái cơ-sở giáo-hóa của Không-giáo.

**Nhân.** — Theo cái lý-thuyết đã nói ở trên, cho cái đức lớn của trời đất là sự sinh, thì đạo người là phải theo đạo trời đất mà bồi dưỡng sự sinh. Đạo trời có bốn đức là: *Nguyên, hanh, lợi, trinh*; đạo người bởi đó mà có bốn đức là: *Nhân, nghĩa, lễ, trí*. Nguyên tức là nhân đứng đầu các điều thiện; hanh tức là lễ, hội hợp các cái đẹp; lợi tức là nghĩa, định rõ các phạm cho điều-hòa; trinh tức là trí, giữ vững cái chính để làm gốc mọi sự. Bởi vậy Không-tử nói rằng:

**« Quân-tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hòa nghĩa, trinh cố túc dĩ cán sự**

**君子體仁足以長人，嘉會足以合禮，利物足以和義，貞故足以幹事：**

Quân-tử lấy Nhân làm thể là đủ làm trưởng thành cho người, hợp các cái tốt đẹp là đủ làm cho hợp lễ, Lợi cho vạn vật là đủ làm hòa cái Nghĩa, biết cái Trinh chính mà cố giữ là đủ làm gốc cho mọi sự. » (*Dịch: Văn-ngôn truyện*).

**Vậy nhân là đầu các điều thiện, chủ bồi dưỡng sự sinh của Trời Đất.**

Chữ Nhân 仁 có chữ *nhân* 人 và chữ *nhị* 二 hợp lại là một chữ hội ý, nghĩa là nói cái Thể và cái Đức chung của mọi người đều có với nhau như một. Bởi vậy hiểu rõ nghĩa chữ *Nhân*, thì hiểu rõ cái **tôn-chỉ nhất-thể** của Không-giáo.

Thể nào là Nhân? Các đệ-tử hỏi Không-tử, thì Ngài tùy cái học lực, cái tư-cách của từng người mà trả lời với mỗi người một khác.

**Nhan-tử** hỏi nhân. Ngài nói rằng: « *Khắc kỷ phục lễ vi nhân* 克己復禮為仁: Sửa mình trở lại theo Lễ là Nhân. » (*Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII*). Theo lễ là theo Thiên lý, bỏ hết Tư dục.—

**Phàn-Trì** hỏi Nhân, Ngài nói rằng: « *Ái nhân* 愛人: Yêu người. »—

**Trọng-Cung** hỏi Nhân, Ngài nói rằng:

« *Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế, kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*

出門如見大賓，使民如承大祭，己所不欲，勿施於人：

Ra cửa phải như đi tiếp khách lớn, Trị dân phải như đi làm Lễ tế lớn, điều gì mình không muốn ai làm cho mình, thì không nên làm cho ai. » (*Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII*).— \

**Tử-Trương** hỏi Nhân, Ngài nói rằng:

« *Năng hành ngũ giả ư thiên-hạ vi nhân hỹ. Viêt cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhiệm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc túc dĩ sử nhân*

能行五者於天下爲仁矣。曰恭。寬，信，敏，惠。恭則不侮，寬則得眾，信則人任焉，敏則有功，惠則足以使人：

**Có thể làm được năm điều ở trong thiên-hạ là Nhân vậy.**

Là **Cung Khoan, Tín, Mẫn, Huệ.**

**Cung** thì không khinh nhờn,

**khoan** thì được lòng người, **tín** thì người ta tin cậy được,

**Mẫn** thì có công,

**Huệ** thì đủ khiến được người. » (*Luận-ngữ: Dương-Hóa, XVII*).

Cứ theo ý nghĩa mấy câu ấy, thì Nhân là nói sự hành động của người ta phải hợp Thiên lý chí công và bỏ hết cái tư Tâm tư Ý, khiến cho đối với người cũng như đối với mình, lúc nào cũng kính-cẩn và thân-ái như một vậy.

Song đó mới là **cái dụng của Nhân** mà thôi.

**Nhân còn có cái nghĩa khác rộng hơn nữa**, như Không-tử nói rằng:

« **Trí giả nhạo Thủy, Nhân giả nhạo Sơn, Trí giả Động, Nhân giả Tĩnh**

知者樂水<sup>[1]</sup>，仁者樂山<sup>[2]</sup>，知者動，仁者靜：

Người trí-giả thích nước, người nhân-giả thích núi, trí-giả động, nhân-giả tĩnh. » (*Luận-ngữ: Ung-giã, VI*). Hay là:

« **Hồi giả, kỳ tâm tam nguyệt bất vi nhân, kỳ dư nhật nguyệt chí yên nhi dĩ**

回也其心三月不違仁，其餘日月至焉而已：

Nhan-Hồi bụng giữ được ba tháng không trái đạo Nhân, còn người khác thì chỉ được một ngày một tháng là cùng. » (*Luận-ngữ: Ung-giã, VI*).

Hay là:

« Nhân viễn hồ tai, ngã dục Nhân, tư Nhân chi hỹ

仁遠乎哉，我欲仁，斯仁至矣:

**Nhân có xa đâu, ta muốn nhân thì Nhân đến vậy.** » (*Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII*).

Vậy thì Nhân lại là một cái Thể yên lặng như Núi, bao nhiêu đức-tính khác đều bởi đó mà sinh ra, khác nào như các thứ cây cối đều mọc lên cả trên Núi.

Trong cái Thể an lặng ấy có cái Tính sáng-suốt, cái sức mạnh-mẽ, có điều gì cũng biết rõ-ràng ngay, mà làm việc gì cũng điều-hòa và trúng-tiết.

Như thế thì Nhân 仁 với Trung 中 cũng đồng một nghĩa; nhưng Nhân thì có nhiều tình-cảm rất hậu, đối với vạn vật không bao giờ là không có hậu-tình. Vậy nên chữ Nhân vẫn hàm cả cái ý chữ Ái 愛. Vì có Nhân mới có Ai, có Ai mới có Lòng thương người, yêu vật, muốn cho vạn vật bao giờ cũng có cái khoái-lạc mà sống ở đời.

**Bởi có lòng Nhân cho nên người ta mới hợp-quần với nhau, mới có lòng bác-ái, mới coi nhau như anh em, xem cả đoàn-thể như một người, cả vũ-trụ như nhất thể.**

Đã như một người thì hễ có chỗ nào đau là cả người thấy khó chịu. Cũng bởi nghĩa ấy mà sách thuốc của ta gọi bệnh tê là ma mộc bất nhân 麻木不仁, vì người có bệnh tê thì trong thân-thể đau đâu cũng không biết.

**Người bất-Nhân ở trong xã-hội cũng như người có bệnh tê vậy, ai đau khổ thế nào, vật gì bị tai nạn làm sao, cũng dửng-dung không hề có cảm-động chút nào.**

**Vậy đã Nhân thì yêu người, yêu vật, muốn cho vạn vật các đặc kỳ sở. Lòng yêu lòng muốn ấy đều xuất ư tự-nhiên, không có miễn-cưỡng chút nào, cho nên mới gọi là an 安.**

**Nhân với An quan-hệ với nhau rất là mật-thiết.** An là cái đức-tính rất tốt của người có Nhân, lúc nào cũng tự nhiên nhi nhiên, mà làm việc gì cũng thung-dung trúng đạo.

**Người có Nhân, tự mình có cái Trục-giác sáng-láng, ở trong bụng thì an lặng mà ứng ra ngoài thì việc gì cũng thích-hợp với Thiên lý chí-công chí-thiện, cho nên bao giờ cũng an.**

Người bất-nhân thì hay vị tư-Tâm, tư-Trí, thành ra làm mờ tối mất cái Trục giác, rồi cứ miễn-cưỡng tìm cách làm những điều Tàn-ác, trái với Thiên lý, cho nên không lúc nào an được. **Vậy có An mới là Nhân, mà đã Nhân là An.**

Nói tóm lại, Nhân gồm cả thể và dụng.

**Thể thì tịch-nhiên im lặng,** và vẫn sẵn có cái năng-lực sinh tức ra các cái đức tính tốt, tức như cái hạt trong quả, bởi có hạt mà mọc ra mầm, ra cành, ra lá. Cũng vì vậy mà ta gọi **cái phần ấy ở trong hạt là nhân.**

**Dụng thì dễ cảm dễ ứng,** lúc nào cũng suốt đến cả vạn vật, bởi vậy làm việc gì cũng trúng-tiết và rất thích-hợp với thiên lý.

Kẻ nhân-giả suốt cả người đầy những tình-cảm chân-thực, cho nên đã Nhân thì bao giờ cũng Hiếu Đễ và Trung thứ; kẻ bất-Nhân thì đầy những Trí-thuật, rất khôn-khéo, rất linh-lợi, mà tình-cảm đơn-bạc và không chân-thực, cho nên thành ra gian-ác tàn-nhẫn.

Bởi thế Không-tử nói rằng:

« Cương, nghị, mộc, nột, cận nhân

剛, 毅, 木, 訥, 近仁:

**Cương-trực, nghiêm-nghị, chất-phác, trì-độn, là gần Nhân.**

» (Luận-ngữ: Tử-Lộ, XIII) —

« **Xảo ngôn lệnh sắc tiền hỹ nhân**

巧言令色鮮矣仁:

**Nói khéo và sửa nét mặt cùng hình dáng bề ngoài, là ít có Nhân vậy.**

» (Luận-ngữ: Học-nhi, I).

Xét rõ ý-nghĩa những câu ấy, thì hiểu **thế nào là Nhân, thế nào là bất-Nhân.**

**Nhân thì thật-thà, chất-phác và có cái sinh-thú áng-nhiên;**

**mà bất-Nhân, thất-Trung, thì khôn-ngoaan quý-quyết, hay làm hại cái sinh-cơ.**

**Nhân là cái Gốc lớn của sự Sinh-hóa trong Trời Đất. Thế-gian nhờ đó mà Dựng, vạn vật nhờ đó mà inh, quốc-gia nhờ đó mà Còn, Lễ ghĩa nhờ đó mà phát-hiện ra.**

**Cho nên Khổng-giáo lấy Nhân làm cái tôn-chỉ duy-nhất trong Tôn-giáo, chính-trị và học-thuật của thiên-hạ.**

Đối với từng người một, thì Nhân là cái hành-xích để biết việc phải trái, điều hay dở. Sự ngôn-luận, sự hành-vi của người ta mà hợp với đạo Nhân là hay là phải, trái với đạo Nhân là dở là xấu.

Đạo Nhân to lớn như vậy, sâu xa như vậy, cho nên cái học của Khổng-tử chủ cả ở chữ *Nhân*. Vì thế cho nên mới nói:

« **Quân-tử vô chung thực chi gian vi nhân, tháo-thứ tất ư thị, diên-bái tất ư thị**

君子無終食之間違仁, 造次必於是, 顛沛必於是:

**Người quân-tử trong khoảng bữa ăn cũng không trái Nhân, vội-vàng cũng phải theo Nhân, hoạn-nạn cũng phải theo Nhân.** » (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV).

**Vậy bao nhiêu việc hành-vi Đạo-Đức là căn-bản ở Nhân cả.**

**Đạo Nhân có thể vừa thấp cho ai cũng với đến được, mà cao thì cao vô cùng.**

Đến bậc hiền như thầy Nhan-Hôi cũng chỉ giữ được ba tháng không trái đạo Nhân mà thôi; mà chính Khổng-tử cũng nói rằng:

« **Nhược thánh dũ Nhân, tắc ngô khởi cảm**

若聖與仁, 則吾豈敢:

**Nếu bậc Thánh và bậc Nhân, thì ta sao dám.** » (Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII).

Xem thế nào thì biết đạo Nhân thật là rộng, người không có chí học đạo Nhân, không theo được. Học đạo Nhân thì phải lập Chí theo cho đến cùng, dầu chết cũng không bỏ.

Khổng-tử nói rằng:

« **Chí-sĩ Nhân-nhân, vô cầu sinh dĩ hại Nhân, hữu sát Thân dĩ thành Nhân**

志士仁人, 無求生以害仁, 有殺身以成仁:



Người chí-sĩ bậc Nhân-nhân, không ai cầu sống mà hại đạo Nhân, chỉ có kẻ giết mình mà làm cho thành đạo Nhân. » (Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV).

Tăng-tử nói rằng:

« Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị, nhiệm trọng nhi đạo viễn: Nhân dĩ vi kỷ nhiệm, bất diệc trọng hồ? tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ? »

士不可以不弘毅，任重而道遠：仁以爲己任，不亦重乎？死而後已，不亦遠乎？

Người đi học không nên không hoằng-đại kiên-nhẫn, việc thì nặng mà đường thì xa: Lấy đạo Nhân làm việc phải làm của mình, thì có phải là việc nặng không? theo làm đạo Nhân cho đến chết mới thôi, thì có phải là xa không? » (Luận-ngữ: Thái-Bá, VIII).

Nhân là điều trọng-yếu như thế, cho nên **Khổng-giáo dạy người ta chỉ cốt ở đạo Nhân mà thôi. Nhân là cái đích tu-dưỡng của Nho-học. Ai đã tu đến bậc Nhân, thì làm việc gì cũng trúng-tiết, có điều-hòa và có bình-hành, thích-hợp với Thiên-lý lưu-hành tự-nhiên vậy.**

**Thiên-mệnh.** — Nho-giáo đã tin có Trời làm chủ-tể cả vũ-trụ, thì tất là nhận có cái ý-chí rất mạnh để khiến sự biến-hóa ở trong thế-gian cho hợp lẽ điều-hòa.

Cái ý-chí ấy gọi là **Thiên-mệnh** 天命 hay là **Đế-mệnh** 帝命.

Cổ nhân dùng chữ **Thiên** 天 để chỉ cái ý to lớn cao xa, bao-bọc, che-chở, và dùng chữ **Đế** 帝 để chỉ cái ý làm chủ-tể cả muôn vật. Nói **thiên-mệnh** hay **đế-mệnh** tức là nói cái ý-chí của Trời vậy.

Nhưng ta phải biết rằng cái quan-niệm của Khổng-tử về Trời hay Thượng-đế không giống như cái quan-niệm của phần nhiều người thường tưởng-tượng Trời hay Thượng-đế là một đấng có hình-dáng, có tình-cảm, có tư-dục như người ta. Trời hay Đế chỉ là cái Lý vô hình, rất linh-diệu, rất cường-kiện, mà khi đã định sự biến-động ra thế nào, thì dầu làm sao cũng không cưỡng lại được.

Khổng-tử tin có Trời như thế, và có thiên-mệnh cho nên Ngài nói rằng:

« **Bất tri mệnh vô dĩ vi quân-tử giả** »

不知命無以爲君子也:

Không biết mệnh Trời thì không lấy gì làm quân-tử. » (Luận-ngữ: Nghiêu-viết, XX). Những công việc người ta ở đời thành hay bại, thế cục thịnh hay suy, đều do ở thiên-mệnh cả. Cái đạo của Ngài mà thi-hành ra được cũng là mệnh Trời, mà không thi-hành ra được cũng là mệnh Trời:

« **Đạo chi tương hành giả dư, mệnh giả; đạo chi tương phế giả dư, mệnh giả** »

道之將行也與，命也；道之將廢也與，命也。

» (Luận-ngữ: Hiến-vấn, XIV).

Người quân-tử cứ an mà làm điều lành điều phải, dầu thế nào cũng đã có cái mệnh của Trời, không nên oán Trời và giận người. Cho nên Ngài nói rằng:

« **Thượng bất oán thiên, hạ bất vuu nhân, cư dĩ dĩ sĩ mệnh** »

上不怨天，下不尤人，居易以俟命:

Trên không oán Trời, dưới không trách người, cứ bình-dị mà đợi mệnh. » (Trung-dụng).

**Tri mệnh** 知命 tức là biết vui theo mệnh Trời mà sinh-hoạt, mà hành-vi cho phải đạo, chứ không lập ý riêng, mà cưỡng làm những điều tư-tâm của mình. Nhưng tri mệnh là việc rất khó, đến Khổng-tử mà còn phải đến năm-mươi tuổi mới biết mệnh Trời:

« **Ngũ thập nhi tri thiên-mệnh**

五十而知天命. » (Luận-ngữ: Vi-chính, II),

huống chi người thường cho là dễ làm sao được. Người ta lúc còn trẻ tuổi, khí huyết đang hăng, tưởng việc gì cũng làm được. Về sau dần dần có kinh-nghiệm nhiều và lịch-duyet lắm, mới biết là những công việc thành hay bại thường không phải tự mình định lấy được.

Người ta ở đời lưu-hành trong cái đạo biến hóa của trời đất, khác nào như đàn cá lặn-lội ở giữa dòng nước chảy, tuy lúc nào cũng có cái năng-lực vẫy-vùng chạy nhảy, nhưng vẫn cứ phải trôi theo dòng nước. Dòng nước chảy càng to, càng mạnh bao nhiêu, thì sự trôi đi lại càng khó cưỡng lại bấy nhiêu. Sự trôi đi như thế, tức là thiên-mệnh vậy. Song ta phải hiểu rằng trong khi ta theo thiên-lý mà lưu-hành, thì bao giờ ta cũng có cái năng-lực tự-do để tự cường tự kiện, khiến cho cái tâm tình của ta được sáng-suốt, mãn-nhuệ, để lúc nào ta hành-động cũng không mất cái trung. Vậy trong sự theo thiên-mệnh ấy, có cái sức cố gắng rất cường-kiện để hoạt-động luôn, chứ không phải như những người tầm-thường nhu-nhuộc, cứ đành chịu ép một bề mà đợi số mệnh. Bởi thế cho nên kinh Dịch nói rằng:

«**Thiên hành kiện, quân-tử dĩ tự-cường bất túc**

天行健，君子以自彊不息:

Việc hành-động của Trời rất mạnh, người quân-tử phải theo mà tự cường không nghỉ. » (Dịch: Tượng, thượng truyện). Nếu người ta hiểu không rõ cái ý-nghĩa ấy, rồi cứ vì cái lẽ theo thiên-mệnh mà thành ra biếng trễ, thì tự ông Trời cũng tuyệt-diệt đi, không tài-bồi cho cái yếu-đuối hèn-hạ bao giờ. Sách Trung-dung nói rằng:

« **Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi**

天之生物必因其材而篤焉，故栽者培之，傾者覆之:

Trời sinh ra muôn vật, nhân cái tài-lực của từng vật mà đôn-đốc thêm vào, cho nên vật nào có thể vun đắp được, thì vun đắp vào cho tốt lên, vật nào nghiêng lệch, thì làm cho đổ nát đi. » Theo thiên-mệnh thì phải có cái khí cường-kiện mới theo nổi, không thì thành ra thất-bại ngay. Người đời nay dùng bốn chữ:

« **Ưu thắng liệt bại**

優勝劣敗 »

Chính là cái ý-nghĩa ấy vậy.

Xem như thế thì cái đạo Khổng-tử vẫn là một cái đạo có khí-lực mạnh-mẽ, khiến người ta phải cố gắng mà tự cường luôn, chứ không có điều gì là hèn yếu biếng trễ cả.

**Qui-thần.** — Khổng-tử đã tin có Trời, có thiên-mệnh, tất là tin có qui-thần. Qui-thần là cái khí thiêng-liêng ở trong trời đất, tuy mắt ta trông không thấy, tai ta nghe không thấy, nhưng vẫn thể được cả muôn vật, không sót vật nào: Đâu đâu cũng hình như ở trên đầu ta ở bên tả bên hữu ta:

« **Dương-dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu**

洋洋乎如其上，如其左右.» (Trung-dung).

Bởi vậy ta phải:

« *Tế thần như thần tại*

祭神如神在:

Tế thần như là có thần ở đó. » (Luận-ngữ: Bát-dật, III). Tế qui-thần là lấy sự tận thành để tỏ cái lòng tôn-kính, chứ không phải tế để cầu lấy cái phúc riêng cho mình, như những người thường vẫn tin-tưởng đâu. Qui-thần là thông-minh chính-trực, có lẽ nào lại thiên-vị ai bao giờ. Người ta ở đời cứ theo cái lẽ công-chính mà làm, đừng làm việc gì tàn-bạo gian-ác. Việc bổn-phận của mình thế nào, thì mình cứ cố gắng mà làm cho trọn- vẹn, rồi sẽ có qui-thần chứng-giám cho, hà tất phải nay cầu-nguyện, mai cầu-nguyện mà làm gì? Thường những việc của chính-nhân quân-tử đã làm là việc cầu-nguyện đó rồi, vì rằng có cầu-nguyện gì hơn được cứ theo cái lẽ công-nhiên của trời đất mà làm việc nhân việc nghĩa? Khổng-tử đã bày tỏ cái ý-kiến ấy ra một cách rõ-ràng, như khi Ngài đau nặng, học-trò Ngài là thầy Tử-Lộ xin cầu-nguyện thượng hạ thần-kỳ để Ngài chóng khỏi, Ngài nói rằng:

« *Khâu chi đảo cửu hỹ*

丘之禱久矣:

Ta cầu-nguyện đã lâu rồi. » (Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII). Ý Ngài nói rằng chung-thân Ngài chỉ có theo lẽ trời mà làm việc nhân nghĩa lễ trí, như thế là lúc nào Ngài cũng đã cầu-nguyện rồi. Nếu ai là người bất-nhân bất-nghĩa, làm những điều trái đạo, phải tội với Trời, thì đâu có cầu-nguyện quanh năm cũng không có ích gì:

« *Hoạch tội u thiên, vô sở đảo giả*

獲衆於天，無所禱也: P

Phải tội với Trời còn cầu-nguyện vào đâu được. » (Luận-ngữ: Bát-dật, III).

Việc qui-thần là việc cao-xa, u-ẩn, ta không có thể biết cho rõ được, ta chỉ nên lấy lòng thành-kính mà đối với qui-thần là đủ. Làm người ở đời, ta cứ biết chăm lo làm việc nghĩa của người, chứ biết thế nào được việc qui-thần, mà nói những điều huyền-hoặc để gây thành những mối mê-tín, hại cho việc nhân nghĩa. Vậy nên Khổng-tử nói rằng:

« *Vụ dân chi nghĩa, kính quỷ-thần nhi viễn chi*

務民之義，敬鬼神而遠之:

Vụ lấy làm việc nghĩa của người, còn qui-thần thì kính mà xa ra. » (Luận-ngữ: Ung giả, VI).

**Kính và thành.** — Khổng-tử tin có Trời và có qui-thần, chứ không phải như ý-kiến những người hiểu không rõ cái học-thuyết của Ngài, nói phỏng chừng rằng: đạo của Ngài là đạo vô-thần. Đó là điều sai lầm rất quan-hệ về đường khảo-cứu. Nhưng phải biết rằng Khổng-tử cho Trời là cái Lý linh-diệu chí-công chí-chính, mà qui-thần là cái linh-khí của trời đất, rất thông-minh chính-trực, tất là Trời và qui-thần không có thiên-tư điều gì vậy. Người và vạn vật sinh ra trong thế-gian, cùng bẩm-thụ một ly một khí của Trời cả, duy chỉ có thanh trọc khác nhau mà thôi. Đã đồng lý đồng khí, thì tất có chỗ cảm- ứng được. Vậy nên đối với Trời và qui-thần, người ta phải lấy lòng kính-cần và thành-thực mà thờ phụng. Thiên *Thái-giáp hạ* trong kinh *Thư* nói rằng: «

***Duy thiên vô thân, khốc kính duy thân..... quỷ-thần vô thường hưởng, hưởng vu khốc thành***

**惟天無親，克敬惟親..... 鬼神無常享，享于克誠：**

Trời không thân với ai, chỉ thân với người hay kính.... quỷ-thần không thường chứng-giám cho ai, chỉ chứng-giám cho kẻ hay thành. » Vậy chỉ có kính và thành mới cảm-động đến Trời và quỷ-thần được.

Người ta sở dĩ biết có nhân nghĩa lễ trí là nhờ cái tính của Trời phú cho, vậy nên ta phải thờ Trời. Nhưng thờ Trời thì chỉ có cái cách lấy cái ý chân-thực và cái lòng kính-cẩn mà giữ lúc động, lúc tĩnh, lúc chuyện trò hay lúc ngồi im lặng, không lúc nào được khinh nhờn. Ấy là cách phụng-sự rất chính, rất phải. Bởi thế cho nên Khổng-giáo lấy chữ *kính* 敬 làm quan-trọng lắm. Những lễ nghi của thánh-nhân đời trước đặt ra mà có ý nghĩa, là cũng vì có chữ kính. Nếu không có kính thì chỉ là cái hư văn rất phiền-toái mà thôi.

Khổng-tử nói rằng:

**« *Quân-tử úy thiên mệnh***

**君子畏天命：**

Người quân-tử sợ mệnh Trời. » (*Luận-ngữ: Quí-thị, XVI*).

Ta có sợ Trời, có giữ lòng kính-cẩn thì mới giữ được bụng ngay chính, để làm những điều nhân nghĩa hiếu đễ. Nếu trong lòng mà không chân-thực và lại khinh nhờn, thì còn có kị-đạn gì nữa. Bởi thế Khổng-tử nói rằng:

**« *Tu kỹ dĩ kính***

**修己以敬：**

Lấy kính mà sửa mình. » (*Luận-ngữ: Hiến-vấn, XIV*).

Người ta ở đời có phải ngẫu-nhiên mà sinh ra, rồi ngẫu-nhiên lại hóa đi mất đâu. Nếu như vậy, thì suốt cả vũ-trụ cũng chẳng có nghĩa lý gì. Vì chung có Trời, và Trời lại làm chủ-tể cả muôn vật, nên ta phải thờ Trời và theo đạo Trời mà ăn-ở, để làm cho sáng cái minh-đức của Trời đã phú-dữ cho ta. Người nào đã thành-thực mà giữ lòng kính-cẩn, thì không bao giờ làm điều bất-nhân phi-nghĩa, tất là có thể sửa mình đến chí-thiện được.

Đã có Trời lại có quỷ-thần để chứng-giám cho vạn vật. Vậy đã thờ Trời tất phải thờ quỷ-thần. Nhưng thờ quỷ-thần chỉ cốt có lòng thành, thì quỷ-thần mới chứng-giám cho, vì có thành mới cảm đến quỷ-thần được. Nếu không, thì dầu có bày đặt ra đủ các thứ lễ nghi đồ vật, nhưng cũng như không mà thôi. Quỷ-thần đã chứng-giám cái lòng thành cho mình, thì mình cứ an lòng mà làm điều lành điều phải. Không nên đem tư-tâm mà dùng sự lễ-bái để cầu tài cầu lợi. Đó là điều mê-hoặc không phải là đạo công-chính của quỷ-thần.

**Kính 敬 thành 誠 là cái gốc Luân-lý của Nho-giáo.**

Có kính thì mới giữ được cái bản tính của mình cho thuần-nhất, và có thành thì người với Trời và quỷ-thần mới tương cảm với nhau được. Thiết tưởng kẻ học-giả có hiểu rõ nghĩa hai chữ *kính* và *thành*, thì mới biết được nghĩa-lý những điều nhân nghĩa lễ trí và mới hiểu được cái tinh-thần của Nho-giáo vậy.

**Sự sinh tử.** — Về sự sinh-tử, thì Khổng-tử cũng tin-tưởng như mọi người đương thời bấy giờ. Ngài nói rằng:

**« Nhân sinh hữu khí, hữu hồn, hữu phách. Khí hồn phách hội vị chi sinh**

人生有氣，有魂，有魄。氣魂魄會，謂之生：

Người sinh ra có khí, có hồn, có phách. Khí hồn phách hội lại gọi là sinh. » (*Khổng-tử gia-ngữ: Ai-công vấn chính, XVII*). Người ta ở đời có mệnh, có tính, có sống, có chết:

**« Phân w đạo vị chi mệnh; hình w nhất vị chi tính; hóa w âm dương tượng hình nhi phát vị chi sinh; hóa cùng số tận vị chi tử. Cố mệnh giả tính chi thủy giả, tử giả sinh chi chung giả, hữu thủy tắc tất hữu chung hỹ**

分於道謂之命；形於一謂之性；化於陰陽象形而發謂之生；化窮數盡謂之死。故命者性之始也，死者生之終也，有始則必有終矣：

Chia một phần ở trong đạo tự-nhiên của trời đất ra gọi là mệnh; rõ hình ra ở cái lý nhất-quán ai cũng như ai, gọi là Tính; biến-hóa ở âm dương mà thành ra có tượng có hình gọi là sinh; hóa đến cùng, số hết, gọi là tử. Cho nên mệnh là cái bắt đầu của tính, tử là cái cuối cùng của sinh, có cái bắt đầu thì ắt là có cái cuối cùng vậy. » (*Khổng-tử gia-ngữ: Bản mệnh giải, XXVI*).

Chết rồi thì cái hài-cốt chôn xuống đất dần dần tan nát đi, còn cái khí tinh-anh thì lên trên khoảng không-gian sáng rõ rực-rỡ:

**« Tử tất qui thổ, cốt nhục tê w hạ, âm vi dã thổ, kỳ khí phát dương w thượng vi chiêu minh**

死必歸土，骨肉斃於下，陰爲野土，其氣發揚於上爲昭明。»

(*Lễ-ký: Tế-ngĩa, XXIV*).

Vậy chết không phải là hết. Chỉ hết cái hình-hài mà thôi, còn cái khí tinh-anh tức là tinh-thần, thì lại về chỗ sáng rõ ở trong vũ-trụ.

**Cái phần chiêu minh ấy ở trong người ta gọi là Tâm. Tâm là cái thần-minh ở trong vạn vật, là cái tia sáng của Trời phú cho ta để hiểu biết các sự vật. Vũ-trụ sở dĩ có là bởi có cái tia sáng ấy, chứ không thì dẫu có cũng như không mà thôi. Vạn vật nhờ có cái tia sáng ấy mà biết là có, và biết là có Trời. Người ta có cái phẩm-giá tôn quý là cũng nhờ có cái Tâm, cho nên hễ bỏ cái Tâm đi, thì vũ-trụ chỉ là một khối vật-chất vô-tri vô-giác, không có giá-trị gì cả. Có cái Tâm thì trời đất rõ-ràng, vạn vật linh-hoạt. Bởi thế người quân-tử bao giờ cũng phải giữ cái Tâm cho minh-mẫn. Đến khi người ta mệnh chung, cái tia sáng trở về Trời, mà cái vật-chất thì hằm nát đi. Bởi cái lý-tưởng ấy cho nên cổ nhân nói rằng:**

**« Sinh ký giả, tử qui giả**

生寄也，死歸也：

Sống là gửi vậy, thác là về vậy. » Chết là cái tinh-thần về Trời.

Cổ nhân tin như thế, cho nên mới nói:

**« Tam hậu tại Thiên**

三后在天:

Ba vua ở trên trời. » Hay là:

« *Văn-vương trắc giáng, tại đế tả hữu*

文王陟降, 在帝左右. »

Những lời ấy làm bằng-chứng rõ-ràng là người ta chết, cái tinh-thần không mất. Nhưng cái tinh-thần ấy có cảm-giác được như người sống nữa hay không? Một hôm thầy Tử-Cống hỏi Khổng-tử rằng: « Người chết rồi có biết gì nữa không? » — Ngài trả lời rằng: « Nếu ta nói người chết rồi mà còn biết, thì sợ những con cháu hiếu-thảo, liêu chết để theo ông cha; nếu ta nói người chết rồi mà không biết gì, thì sợ con cháu bất-hiếu, cha mẹ chết bỏ không chôn. Người muốn biết người chết rồi có biết hay không biết, chuyện đó không phải là chuyện cần-kíp ngay bây giờ, rồi sau sẽ biết. » (*Khổng-tử gia-ngữ: Trí-tu, VIII*).

Dẫu tinh-thần biết hay không biết mặc lòng, đối với người chết bao giờ ta vẫn có cái tình-cảm, khiến ta không có thể cho như là không biết gì nữa, mà cũng không có thể cho là vẫn biết như lúc còn sống được. Khổng-tử nói rằng:

« *Chi tử nhi trí tử chi, bất-nhân, nhi bất khả vi giã; chi tử nhi trí sinh chi, bất-trí, nhi bất khả vi giã*

之死而致死之, 不仁, 而不可為也;

之死而致生之, 不知, 而不可為也:

Cho người chết là mất hẳn, không biết gì nữa, là bất-Nhân, không nên theo;

cho người chết là còn biết như lúc hãy còn sống, là bất-Trí, không nên theo.

» (*Lễ-ký: Đàn-cung thượng*).

Tuy việc sống chết thế nào thì ta không rõ được, nhưng đối với người chết, bao giờ ta cũng có tình-cảm thương-tiếc. Vậy thì ta cứ thờ người chết, cúng-tế Tổ-Tiên, để tỏ lòng tôn-kính yêu-mến. Song ta không nên thờ bậy, cúng bậy; nếu không phải là bậc mình đáng thờ, đáng cúng, không phải Cha Mẹ Tổ-Tiên mình, mà mình thờ cúng, thì gọi là siểm:

« *Phi kỳ quỷ nhi tế chi, siểm giã*

非其鬼而祭之, 諂也. »

(*Luận-ngữ: Vi-chính, II*).

Nói rút lại, đạo Trời là chí-Thiện chí-Mỹ, Đạo người là phải cố gắng để làm được những điều chí-Thiện chí-Mỹ. Ai muốn đạt tới cái mục-đích ấy, thì trước hết phải theo **đạo Thành**.

« *Thành giả thiên chi Đạo giã, Thành chi giả nhân chi Đạo giã*

誠者天之道也, 誠之者人之道也:

Thành-thực là đạo Trời, giữ cho được Thành-thực là đạo Người. » (*Trung-dụng*).

Thành là cái Tính bản-nhiên của Thiên-lý, cái Tính ấy chân-thực không sai lầm điều gì, và lại có thể sinh-sinh, hóa-hóa, gây nuôi muôn vật. Người ta ai đã cố gắng mà tiến lên đến bậc chí Thành, thì có thể giúp được việc hóa-dục của Trời Đất và có Đức ngang với Trời Đất. Tức là một cách nói: **Trời sinh ra Người, Người lại cố gắng theo cho được hoàn-toàn như Trời vậy.**

Kẻ học giả hiểu rõ lẽ ấy, rồi cứ vui theo mệnh Trời mà cố sức tu-dưỡng cho đến bậc nhân, thì đạo làm người thành ra có cái ý-nghĩa rất cao-xa, mà cái cảnh ở đời lại rất có thú-vị. Bởi thế cho nên thánh-nhân dạy người ta:

« *Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu; an thổ đôn hồ nhân, cố năng ái*

樂天知命，故不憂；安土敦乎仁，故能愛：

**Vui theo đạo Trời và biết mệnh Trời, cho nên không lo; tùy chỗ ở mà an và đôn-độc làm điều Nhân, cho nên có lòng Ái.** » (*Dịch: Hệ-từ-thượng*).

## II. — ĐẠO CỦA KHÔNG-TỬ

Đạo là cái lý tự-nhiên của Trời Đất, là con đường rộng ai cũng phải theo mà đi, tức là cái công-lệ Trung-chính để làm qui-tắc cho sự hành-động của người đời.

Không-tử theo lẽ điều-hòa của Trời Đất và đem những Tư-tưởng và sự Hành-vi của các đế vương đời trước mà lập thành Đạo, để dạy Thiên-hạ. Ai theo được Đạo ấy mà ăn-ở là hay, là người Quân-tử; không theo được đạo ấy là dở, là kẻ Tiểu nhân

« *Quân-tử chi đạo 君子之道*: Đạo của người quân-tử ».

**Đạo ấy gồm hết tất cả cái phải, cái hay, tổng-hợp các cái đức tính tốt để gây thành cái nhân-cách hoàn-toàn của người ta.**

Sách *Trung-dung* chép rằng:

« *Trọng-Ni Tổ-thuật Nghiêu Thuấn, hiển chương Văn Võ, thượng luật thiên thời, hạ tập thủy thổ*

仲尼祖述堯舜，憲章文武，上律天時，下襲水土：

**Đức Trọng-Ni Tổ-thuật đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, bắt-chước phép vua Văn, vua Võ, trên theo thời Trời mà quyền biến, dưới tùy Thủy thổ mà an vui.** »

Đạo ấy ví như trời đất, không có cái gì là không che-chờ, chuyển-và như bốn mùa, sáng rõ như mặt trời mặt trăng. Ở trong đạo ấy thì

« *Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại, đạo tịnh hành nhi bất tương bội, tiểu đức xuyên lưu, đại đức đôn-hóa*

萬物並育而不相害，道並行而不相悖，小德川流，大德敦化：

Muôn vật đều hóa-dục mà không hại lẫn nhau, các Đạo đều thi-hành mà không trái nhau. Đức nhỏ thì phân-minh như nước sông chảy, Đức lớn thì đôn-hậu mà sinh-hóa vô cùng. » (*Trung-dung*).

Đạo của Ngài khoan-hoảng quảng-đại như thế và lại theo cái Tôn-chỉ chí-công chí-chính, chủ ở sự làm điều lành điều phải, bao giờ cũng dễ-dàng ung-dung, không cố-chấp điều gì.

Dẫu đối với Đạo khác, Ngài cũng cho là

« *Thiên-hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự* »<sup>[3]</sup>,

cho nên Ngài không bài-bác công-kích Đạo nào cả. Ngài nói rằng:

« Công hồ dị đoan, tư hại giã dĩ

攻乎異端，斯害也已：

Công-kích đạo khác là chỉ hại mà thôi. »<sup>[4]</sup> (*Luận-ngữ: Vi-chính, II*).

Vì rằng đạo của Ngài là chỉ theo Lễ thường, cứ việc phải thì làm, việc trái thì bỏ, cốt dạy người ta giữ cái Lương-tâm cho sáng-suốt, đừng để tư-Tâm tư-Dục làm ám-muội đi mất, thì tự khắc là người ta biết phân-biệt điều hay điều dở.

**Điều hay là phải theo, điều dở là phải bỏ, không lấy cái trí hẹp-hòi mà câu-chấp một mặt nào hay một thuyết nào. Bất cứ điều gì, hễ nó hợp thời thuận lý là được, như thế thật là một Đạo chiết-trung, khiến cho lúc nào cũng giữ được cái lẽ điều-hòa tự-nhiên mà lập thành cái Nhân-sinh triết-lý rất yên-bác.**

Đạo của Khổng-tử tuy nhận có Qui Thần và có biện biệt sự sống chết, nhưng không lấy việc Qui Thần mà đặt ra những điều mê-tín, không lấy sự sống chết mà huyền-hoặc lòng người.

Ngài chỉ cốt lấy Nhân Nghĩa Lễ Trí Hiếu để Trung tín làm Đạo thường. Ngài cho những điều ấy là do cái minh-đức của Thiên-lý mà phát hiện ra, vậy nên phải theo Thiên-lý mà làm cho sáng cái minh-đức ấy, để khiến người ta càng ngày càng hay hơn, đến chí-Thiện mới thôi.

Đó là nghĩa câu ở đầu sách *Đại-học*:

« *Đại học chi đạo, tại minh minh-đức, tại thân dân, tại chí ư chí-thiện*

大學之道，在明明德，在親民，在止於至善。»

Ba cái cương-lĩnh: minh minh-đức, thân dân, chí ư chí-thiện, là cái quan-kiện của sự học trong Khổng-giáo.

**Đạo của Khổng-tử lấy hai chữ chí-Thiện làm cực điểm. Chí-Thiện tức là Nhân.**

Từ đầu chí cuối chỉ có một mối, chủ lấy theo Thiên-lý làm gốc, dùng Hiếu để, Lễ nhạc, mà khiến người ta tiến lên đến bậc Nhân. Trước sau chỉ theo một cái lý Nhất-thể ấy mà thôi, cho nên ngài nói rằng:

« *Ngô đạo nhất dĩ quán chi*

吾道一以貫之：

Đạo của ta suốt từ đầu chí cuối chỉ có Một mà thôi. » (*Luận-ngữ: Lý-nhân, IV*).

Câu ấy nói tóm hết cái Đạo của Ngài, mà làm cho cái thống-hệ nhất-thể rất sáng rõ. Đạo nhất-quán ấy, gọi là **Trung thứ hay là Nhân Nghĩa cũng là do Đạo Nhân mà ra cả**. Có Nhân là hiểu rõ và theo đúng cái hiên-lý thuần-nhiên quán thông từ sự Tư-tướng đến sự Hành-vi, không có cái gì là không hợp với Đạo Nhất-thể.

Trời phú tính cho người ta, tất là đã cho ta có cái Đức sáng để hiểu: Hiếu, đễ, Từ v. v.

Ta cố làm cho sáng cái Đức sáng của ta để đối với người, với vật, cho đến chí-Thiện mới thôi. Chí-thiện là cái cực-điểm của đạo nhất-thể. Học-giả phải theo cái bản-tính thuần nhất của Trời phú cho mà sửa Đạo và lập Giáo. Vậy nên sách *Trung-dụng* nói rằng:

« *Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo. Đạo giã giã, bất khả tu du ly giã; khả ly phi đạo giã*



天命之謂性，率性之謂道，修道之謂教，道也者不可須臾離也，可離非道也：

**Trời phú cho gọi là Tính, theo Tính gọi là Đạo, sửa Đạo gọi là Giáo. Đã là Đạo thì không giây phút nào xa lìa ra được, nếu xa lìa ra được thì không phải là Đạo. »**

Cái đạo chỉ là theo thiên-lý, mà thiên-lý với cái bản-tính của người ta vốn là một, vậy thì đạo là cốt để sửa cái tính của người cho hợp thiên-lý, cho nên Khổng-tử nói rằng:

**« Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi Đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi Đạo**

**道不遠人，人之爲道而遠人，不可以爲道：**

Đạo không xa cái bản-tính của người ta, nếu theo Đạo để cho xa cái bản-tính của người ta, thì không phải là Đạo. » (*Trung-dung*).

Vì Đạo ấy mật-thiết với bản-tính của người ta như thế, cho nên tuy có phần rất uyên-áo, dẫu người tài trí cũng không biết hết được, nhưng bao giờ người thường vẫn có thể theo được. Bởi vậy Tử-Tu nói rằng:

**« Quân-tử chi đạo phị nhi ẩn. Phu phụ chi ngu khả dĩ dữ tri yên, cập kỳ chí giả, tuy thánh-nhân diệc hữu sở bất tri yên; phu phụ chi bất tiểu, khả dĩ năng hành yên, cập kỳ chí giả, tuy thánh-nhân diệc hữu sở bất năng yên**

君子之道費而隱。夫婦之愚可以與知焉，及其至也，雖聖人亦有所不知焉；夫婦之不肖可以能行焉，及其至也，雖聖人亦有所不能焉：

Đạo của quân-tử rộng-rãi dễ hiểu, mà có phần tinh-vi ẩn-khuất không thể biết hết được. Đứa thất-phu thất-phụ cũng có thể biết được, nhưng biết cho đến cùng-cực, thì tuy Thánh-nhân cũng có điều không biết được; đứa thất-phu thất-phụ không có tài-năng gì, cũng có thể làm được, nhưng làm cho đến cùng-cực, thì tuy Thánh-nhân cũng có điều không làm được ».

Tử-Tu lại nói tóm lại rằng:

**« Quân-tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ<sup>[5]</sup>, cập kỳ chí giả, sát hồ thiên địa**

**君子之道造端乎夫婦，及其至也，察乎天地：**

Đạo người quân-tử lập mối đầu ở những điều nhỏ mọn tầm thường của những kẻ thất-phu thất-phụ biết được làm được, mà lên đến cùng-cực, thì xét rõ việc Trời Đất.”

(*Trung-dung*).

Đạo ấy rất là giản-dị mà thật cao-xa rộng-rãi, bao-quát cả Vũ-trụ, ngoài không có cái gì lớn hơn được, trong không có cái gì nhỏ hơn được vậy.

Khổng-tử rất thành-thực tin đạo ấy là chí-Thiện, chí-Mỹ. Ngài cho là trong Đạo ấy có cái vui cái thú vô cùng, hễ ai đã được nghe một lần rồi, thì dẫu có chết cũng không cho là uổng một đời. Vậy nên Ngài nói rằng:

**« Triều văn đạo, tịch tử khả hỹ**

**朝聞道，夕死可矣：**

Buổi sáng được nghe mà hiểu được đạo, buổi tối chết cũng thỏa. »

(*Luận-ngữ: Lý-nhân, IV*).

Đạo ấy rất hay, nhưng ai theo thì phải thành-thực lắm mới được. Nếu không thành-thực thì đầu đạo ấy hay thế nào cũng là vô ích. Không-tử nói rằng:

« *Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân*

人能弘道，非道弘人：

**Người có thể mở rộng Đạo, Đạo không thể mở rộng Người.** » (*Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV*).

Người thì có cái biết, mà Đạo-thể thì Vô-vi; nhờ có cái biết cho nên người mới làm cho Đạo rộng lớn ra, chứ Đạo tự nó không làm cho người rộng lớn ra được.

Bởi chung Đạo lập thành cái cùng-cực của Người, mà Người là cái khí-cụ của Đạo, cho nên **Đạo và Người không lia bỏ nhau được**. Người phải dụng lực đem cái Đạo-thể ở trong mình mình làm cho sáng rõ ra. Nếu người mà không dụng lực, cứ muốn để cái Đạo-tự-nhiên làm cho người ta lên đến chỗ cao-minh, quảng-đại, thì không có bao giờ. Điều ấy ta nên nhớ mà cố gắng hết sức trong sự học tập vậy.

Không-tử theo cái lý-tưởng cho **Thiên-ly lưu-hành bất-tức**, cho nên cái học của Ngài không nhận cái gì là nhất-định và không cố-chấp điều gì cả. Sách *Luận-ngữ* chép rằng:

« *Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*

子絕四：毋意，毋必，毋固，毋我：

Không-tử tuyệt không có bốn điều là: **không có ý riêng tư, không đoán phỏng chắc trước, không cố-chấp, không vị mình.** » (*Từ-hãn IX*).

Sách *Luận-ngữ* lại chép rằng: « Khi bàn đến các cái đức-tính của những người hiền đời trước, như bọn ông Bá-Di, Thúc-Tề, Liễu Hạ-Huê v. v., người thì cương quá, người thì nhu quá, cho nên Ngài nói rằng:

« *Ngã tặc dị w thị, vô khả vô bất khả*

我則異於是，無可無不可：

Ta thì khác thế, **không có cái gì nhất-định là nên, không có cái gì nhất-định là không nên.** » (*Vi-tử XVIII*). Nghĩa là: Ngài thì có thể cương cũng được, nhu cũng được, có lúc kinh, có lúc quyền, lúc nào làm việc gì cũng thời-trung và hợp lý, chứ không chấp-nhất. Người chấp-nhất là hại Đạo, vì đã chấp-nhất thì chỉ biết được một điều mà bỏ mất trăm điều. Những lời chép trên kia làm bằng-chứng rõ-ràng cho cái ý-kiến không nhất-định, và mấy chữ

« *vô khả vô bất khả* » thật đã biểu-thị rõ cái học điều-hòa và chiết-Trung của Không-tử<sup>[6]</sup>.

Thiên-ly thì lưu-hành bất-tức, mà nhân-sự thì mỗi thời một khác, nếu nhận một điều gì làm lý nhất-định, rồi cứ khư-khư giữ điều ấy để làm chuẩn-đích cho sự hành-vi của mình, thì thành ra cố-chấp và có cái thái-độ thiên về cực đoan, rất trái với cái tôn-chỉ phải tùy thời chấp-trung. Đó là cái tư-tưởng đặc-biệt của Không-giáo. Đem cái tư-tưởng ấy mà so-sánh với học-thuyết khác, thì thấy học-thuyết nào cũng có điều cố-chấp. Thí-dụ như họ Mặc theo cái chủ-nghĩa kiêm-ái, họ Dương theo cái chủ-nghĩa vị-ngã, rồi mỗi bên cố-chấp lấy cái chủ-nghĩa của mình làm cái lý nhất-định để theo cho đến cùng, tất là thành ra cái cực-đoan, lệch hẳn về một bên, không có bình-hành,

không có điều-hòa, trái với lẽ tự-nhiên của sự thực. Khổng-giáo thì không thế, cứ tùy cái tình thân sơ mà đối với người, với vật, cho hợp lẽ tự-nhiên, vậy nên mới nói rằng:

« *Thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật*

親親而仁民，仁民而愛物：

Thân yêu những kẻ thân-thiết với mình, mà nhân-từ với mọi người, nhân-từ với mọi người mà yêu mến các loài vật. » (*Mạnh-tử: Tận-tâm thượng*). Cái tình-cảm của mình đối với kẻ thân-thích hậu, thì mình cứ hậu, đối với người ngoài hơn kém một tí, thì cứ kém một tí, đối với các loài sinh-vật lại kém đi một bậc nữa, thì cứ kém đi một bậc nữa. Lúc nào cũng tùy cảm mà ứng, tùy cái trực-giác mãn-nhuệ của mình mà hành-động, chứ không nhận gì làm định-lý cả. Vì rằng khi đã nhận một điều gì làm định-lý, thì tất là cố-chấp theo cái định-lý ấy cho đến cùng, thành ra không thích-hợp với thiên-lý cứ lưu-hành mà biến hóa mãi mãi.

**Cái vui trong sự sinh-hoạt.** — Đạo của Khổng-tử là đạo nhân, cốt cầu lấy cái vui trong sự sinh-hoạt ở đời. Cái vui ấy do ở sự điều-hòa với cái lẽ tự-nhiên của tạo-hóa, bao giờ trong bụng cũng được thư-thái, không để cái ngoại-vật hệ-lụy đến mình. Xem như Ngài tuy phải chu-du thiên-hạ, để lo thi-hành cái đạo của mình mà không lúc nào trong bụng không vui về cái sinh-thú. Sách *Luận-ngữ* chép rằng: « Một hôm Tử-Lộ, Tăng-Tích, Nhiễm-Hữu, Công-Tây-Hoa ngồi hầu, Khổng-tử nói rằng: Ta tuy có hơn tuổi các người, nhưng các người đừng vì ta mà nệ, chỉ mình thế nào, cứ thẳng mà nói. Khi các người bình-cur thường nói: Chẳng ai biết đến ta mà dùng ta. Nếu như có người biết mà dùng, thì các người định làm sao?

Tử-Lộ đứng phất lên mà thưa ngay rằng: « Một nước nghìn cỗ xe, ở chệt vào với nước lớn, mà lại thêm có việc binh-đạo cùng sự đói kém, giá cho Do này được trị nước ấy, thì chỉ độ ba năm, có thể khiến cho dân nước ấy có lòng dũng-cảm, và biết phương-hướng làm việc nghĩa.

— Phu-tử mỉm cười, rồi hỏi: Cầu thì làm sao?

— Một nước vuông độ sáu bảy mươi dặm, hay năm sáu mươi dặm, giá cho Cầu này trị nước ấy, thì chỉ độ ba năm có thể khiến cho dân được no đủ. Còn đến việc lễ nhạc xin để đợi bậc quân-tử.

— Xích thì làm sao?

— Tôi không dám nói hay, nhưng cũng muốn học. Giá đến việc nhà Tôn-miêu, như lễ Hội-đồng, mặc áo huyền-đoan, đội mũ chương-phủ, thì Xích này xin làm một chức tiểu-tướng.<sup>[7]</sup>

— Còn Diêm thì làm sao?

Tăng-Diêm lúc ấy đang gảy cái đàn sắt, tiếng đàn thông-thả và hòa-nhã, bỏ đàn xuống, đứng dậy mà thưa rằng: Chí tôi khác hẳn ba anh kia.

— Có ngại gì, chẳng qua người nào cũng nói chí người ấy cả.

— Đến cuối mùa xuân, áo mùa xuân đã may xong, năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con, rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió nền Vũ-vu, rồi hát mà về.

— Phu-tử thở dài mà than rằng: « Ta cũng thích như Diêm vậy. » (*Luận-ngữ: Tiên-tiến XI*).

Tử-Lộ nói hăng-hái quá độ, cho nên Ngài mỉm cười có ý chê. Cầu và Xích tuy lời nói có khiêm-tốn, nhưng người nào cũng khu-khu về công việc. Duy chỉ có Điểm là có cái chí thích-hợp với cái sinh-thú ở đời và cái ý

« *Đối thời dục vật*

對時育物 »,

cho nên Khổng-tử mới khen là đồng-chí với mình.

Đạo của Khổng-tử là dạy người ta cầu lấy cái vui ở đời khiến cho lúc nào trong bụng người ta cũng thân-nhiên vui-vẻ, không có lo-sợ buồn-rầu gì cả. Cái gì người ta vui cười, thì mình vui cười như người ta, xong đó rồi thôi, không bận-bịu lo-sợ điều gì nữa. Người quân-tử cứ

*Tùy cảm nhi ứng, tùy ngộ nhi an*

隨感而應, 隨遇而安 »

nghĩa là gặp cái gì cảm đến thì ứng-thuận ngay, gặp cảnh-ngộ nào cũng vui-thú được,

« *Vô nhập nhi bất tự đắc yên*

無入而不自得焉:

không vào cái cảnh-ngộ nào mà tự mình không có cái thú. » Không lo được lo mất, bao giờ cũng có cái sinh-thú áng-nhiên, thật là một cách ở đời rất vui-thú, rất sung-sướng vậy.

Một hôm thầy Tử-Lộ hỏi Phu-tử rằng:

« *Người quân-tử có buồn không? — Phu-tử nói rằng: « Vô già. Quân-tử chi tu hành già, kỳ vị đắc chi già, tắc lạc kỳ ý; kỳ đắc chi, hựu lạc kỳ trị; Hữu chung thân chi lạc, vô nhất nhật chi ưu. Tiểu-nhân tắc bất nhiên, kỳ vị đắc già, hoạn phát đắc chi, kỳ đắc chi, hựu khủng thất chi; Thị dĩ hữu chung thân chi ưu, vô nhất nhật chi lạc già*

無也。君子之修行也，  
其未得之也，則樂其意；  
既得之，又樂其治；  
有終身之樂，無一日之憂。  
小人則不然，其未得也，  
患弗得之，既得之，  
又恐失之：是以有終身之憂，  
無一日之樂也：

Không buồn gì. Cách sửa việc làm của người quân-tử, lúc chưa được đạt cái chí, thì vui ở cái ý muốn của mình. Cả đời lúc nào cũng vui, không có một ngày nào buồn. Kẻ tiểu-nhân thì không thế. Khi chưa được thì lo không được, khi đã được rồi lại sợ mất cái đã được. Bởi thế chỉ lo suốt đời, không có một ngày nào vui vậy. » (*Khổng-tử gia-ngữ: Tại-ách, XX*).

Khổng-tử thường khen thầy Nhan-Hôi rằng:

« *Hiền tai Hôi già! Nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hôi già, bất cải kỳ lạc. Hiền tai Hôi già!*

賢哉回也! 一簞食, 一瓢飲, 在陋巷, 人不堪其憂, 回也, 不改其樂. 賢哉回也:

Hiền vậy thay Nhan-Hôi! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở chỗ ngõ hẹp, giá người khác ở vào cảnh ấy, thì lo buồn không chịu được, thế mà Nhan-Hôi không bao giờ đổi cái vui của mình. Hiền vậy thay Nhan-Hôi! (*Luận-ngữ: Ung-giã, VI*).

Cái vui thầy Nhan-Hôi là cái vui Khổng-tử. Ngài muốn dạy người ta cách ăn-ở cho lúc nào cũng có khoái-lạc, làm việc gì cũng theo cái cao-hứng, cái trực-giác mãn-nhuệ của mình mà làm, làm cho đến kỳ cùng, xong rồi được thế nào lấy thế làm vui thú.

Cầu lấy cái vui là cái vui trong bụng, lúc nào cũng an-nhàn thu-thái, mà vẫn siêng-năng cần-mẫn. Khổng-tử tự tả mình rằng:

« *Kỳ vi nhân già, phát phẫn vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí vân nhĩ*

其爲人也, 發憤忘食, 樂以忘憂, 不知老之將至云爾:

Ta làm người, hề có việc gì nghĩ chưa ra, thì nghĩ đến quên ăn, nghĩ ra được, thì vui quên mất cả cái lo, không biết cái già đã sắp đến vậy. » (*Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII*).

Xem thế thì biết cái đạo của Khổng-tử cương-ngệ là đường nào, và có cái sinh-thú mạnh-mẽ, cái tinh-thần linh-hoạt biết là bao nhiêu!

Đại khái cái tinh-thần của Khổng-giáo là ở cả trong phần hình-nhi-thượng ấy. Do cái tinh-thần ấy mà thành ra cái học hình-nhi-hạ như ta sẽ xét sau này. Nhưng vì phần ấy là phần tâm truyền, phi người đã đắc đạo, không hiểu được. Về sau phần ấy thất-truyền, các học-giả không mấy người lĩnh-hội được hết cái ý-nghĩa, cho nên chỉ khuynh-hướng về những điều thiếu-cận, chuyên trị về đường luân-lý thường-hành, dần dần làm thành ra cái học hẹp-hòi, bó-buộc ở những điều vụn-vật, sai hẳn cái tôn-chỉ hoằng đại cao viễn của Khổng-giáo. Nay những học-giả muốn hiểu rõ Khổng-giáo, thì trước hết phải ngẫm nghĩ và suy xét cho tường-tận phần *hình-nhi-thượng-học* này, vì đó là phần tối trọng-yếu của Khổng-giáo, rồi sau xem các điều-mục khác ở phần *hình-nhi-hạ-học*, là phần thực-hành, mới rõ các manh mối và mới không có sự hiểu lầm vậy.

1. ▲ *Thiên Khuyển-học* trong sách *Lễ-ký* của Đại-Đái chép rằng: « Từ-Cống hỏi: Quân-tử

thấy nước ở sông lớn thì xem là tại sao? — Khổng-tử nói rằng: Nước là quân-tử ví như đức vậy. Cho khắp cả mà không tư, giống như đức; đến đâu thì đó sống, không đến đâu thì đó chết, giống như nhân; trôi chảy xuống chỗ thấp, chảy thẳng, chảy quanh, đều theo lý, giống như nghĩa; ở trên cao trăm trượng chảy xuống khe mà không ngân-ngại, giống như dũng; chỗ cạn thì lưu hành, chỗ sâu thì không lường được, giống như trí; yếu-ớt, mờ nhỏ, mà đâu cũng thấm đến được, giống

như *sát* (soi xét tinh tường); chịu các cái xấu, không từ chối cái nào, giống như bao khóa thật (bao dung cả mọi vật); cái gì không sạch mà vào nước, thì không mấy cái ra mà không tinh khiết, giống như thiện hóa; đong thì bằng phẳng, giống như chính; đầy thì không phải gat, giống như có độ; đi chiết khúc bao giờ cũng chảy về đằng đông, giống như có ý. Vậy nên quân-tử thấy nước ở sông lớn thì xem. »

2. ▲ Sách *Thuợng-thư đại-truyện* chép rằng: « Tử-Trương hỏi rằng: Bậc nhân-giả sao mà

thích núi? — Khổng-tử nói rằng: Núi cao ngất! núi cao ngất! mà thích, là ở trên núi có cỏ cây sinh ra, có chim muông nảy-nở ra, có cửa-cải nhiều. Cửa cải sinh ra mà không để riêng tây, bốn phương đều đến lấy, mà không cho riêng ai. Mây gió ở đó mà ra để làm cho khoang trời đất thông với nhau, âm dương hòa hợp với nhau. Cái ân trạch vũ lộ, muôn vật nhờ đó mà thành, trăm họ nhờ đó mà có ăn. Ấy thế cho nên bậc nhân-giả thích núi vậy. »

3. ▲ Xem trang 109,

▲ Trong sách *Luận-ngữ* có mấy chữ *công* 攻 đều nghĩa là đánh, trị. như:

« *Minh cổ nhi công chi*

鳴鼓而攻之:

Đánh trống mà trách tội người ấy. » (*Tiên tiến, XI*). —

*Công kỳ ác, vô công nhân chi ác*

攻其惡, 無攻人之惡:

Trị những điều xấu của mình, không trị những điều xấu của người. » (*Nhan-Uyên, VII*).

Về sau hậu-nho hoặc theo ý bài bác Dương Mặc của Mạnh-tử, hoặc đem ý riêng mà giải nghĩa chữ *công* là chuyên theo, hay là học. Giải nghĩa như thế có lẽ không đúng cái ý của Khổng-tử. Ngài vẫn có cái thái-độ « *vô khả vô bất khả* ».

▲ Hai chữ *phu phụ* ở đây ăn nghĩa với câu trên, nói người tâm-thường hèn-hạ. Các tiên-Nho đều hiểu như thế cả. Có người nói là *vợ chồng* thì sai nghĩa sách.

▲ Nghĩa mấy chữ: « *Vô khả vô bất khả* » cũng như nghĩa câu: « *Quân-tử vô nhập nhi bất tự đắc yên* », tóm được cả cái tinh-thần của đạo Khổng. Nhưng theo được Đạo ấy thật là khó, vì người nào có trí-tuệ minh-đạt, trực-giác mẫn-nhuệ lắm, mới biết được thế nào là *vô khả*, thế nào là *vô bất khả*. Muốn hiểu rõ nghĩa mấy chữ ấy, tưởng nên xem những lời bàn của Mạnh-tử rằng:

« *Khổng-tử khả dĩ sĩ tắc sĩ; khả dĩ chỉ, tắc chỉ; khả dĩ cửu, tắc cửu; khả dĩ tốc, tắc tốc:*

*Nên làm quan thì làm quan; nên thôi thì thôi; nên lâu thì lâu; nên mau thì mau,* » (*Mạnh-tử: Công-tôn Sửu thượng*).

Lại có chỗ ông nói rằng:

« *Khả dĩ thủ, khả dĩ vô thủ, thủ thương liêm; khả dĩ dữ, khả dĩ vô dữ, dữ thương huệ; khả dĩ tử, khả dĩ vô tử, tử thương dũng:* »

Có khi nên lấy, có khi không nên lấy, khi không nên lấy mà lấy là hại cái liêm; có khi nên cho, có khi không nên cho, khi không nên cho mà cho là hại cái huệ; có khi nên chết, có khi không nên chết, khi không nên chết mà chết là hại cái dũng. » (Mạnh-tử: Ly-Lâu hạ) Những lời ấy giải rõ nghĩa mấy chữ: « *Vô khả vô bất khả* » của Khổng-tử vậy.

▲ *Tiểu-tướng* 小相 đây nghĩa là chức **tán-lễ** để giúp vua trong lúc tế-tự.

---

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



**VIỆT NAM VĂN HIẾN**

[www.vietnamvanhien.info](http://www.vietnamvanhien.info)



**TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN ON LINE VỚI HƠN 10200 TÁC PHẨM**